

MINH ĐƯỜNG

Nghi lễ Tân gian

Nghi lễ cúng Gia tiên



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MINH ĐƯỜNG

NGHI LỄ DÂN GIAN

NGHI LỄ CÚNG GIA TIÊN

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

Lời nói đầu

Một số dân tộc ở châu Á xưa kia đã thần thánh hoá cái tinh thần trùu tượng thành khái niệm "linh hồn", từ đây linh hồn trở thành đầu mối của tín ngưỡng. Họ cho rằng chết tức là cơ thể chuyển từ cõi cõi Dương sang cõi Âm. Cõi Âm là "thế giới bên kia", ở các vùng nông nghiệp sông nước thì "thế giới bên kia" bị ngăn cách với cõi trần bởi 9 (đây là con số ước lệ chỉ số nhiều) suối. Bởi vậy chết là về với Tổ tiên nơi chín suối, Tổ tiên sau khi mất, thân thể dù không hiện hữu nhưng thường xuyên đi về thăm nom, phù hộ cho con cháu nơi trần gian. Đó là niềm tin đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người và trở thành văn hóa tâm linh, thành tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Đây chính là một đặc thù của văn hóa vùng Đông Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong những ngày giỗ (ngày mất của người thân trong gia đình), ngày rằm, mồng một, lê, tết, hội hè, người Việt thường sắp lê (gồm có hương hoa, trà rượu, đồ ăn, đồ mặc, tiền vàng...) đặt lên hương án để mời tổ tiên, thần linh về thụ lộc, chứng giám cho tấm lòng thành của người đang sống. Hoạt

động này không hề đồng nhất với mê tín dị đoan mà là một giá trị văn hoá lâu đời của dân tộc ta. Đó là tinh hoa được chắt lọc qua suốt chiều dài lịch sử, biểu tượng cho khát vọng về một cuộc sống vật chất phồn vinh và tinh thần hạnh phúc, thể hiện tấm lòng nhân hậu biết ơn của người Việt. Vì thế mà trong đời sống tinh thần của nhân dân ta: quá khứ, hiện tại và tương lai không thể tách rời mà trở thành một khối thống nhất. Quá khứ vẫn tồn tại trong hiện tại và tương lai vẫn là ngọn nguồn của sức sống công đồng, hình thành nên lối sống trọng tình, trọng nghĩa cho con người Việt Nam.

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM



1. NGUỒN GỐC CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Sự ra đời của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của dân tộc ta được lý giải theo ba nguồn gốc sau.

Tiếp nối tín ngưỡng Tô tem giáo

Một số nhà khoa học cho rằng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam nói riêng và ở các nước châu Á nói chung là tiếp nối tín ngưỡng Tô tem giáo. Tô tem giáo gắn liền với tổ chức thị tộc. "Mỗi tổ chức thị tộc có những hình thức thờ cúng riêng, trong khuôn khổ các tập tục thờ cúng vật thiêng tổ tiên". Họ cho rằng người chết chỉ là chết ở trần thế, còn linh hồn vẫn tiếp tục "sống" ở nơi chín suối, ở thế giới bên kia, linh hồn người chết vẫn có "như cầu sinh hoạt" như người sống. Vì thế, người ta chôn theo người chết những đồ tuỳ táng, người ta phân chia các đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người chết (Hiện nay có thể tìm thấy các đồ này ở các dân tộc Tây Nguyên và dân tộc H'mông), về sau người ta đốt đồ vàng mã cho người chết, mỗi khi cúng lễ cầu khấn người chết (ngày nay đốt tiền âm phủ, các đồ bằng giấy đắt tiền như ti vi, ô tô, xe máy...).

Từ ý niệm trên đây, mối liên hệ giữa người sống và người chết được tiếp tục duy trì, nhất là đối với ông bà cha mẹ qua đời, thì việc thờ cúng dần trở thành một tín ngưỡng - tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Từ nền kinh tế nông nghiệp gia đình phụ quyền

Từ khi xã hội Việt Nam chuyển từ mẫu hệ sang phụ hệ, vai trò người đàn ông trở nên quan trọng trong

hoạt động kinh tế, và trong mọi sinh hoạt gia đình. Vợ và các con họ phải tuyệt đối phục tùng tôn trọng cái quyền được xác lập ấy. Nhà tôn giáo học nổi tiếng Tôkarep, đã cho đó là hình thức phản ánh tất nhiên quyền hành gia trưởng trong mỗi gia đình phụ quyền. Những đứa con trai mang dòng họ cha, kế tiếp ý thức về uy quyền trong mỗi gia đình của mình. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được xác lập theo dòng họ cha bắt đầu từ đây.



Khi bước vào chế độ phong kiến, vai trò người đàn ông vẫn là chủ đạo, cộng thêm việc phu phen tạp dịch, lính tráng, người đàn ông, người cha vẫn giữ chủ đạo, vì thế quyền gia trưởng vẫn thuộc về người đàn ông. Việc nuôi nấng, chăm sóc con cái rất vất vả, dân gian ta có câu "Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng biển", đó không

chỉ ở ý nghĩa thiêng liêng cha mẹ sinh thành mà còn nói đến công dưỡng dục. Khi con trai trong nhà trưởng thành, cha mẹ phải lo đủ ba việc lớn là: tậu trâu, làm nhà, cưới vợ, để chúng tự lập sinh sống tiếp nối hình thức gia đình phụ quyền tiếp theo, nếu chưa làm được thì cha mẹ nhắm mắt chưa yên. Chính vì những lý do nói trên, mà người Việt, đối với cha mẹ một lòng tôn kính khi sống, thờ cúng, tưởng nhớ khi chết. Và cứ như thế, đời này qua đời khác, cha mẹ đối với ông bà, con đối với cha mẹ, kế tiếp nhau thành tín ngưỡng thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên.

Tiếp thu Nho giáo trong việc đề cao chữ hiếu nghĩa

Nho giáo du nhập vào nước ta thông qua con đường xâm lược của đế quốc phương Bắc. Phải mất khá lâu, Nho giáo mới có chỗ đứng trong văn hóa Việt Nam. Tư tưởng cơ bản của Nho giáo là rất mực tôn quân, đề cao chế độ phong kiến quan liêu tập quyền. Để bảo đảm cho chế độ truyền tử, ngôi vua chỉ truyền cho con trai trưởng, nhằm tránh hậu họa, các con thứ tranh giành ngôi vua sinh ra loạn lạc, Nho giáo đề cao gia đình "quyền huynh đệ phụ", người con trai cả kế nghiệp vua, thừa kế tài sản, thờ cúng tổ tiên. Nho giáo đề cao chữ hiếu nghĩa "Trung chi quân, hiếu chi phụ mẫu, dũ chi bản" (kinh Lễ) (Trung với vua, hiếu với cha mẹ là cùng một gốc vậy). Và "Hiếu giả sở sơ dĩ sự quân dã, để giả sở dĩ sự trưởng dã, từ giả sở dĩ sự chúng dã" (Hiếu là để phụng sự nhà vua đấy, là để phụng sự bề trên đấy, là để sai khiến dân chúng đấy).

Người Việt tiếp thu tư tưởng Nho giáo chủ yếu để xây dựng chế độ phong kiến, vào giai đoạn hưng thịnh, tư tưởng Nho giáo đã có nhiều đóng góp tích cực. Các nhà nước phong kiến đã đưa ra các quy định để thể chế hoá tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thời Lê việc thờ cúng tổ tiên được pháp luật bảo vệ. Điều 339 và 400 trong Lê triều hình luật qui định: Ruộng hương hoả, cơ sở kinh tế thờ cúng tổ tiên, dù con cháu nghèo khó cũng không được đem bán, nếu bán ghép vào tội bất hiếu. Nếu người trong họ mua ruộng đất ấy, thì mất số tiền mua, người ngoài mà mua thì phải cho chuộc, người mua không được cố giữ. Ở điều 400 còn qui định, nếu không có con trai, thì con gái có quyền thờ cúng tổ tiên.

Ở trong dân gian cũng chấp nhận con rể thờ cúng tổ tiên nhà vợ, ca dao có câu:

Phụ mẫu em cũng như phụ mẫu chàng,

Hai bên phụ mẫu tạc bốn chữ vàng thờ chung.

và:

Phụ mẫu em không có con trai,

Kiếm nơi rể thảo một mai phụng thờ.

Suốt thời Lê cho đến thời Nguyễn, đều có lệ khen thưởng những người con hiếu nghĩa "cha mẹ sống lấy lẽ mà thờ, cha mẹ chết lấy lẽ mà táng". Ở thời Nguyễn việc tang lễ và thờ cúng tổ tiên qui định như là một luật tục khá chi tiết đầy đủ, được tác giả Hồ Sĩ Tân chép thành sách "Thợ mai gia lẽ" lưu truyền đến ngày nay.

2. BẢN CHẤT CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam đã trở thành một tôn giáo gọi là Đạo Ông Bà. Xoay quanh vấn đề nói trên còn rất nhiều tranh cãi, trong phạm vi của cuốn sách này, chúng tôi xin trình bày một cách đơn giản dễ hiểu nhất về bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt như sau: Đây là một loại niềm tin. Người Á Đông nói chung và người Việt nói riêng tin rằng người chết không mất đi vĩnh viễn mà chỉ là đi sang một thế giới khác và vẫn thường xuyên qua lại trần gian thăm hỏi phù hộ cho con cháu. Do đó, nhiều người coi cái chết "nhẹ tựa lông hồng", đón nhận nó như một quy luật tất yếu của nhân gian, chết như thể là trở về cội nguồn, trở về với bàn tay bao bọc che trù của ông bà, cha mẹ... Nói rộng hơn, tổ tiên của người Việt còn bao gồm cả những người có công với cộng đồng làng xã, quê hương đất nước như vua Hùng, mẹ Âu Cơ, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... Qua đây còn thể hiện một đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tốt đẹp của người Việt. Từ xưa cho đến nay đạo hiếu, lòng biết ơn người đi trước luôn là chuẩn mực của làm người được coi trọng hàng đầu của dân tộc ta. Tình thần này đã bồi đắp nên ý chí kiên cường cho lớp lớp thế hệ người Việt trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Còn nhớ, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã từng viết:

"Thà đui mà giữ đạo nhà

Còn hơn có mắt ông cha không thờ".

Câu nói của ông đã khích lệ nhân dân Việt Nam đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, tuy thất

bại nhưng vẫn còn đó một huyền thoại bất khuất về các nghĩa sỹ Cân Giuộc. Bởi vậy khi nói đến khí chất và tính cách con người Việt Nam, chúng ta không thể nào không nhắc đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có từ hàng ngàn đời nay.

3. GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Một trong những nét văn hóa đặc thù của dân tộc Việt Nam là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Đã là người Việt Nam thì "mọi người đều thờ ông bà, mọi người đều thờ cúng tổ tiên". Thờ cúng tổ tiên đã trở thành một phong tục truyền thống, có vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống tinh thần của dân tộc ta. Nó là một trong các thành tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Cùng với tiến trình lịch sử của dân tộc, tín ngưỡng này bồi lăng, kết tụ những giá trị đạo đức quý báu của con người Việt Nam.

Tổ tiên theo quan niệm của người Việt Nam, trước hết là những người cùng huyết thống, như cha, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ... Tổ tiên cũng là những người có công tạo dựng nên cuộc sống hiện tại như các vị Thành Hoàng làng các Nghệ tổ. Không chỉ thế, tổ tiên còn là những người có công bảo vệ làng xóm, quê hương, đất nước khỏi nạn ngoại xâm như Trần Hưng Đạo đã thành "cha" được tổ chức cúng, giỗ vào tháng 8 âm lịch hàng năm, do vậy dân gian mới có câu: "Tháng 8 giỗ cha". Tổ tiên trong tín ngưỡng của người Việt Nam còn là mẹ Âu Cơ - người sinh ra các dân tộc trong đại gia đình Việt nam, còn là Vua Hùng - vị vua có công khai

quốc của dân tộc. Ngày nay giỗ tổ vua Hùng đã trở thành quốc lễ: "Dù ai đi ngược về xuôi nhớ ngày giỗ tổ mùng 10 tháng 3".



Thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng mà thông qua nghi lễ thờ cúng nhằm xác lập "mối liên hệ" giữa người sống với người chết, giữa thế giới hiện tại và thế giới tâm linh. Là sự thể hiện quan niệm về nhân sinh của người Việt Nam: "Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn". Với người Việt Nam, chết chưa phải là hết, tổ tiên lúc nào cũng ở bên cạnh người sống, "ngự" trên bàn thờ mỗi gia đình, động viên, trợ giúp cho con cháu trong cuộc sống thường ngày. Nếu như tôn giáo thường tuyệt đối hóa đời sống tinh thần, hướng con người về thế giới siêu thoát, thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tuy

có hướng con người về với quá khứ, song lại rất coi trọng hiện tại và tương lai.

Phong tục thờ cúng tổ tiên được người Việt Nam rất coi trọng. Việc cúng giỗ tổ tiên được tổ chức vào ngày giỗ, lễ tết trong năm và những ngày trong gia đình có sự kiện quan trọng như lấy vợ, làm nhà, tậu trâu, thi cử, đi xa... Thông qua nghi lễ thờ cúng, người Việt Nam gửi gắm tình cảm biết ơn đối với tổ tiên. Trong mỗi gia đình tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên dần dần trở thành đạo hiếu. Công cha, nghĩa mẹ như núi cao, nước nguồn cho nên người Việt Nam hiếu thảo với cha, mẹ khi còn sống, thành kính, biết ơn, tiếc thương khi cha, mẹ khuất núi về với tổ tiên.

Cùng với sự thể hiện đạo hiếu với tổ tiên, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn là sợi dây liên kết giữa những con người trong cuộc sống hiện tại. "Anh em như thể chân tay", "gà cùng một mẹ", bà con làng xóm "tắt lửa tối đèn có nhau", tình nghĩa xóm làng như "bầu với bì" tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Từ đó lòng nhân ái, tính cộng đồng được xây dựng, củng cố, ở cả quá khứ, hiện tại và tương lai; giữa người đã khuất và người đang sống.

Tưởng nhớ tới tổ tiên, người Việt Nam khéo bão nhau phải sống sao cho xứng đáng với kỳ vọng của tổ tiên "Con hơn cha, nhà có phúc". Để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc để có thể tự hào kính báo với tổ tiên, để khỏi phải hổ thẹn với tổ tiên. Khi con cháu phấn đấu thành đạt thì "Vinh quy bái tổ". Người Việt luôn cần cù, sáng tạo trong việc tạo dựng cuộc sống. Đức tính cần cù, sáng

tạo trong lao động cũng được hình thành và khẳng định một phần thông qua ý thức về tổ tiên, cội nguồn.

Tổ tiên không chỉ là tấm gương sáng cho con cháu noi theo, hiếu với tổ tiên còn có nghĩa là con cháu phải thành đạt. Nhân dân ta luôn nhắc nhở con cháu thành đạt để làm rạng rõ tổ tiên, dòng họ, làng xóm, quê hương.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn hun đúc nêu tình yêu quê hương, yêu đất nước cho con người Việt Nam. Thôi thúc các thế hệ chiến đấu bảo vệ từng tấc đất của cha ông. Từ đây, lòng yêu nước, tự hào dân tộc là giá trị đạo đức quý báu, xuyên suốt và có ý nghĩa định hướng cho lê sóng của con người Việt Nam.

Như vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam trong quá trình hình thành, tồn tại của nó đã góp phần tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống như lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tính cộng đồng, tính cần cù, sáng tạo, lòng hiếu học, lòng yêu nước. Trong đó yêu nước là giá trị đạo đức hàng đầu trong hệ thống đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đó là những giá trị hết sức quý báu mà chúng ta cần nghiên cứu, khai thác để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Bản thân mọi giá trị không phải bất biến mà nó luôn biến đổi cùng tiến trình lịch sử, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là sản phẩm tinh thần của "nền văn minh nông nghiệp", "văn minh làng xã" trong lịch sử. Việc kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống đòi hỏi phải được kết hợp với những giá trị đạo đức mới. "Nội dung mới" cần được đưa thêm vào "hình thức cũ" cho phù hợp với

xã hội công nghiệp hiện đại. Hiếu với tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ cần được nâng lên cao hơn, đẹp hơn, đó là "hiếu với dân, với nước"; lòng nhân ái phải được nhân lên thành chủ nghĩa nhân đạo; tính cộng đồng cần được kết hợp với chủ nghĩa tập thể, lòng yêu nước phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội; tính cần cù, sáng tạo trong lao động phải gắn với lòng tự tin, ý thức làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Trong hoạt động thờ cúng tổ tiên, cần khôi phục lại một số mĩ tục và kiên quyết đấu tranh chống lại các yếu tố mê tín dị đoan thiến lành mạnh.

Từ xưa, người Việt Nam tôn trọng luân lý dựa trên căn bản đạo đức là: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Nhân dân ta đặc biệt coi trọng chữ đức. Đức còn có đức nhân (tức là giữ đạo làm người), đức nghĩa, và đặc biệt là đức lễ. Biết giữ lễ nghĩa là biết đối xử với người như người đối xử với mình, chịu ơn người phải biết nhớ ơn, được người giúp đỡ phải biết báo đền lại.

Nhân dân ta từ xưa đã có cái nhìn rất biênh chứng là trong con người có cái vật chất và cái tinh thần. Cái tinh thần trừu tượng, khó nắm bắt nên người xưa đã thần thánh hoá nó thành khái niệm "linh hồn", và "linh hồn" trở thành đầu mối của mọi tín ngưỡng.

Việc thờ cúng, lập ban thờ tổ tiên để giữ lấy đức nghĩa của đạo làm người được các thế hệ người Việt Nam đặc biệt coi trọng. Vì thế, khi cha mẹ qua đời, con cháu phải lo tang ma chu đáo và thờ cúng theo truyền thống. Đó là một điều lẽ theo lẽ trời, một phép tắc của người Việt Nam.



Ở người Việt, có một nét đặc thù về sự thờ cúng tổ tiên: tổ tiên gia đình và tổ tiên cả nước gắn chặt với nhau trong tưởng niệm và thờ cúng.

Thờ cúng tổ tiên của người Việt được "cố định" ở một chiều sâu tiềm thức không phai nhạt. Người ta khẳng định con người, cá nhân không hề đoạn tuyệt với "dòng giống", dù là trên phạm vi cả dân tộc hay ở phạm vi từng gia đình.

Thờ phụng tổ tiên của dân ta là nét đẹp về đạo lý "uống nước nhớ nguồn", nét đẹp trong tình cảm tâm tư của người sống với người chết, họ mong muốn tổ tiên "bất tử" để dùi dắt, che chở cho cháu con, cho dòng họ nối tiếp phát triển.

4. CÁCH THỨC THỜ CÚNG GIA TIỀN

Bàn thờ gia tiên

Tục thờ cúng gia tiên đã được hình thành từ rất sớm đối với các cư dân ở vùng châu Á. Trong không gian đó thì tục thờ cúng gia tiên của người Việt là một sinh hoạt tâm linh thường trực đối với bất kể người nào. Người Việt thường coi gia tiên của dòng họ mình, nhà mình là thần linh riêng luôn đứng bên cạnh hỗ trợ về mọi lẽ đời, lẽ đạo của từng con người. Hiện tượng này dù cho mang tính tự nhiên, tự phát nhưng suy cho cùng đã được nhiều nhà nghiên cứu coi rằng nó xuất phát từ một khía cạnh của bản sắc văn hoá dân tộc. Hầu như trước đây, không một người Việt nào quan niệm chết là hết, mà sự chết chỉ là hiện tượng chuyển kiếp từ không gian vật chất sang không gian tâm linh với một linh hồn vĩnh cửu mà thôi. Linh hồn này bất biến, tự nhiên, tự tại và luôn có khả năng chi phối lại với những kiếp đời ở trần gian. Một đặc điểm khác là, người Việt thường nhìn những linh hồn vĩnh cửu ấy "thuộc dòng họ của mình" là những chuẩn mực về cả đạo và đức, dù cho sinh thời kiếp đời đã qua đó vẫn còn nhiều nhược điểm. Suy cho cùng những bậc bê trên sau khi khuất núi thường được coi như thần linh của con cháu, mà người Việt đã từng nhận thức về thần linh như sau: "Anh tú của đất trời là sông núi, Anh tú của sông núi là thần linh...", như vậy thần linh là vẻ đẹp thánh thiện của con người, có khả năng đem ân huệ đến cho đời.

Chính vì những điều đó người Việt đã "kính thần như thần tại". Trong nhận thức xưa, người Việt chưa có

ý thức đầy thần linh lên cao, thần luôn tồn tại cùng thế gian, đặc biệt là Ông, Bà, Cha, Mẹ... đó là một thế lực tinh thần đảm bảo sự an toàn về mặt tâm linh cho mọi con người trên đất Việt. Tuy nhiên, việc ứng xử với thần linh, không phải nhận thức của mọi người trong cộng đồng đều nhất loạt như nhau, mà lệ thuộc vào thành phần giai tầng, vào học thức, vào tôn giáo, tín ngưỡng và cả sự giàu nghèo nữa.



Do hoàn cảnh nghèo đói, nên ngay tại quê hương gốc, họ cũng không có điều kiện để tiếp xúc với những hệ tôn giáo lớn như Phật giáo, Nho giáo, thậm chí không có cả điều kiện tham gia vào sinh hoạt tín ngưỡng dân gian truyền thống như "Đạo Mẫu"... và hành trang tinh thần, gắn với tư tưởng của họ, đem

theo vào vùng đất mới, chủ yếu chỉ có một tục thờ cúng gia tiên, Ông - Bà mà thôi.

Tới nay, nhìn chung bàn thờ gia tiên của khắp mọi miền đất nước đều xuất phát từ một tinh thần tương đồng, lấy ý thức tôn sùng làm trọng và ít nhiều vẫn tùy thuộc vào kinh tế của từng gia đình mà bàn thờ gia tiên thể hiện đơn giản hoặc phức tạp khác nhau.

Có thể lấy những bàn thờ gia tiên phổ biến của những gia đình ít nhiều chịu ảnh hưởng của đạo Phật và tín ngưỡng dân gian phổ biến làm ví dụ. Quan niệm chung nhất của người xưa và nhiều gia đình còn “nền nếp” hiện nay thường cho rằng gia tiên là thần linh của chính dòng họ và gia đình đó, mà trong quan niệm chia vú trụ làm ba tầng thì thần linh thường ở tầng trên, nơi thiêng liêng gắn với bầu trời, vì thế bàn thờ cũng là một biểu tượng của bầu trời tinh khiết. Về nguyên tắc nơi đây phải được thanh tịnh và mang tư cách nơi để thông tam giới, để con người làm lễ thông linh. Vì thế, người ta thường bày bàn thờ thích hợp với những yêu cầu đó. Cụ thể là, để biểu tượng cho bầu trời thì ở hai góc ngoài của bàn thờ phải có hai cây đèn hoặc nến để tượng trưng cho mặt trời (đặt phía bên trái bàn thờ) và cho mặt trăng (bên phải bàn thờ). Bát hương ở giữa để tượng trưng cho tinh tú.

Trong quá trình phát triển của tín ngưỡng thì sự hội nhập những yêu cầu tâm linh của con người vào bàn thờ là lẽ tất yếu, nhất là theo ước vọng cầu phúc luôn thường trực của cư dân nông nghiệp nước ta. Họ luôn mong có nguồn sinh khí truyền xuống cho muôn loài

sinh sôi, cho cây cối phát triển, cho mùa màng bội thu, nên thông thường trong bát hương bao giờ cũng có một trụ cắm hương vòng. Trụ này như là trục của vũ trụ, cái gạch nối của tầng trên với tầng dưới là con đường chuyển tải sinh khí (nên chỉ có thể chấp nhận là màu đỏ), nhờ đó mà hạnh phúc tràn đầy, nên giữa thân cây hương bao giờ cũng có chữ Hỷ. Nhiều gia đình giàu có, hay ở nhiều di tích đã nhìn nhận trục vũ trụ này dưới dạng một cây “thiên mệnh” nên đôi khi thay bằng một cành “trầm” hay “kỳ nam” khúc khuỷu.

Trong nhận thức của người Việt cũng như nhiều cư dân trên thế giới xưa kia, người ta đã sớm nhận ra: Hình như có một thế lực siêu phàm nào đó, vô hình, có khả năng chỉ phổi đến thế gian và mọi kiếp đời. Một yêu cầu tâm linh từ thời cổ đại được đặt ra là làm thế nào tiếp cận với thế lực siêu hình này. Người xưa không tìm thấy thế lực đó trên mặt đất và ở dưới mặt đất, nên đã có ý thức đẩy lên tầng trên.

Song, con người không thể tự đi lên trời, chỉ tới khi tìm ra lửa và đưa vào sinh hoạt văn hóa người ta mới nhận ra rằng có lửa thì có khói, khói thường bao giờ cũng bay lên, vì thế mới nhờ khói để chuyển những ước vọng của mình lên các đấng thiêng liêng. Cụ thể những người châu Phi và rất nhiều cư dân khác, trong đó có cả người Việt ngày nay thường đốt một đống lửa rất lớn rồi nhảy múa xung quanh (những cư dân thờ mặt trời thường múa tập thể, đi ngược chiều kim đồng hồ).

Trên dòng chảy của văn hóa, dần dần ở phương Đông, với sự kính trọng người ta đã hội vào đèn hương

(hương có nghĩa là thơm) để dâng lên thần linh lòng sùng kính tối thượng của mình... Từ đó chúng ta có thể hiểu rằng trong mỗi giao tiếp với thần linh và gia tiên thì hương - lửa là điều không thể thiếu, mà hương nến bắt buộc phải tạo khói mới có khả năng thông linh. Hiện nay do nhận thức vượt ra ngoài truyền thống và không gian tâm linh, người ta đã thay bằng thứ hương nến điện. Có thể coi hình thức này là sự suy lạc của tín ngưỡng và vì đời hơn vì đạo. Có nghĩa hương nến điện chủ yếu để trang trí nhiều hơn là sự kính cẩn và thông linh.

Ở trên trực trung tâm của bàn thờ, ngay sau bát hương thường để một chiếc tam sơn dạng như chiếc ý có ba cấp chênh lệch. Tam sơn (đỉnh núi ba ngọn) tượng trưng cho gạch nối giữa trời và đất với ý thức chuyển tải sinh lực từ tầng trên xuống tầng dưới. Trên tam sơn thường đặt ba cái đài đựng ba chén nước trong. Người Việt vốn dĩ là nông dân, nên rất trọng nước, vì thế ba chén nước trong này vừa là nước thiêng đồng thời cũng tượng trưng cho hạnh phúc tràn vào cõi thế (không để rượu hoặc nước chè).

Phía sau tam sơn (với một số bàn thờ của gia đình bình thường), đa số xếp một cái đỉnh ba chân (sau này là đỉnh bốn chân), nắp đỉnh được thể hiện phổ biến hình một con lân trong tư thế nhín ra. Người xưa quan niệm rằng lân là hiện thân của sức mạnh tầng trên, của sự trong sáng và trí tuệ, nên nó có trách nhiệm kiểm soát tâm hồn kẻ hành hương (kiểm soát lòng thành của con cháu khi đứng trước bàn thờ).

Đỉnh trầm chỉ thiêng nhờ chất liệu bằng đồng hoặc đất nung và khói thơm. Đỉnh phải được đặt một chân đưa ra phía trước, hai chân để phía sau, nhằm biểu tượng cho chính nhân quân tử. Mỗi chân của đỉnh còn được coi là một con “quỷ”, linh vật có đầu giống hổ phù và chỉ có một chân mà thôi. Từ thời Khổng Tử đã đề cập đến linh vật này và cho rằng sự xuất hiện của nó gắn liền với sự xuất hiện của thánh nhân (người tài giỏi, xuất thế cứu đời). Tinh thần này phù hợp với ước vọng truyền đời của người dân Việt, trong ý thức: Phi trí bất hưng; Phi thương bất phú; Phi công bất hoạt; Phi nông bất ổn.

Ở một số gia đình khá giả, thường đằng sau chiếc đỉnh có đặt một khán thờ được chạm trổ rất kỹ, khán có mái mui luyện hoặc mái chảy xuống phía sau, mặt trước tạo "cửa vồng" theo lối "trường rủ màn che", điểm xuyết những đè tài hoa, lá, rồng cùng các linh vật khác... đã tạo thêm sự linh thiêng và vẻ đẹp uy nghi cho bàn thờ. Khán có cửa ở phía trước, hé mở vào ngày giỗ Tết, trong lòng khán thường chỉ để một bài vị chung, hoặc bài vị ông tổ của dòng họ.

Xưa kia, với các nhà thờ họ còn có nhiều bài vị của các tổ nối dòng được đặt ở hai bên, theo thứ tự: thế hệ lẻ ở bên trái, thế hệ chẵn ở bên phải. Cũng có khi, tùy thuộc vào "công lao" mà người nữ đóng góp đối với dòng họ thì cũng được đặt thờ ở đây. Chẳng hạn từng cặp vợ chồng thì (trong cách nhìn ra) chồng ở bên trái, vợ ở bên phải, còn những người phụ nữ hoàn tông nhân (trở lại họ mình) hoặc bà cô thiêng thì chắc chắn để ở bên phải

khám thờ. Bàn thờ của người Việt còn chịu ảnh hưởng của đạo Phật và tín ngưỡng dân gian, vì thế ở hai bên của chiếc đinh, cũng thường được bày theo cách: "đông bình, tây quả". Có nghĩa là bên trái của đinh đồng thường chỉ đặt một chiếc bình không (độc bình). Những người theo Phật giáo cho rằng tuy đây là một điểm nhấn về nghệ thuật ở trên bàn thờ, song ý nghĩa phật triết còn cao hơn, vì nó tượng trưng cho tâm không của nhà Phật, để nói lên bản thể chân như, tức cốt lõi chung của muôn loài, muôn vật. Từ đó đưa tới ý thức đại từ tâm...

Bình này chỉ sử dụng để cắm cành đào ngày Tết với ý thức cho tâm thanh, lòng tịnh và hạnh phúc tràn đầy. Vì cành đào khúc khuỷu như hình tượng của cây thiên mệnh (cây chứa đầy sinh khí và quyền lực). Hoa đào màu đỏ tượng trưng cho sức sống vô biên, cành đào còn mang nghĩa trừ tà ma, giữ yên bình cho con người, cắm trong độc bình có nghĩa như một lời nhắc nhở với những Phật tử: Hãy vén đám mây mù tối tăm che đậy thân tâm thì tự nhiên ánh sáng trí tuệ sẽ rọi tới...

Phía bên phải của đinh đồng thường để một mâm bồng thấp đựng quả, tượng trưng cho "ngũ phúc lâm môn". Gồm Phú: Giàu có, Quý: Sang trọng, Thọ: Sống lâu, Khang: Khỏe mạnh, Ninh: Yên ổn; cũng tượng trưng cho nguồn của cái năm phương đỏ về, tạo nên sự trù phú viên mãn. Thông thường đó là nải chuối xanh tượng trưng cho phương Đông, bưởi vàng tượng trưng cho Trung phương, hồng đỏ: Nam phương, lê trắng: Tây phương, một quả sâm màu: cho phương Bắc, năm quả này tùy theo điều kiện mà có thể thay thế, song màu thì

ít thay đổi. Cũng có người nói năm quả tượng trưng cho ngũ hành (trong trường hợp không có đinh đồng, mà thay bằng bàn tròn thái cực). Người Việt thường hay kết hợp những ý nghĩa về các loài quả với việc cầu sinh sôi phát triển. Nên cũng hay sử dụng quả có nhiều hạt, nhiều múi, chùm.

Như trên đã nói, bàn thờ gia tiên được coi như tầng trời nên cần phải thanh tịnh. Vì thế đồ lễ đặt ở đây thường chỉ là hương hoa, đăng, đèn, trà, quả, thực, oản. Bàn thờ này không có đồ mặn của trần gian. Về hoa, thông thường cũng thường để ở hai góc trong hai cành hoa giấy, mà ở trung tâm mỗi cành là một bông cúc cách điệu lớn được bao quanh bởi mười bông cúc nhỏ, bông hoa cúc trung tâm màu vàng, thường đặt bên trái để tượng trưng cho ngày, bông cúc trung tâm màu trắng đặt bên phải tượng trưng cho đêm, các bông cúc nhỏ tượng trưng cho tinh tú. Nhiều gia đình cũng sử dụng hoa tươi để biểu hiện sự thành kính của mình. Song, hoa tươi mang kiếp phù du nên nó ít có vị trí ổn định, tuy vậy nó cũng được đặt ở hai bên bàn thờ sao cho cân xứng.

Vào những ngày giỗ ngày Tết, lòng thành kính của con cháu muốn dâng lên những "kiếp đời đã qua" một số đồ mặn, thì các đồ này thường được đặt ở một bàn phụ phía trước, thấp hơn bàn thờ chính chút ít. Nhiều gia đình cầu kỳ thường lấy con số chín (là số phiếm chỉ, tượng trưng cho số nhiều, đầy đủ) nên kích thước của mọi bàn thờ dù chính dù phụ, ngang, dọc đều chia hết

cho con số chín, người ta tin rằng với con số này thì sức linh của gia tiên ứng cho con cháu được đủ đầy hơn.



Một đặc điểm khác, xuất phát từ bản sắc chung của dân tộc, nhiều gia đình hiểu biết đã đặt bàn thờ gia tiên không theo cách thức của phương Bắc, vì họ cho rằng người phương Bắc gần gũi với yếu tố âm, phương Nam gần với yếu tố dương, nên áp dụng cách thức của phương Bắc vào phương Nam thường không thích hợp. Mặt khác, từ cách đây hơn 2000 năm, đời Thương - Chu, sự phân hóa xã hội ở Trung Hoa đã khá mạnh, quyền lực tập trung trong tay lãnh chúa... dẫn đến vai trò của cá nhân có quyền lực được đề cao. Còn với người Việt, tính dân chủ tập thể trên nền tảng ruộng đất công vẫn còn tồn tại đến giữa thế kỷ 20, ý thức cộng đồng mạnh hơn ý thức cá nhân (trong đó có ý thức bảo vệ đất

nước) nên trong tín ngưỡng của người Việt ít thấy biểu lộ tính chất vì con người cụ thể nên bàn thờ phải quay hướng cho thích hợp.

Thực tế cho thấy hướng của bàn thờ người Việt xưa nay không lệ thuộc vào bát kỉ một cá nhân nào với tuổi tác của họ. Nếu có sự không thích hợp về hướng thì người đó cần né tránh đi, dù là trưởng tộc, có nghĩa không thể quay hướng bàn thờ theo tuổi tác của người đang sống. Bàn thờ của người Việt, bình thường được theo hai hướng cơ bản: Hướng Tây hoặc hướng Nam, vì hướng Tây hợp với quy luật của âm dương đối đai, lúc nào gia tiên cũng ở cùng con cháu, hướng Nam là hướng của Bát nhã, tức nhờ trí tuệ nên diệt trừ được ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Vì thế bàn thờ quay hướng Nam là hướng tối thiêng cẩn trên nền tảng trí tuệ. Hướng Nam cũng là hướng của sinh khí, hạnh phúc tràn đầy với mọi sự hanh thông, đồng thời cũng là hướng đề cao thần linh và gia tiên (thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ).

Một đặc điểm khác của người xưa, nhất là đối với nơi thờ tự, người ta thường để bàn thờ sát mặt đất, nền nhà tiếp giáp với bàn thờ hầu như không bao giờ lát gạch, chỉ nện chặt mặt đất dưới nhiều hình thức khác nhau, nhằm mục đích tránh cho âm dương cách trở, để mọi sự hanh thông. Vào khoảng thế kỷ 18 về sau, để tránh sự mối mọt và ẩm thấp, người ta buộc phải lát nền nhà bằng gạch có khả năng hút ẩm, nhưng dưới bát hương chính thường được để một huyệt lô đất không lát, hoặc đặt vào đó một phiến đá dày. Tất cả chỉ nhằm mục đích thông tam giới (trời đất và thế gian).

Thông thường người ta chia gian thờ làm ba lớp. Lớp ngoài là bộ phận phản để mọi người đến làm lễ, không đặt phản thì để trống nền nhà, khi cần có thể bày thêm bàn ghế, hay trải chiếu. Lớp thứ hai là hương án, trên đặt bộ đồ "tam sự" hay "ngũ sự" lớp thứ ba ở trong cùng mới thực sự là bàn thờ người đã khuất, trên để khám sơn son, bài vị, hộp hay ống đựng gia phả, khay đựng vật cúng, đài rượu và có thể có ảnh chân dung người quá cố.

Ngoài bàn thờ, người ta có che một chiếc màn gọi là ý môn. Khi cúng lễ xong, phải bỏ màn xuống để che khuất bàn thờ, để một lát sau mới hạ cỗ bàn. Ý nghĩa của hành động này theo quan niệm xưa "sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn", kính mời các vị gia tiên, ông bà về chung hưởng vật phẩm do con cháu dâng cúng. Khi các ngài "ăn uống" phải che màn lại, để người ngoài không nhìn thấy. Ngày xưa, những gia đình giàu có, điền chủ, quan lại, công chức cũ, trong gian dành để thờ tự còn được trang hoàng những bức hoành phi, liễn đôi sơn son thếp vàng. Ngoài ý nghĩa trang trí, những thứ bày biện ở nơi đây còn nhằm tăng sự tôn nghiêm, biểu tỏ lòng tri ân của con cháu đối với tiền nhân.

Vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, cùng với sự xâm nhập của kinh tế thị trường, văn hóa phương Tây cũng tràn vào thuộc địa. Hiện tượng đô thị hóa dần dần rõ nét. Đồng thời cũng xuất hiện nhiều ngôi nhà hiện đại theo kiến trúc châu Âu - thường gọi là nhà Tây - của các quan chức, nhân viên làm việc cho Pháp không chỉ ở

thành phố, thị trấn mà cả ở vùng quê. Ở những ngôi nhà này, không gian thờ cúng được bố trí trong những gian phòng, diện tích hẹp. Do đó, đã ra đời một loại tủ thờ được cách tân từ tủ đứng của Pháp, chỉ khác ở chỗ không có hai cánh cửa mở, hay đẩy ở phía trước, mà chỉ có cửa mở ở hai bên hông (có người giải thích cách thiết kế này là nhằm tôn kính gia tiên). Dần dần, kiểu tủ thờ này được "dân tộc hóa" thêm bằng những hoa văn hay hình ảnh mai, lan, cúc, trúc và sang hơn là cầm xà cừ và được nhiều gia đình khá giả ưa chuộng.



Bàn thờ là nơi thiêng liêng nên người ta không để các thứ lặt vặt, các vật dụng thường ngày trong sinh hoạt lên bàn thờ mà lúc nào cũng phải giữ bàn thờ và đồ thờ được sạch sẽ, uy nghiêm. Và bất cứ trong hoàn cảnh nào, dù túng thiếu đến mấy người ta cũng không đem cầm cố hay bán đồ thờ. Trước mỗi biến cố xảy ra

trong gia đình (chẳng hạn như: dựng vợ gả chồng cho con cháu; con cháu chuẩn bị đi thi; làm nhà mới; làm ăn; vợ sinh con; lập được công danh; trong nhà có người đau ốm, có người chuẩn bị đi xa, làm việc lớn...), gia chủ đều khấn vái gia tiên, trước hết là để trình bày sự kiện, sau là để xin sự phù hộ.

Mỗi lần cúng tế, tùy theo các gia chủ nghèo, giàu và tùy những buổi lễ, đồ lễ có thể gồm: rượu, hoa quả, vàng hương, xôi chè, oǎn, cỗ mặn, có khi thêm đồ vàng mã... và nhất thiết không thể thiếu một chén nước tinh khiết (nước mưa) bởi nước mưa biểu hiện cho sự trong sạch tâm linh trước gia tiên, thánh thần. Trong những trường hợp cần thiết, đồ lễ có thể chỉ cần một chén nước mưa, một nén hương thắp lên bàn thờ là đủ. Bàn thờ khi làm lễ phải có tháp đèn hay tháp nến. Hương trên bàn thờ bao giờ cũng thắp theo số lẻ (một hoặc ba nén...) và các nén hương phải được cắm ngay ngắn. Khi châm hương trong bát hương đã đầy, gia chủ thắp hương xin phép gia tiên nhổ chân hương, đem hóa thành tro rồi đổ xuống ao hồ. Bàn thờ gia tiên là điểm hội tụ truyền thống tốt đẹp của gia đình, gợi lên một chiều sâu tâm linh "cây có gốc, nước có nguồn", biểu hiện nếp sống văn hóa biết vun trồng gốc để cây đơm hoa, rồi kết trái ngọt, và từ đó sē toả sáng giá trị văn hóa soi cho con cháu bước vào tương lai.

Nghi thức thờ cúng

Trong tục thờ cúng tổ tiên, người Việt coi trọng việc cúng giỗ vào ngày mất (còn gọi là "ky nhật") thường

được tính theo âm lịch (hay còn gọi là "ngày ta"). Họ tin rằng đó là ngày con người đi vào cõi vĩnh hằng. Không chỉ ngày giỗ, việc cúng tổ tiên còn được thực hiện đều đặn vào các ngày mồng một (ngày sóc), ngày rằm (ngày vọng), và các dịp lễ tết. Những khi trong nhà có việc quan trọng như dựng vợ gả chồng, sinh con, làm nhà, đi xa, thi cử..., người Việt cũng dâng hương, làm lễ cúng tổ tiên để báo cáo và để cầu tổ tiên phù hộ, hay để tạ ơn khi công việc thành công.



Bàn thờ tổ tiên bao giờ cũng đặt tại nơi cao ráo, sạch sẽ và trang trọng nhất trong nhà (gian giữa đối với nhà một tầng, tầng trên cùng đối với nhà tầng). Trên bàn thờ thì bày bát hương, chân đèn, bài vị hay hình ảnh người quá cố. Đồ cúng cơ bản không thể thiếu

hương, hoa, chén nước lᾶ vì theo vǐ theo triết lý của các cư dân nông nghiệp thì nước là thứ quý giá (sau đất). Ngoài ra có thể có thêm thức ăn, trà rượu, và có khi có cả đồ vàng mǎ (quần áo đồ dùng làm bằng giấy), tiền âm phủ... Sau khi tàn tuần hương, đồ vàng mǎ và tiền âm phủ được đem dốt, được gọi là "hoá vàng", còn chén rượu cúng thì đem rót xuống đồng tàn vàng. Tục truyền rằng phải làm như vậy người chết mới nhận được đồ cúng tế, vì hương khói bay lên trời, nước (rượu) hòa với lửa mà thấm xuống đất tạo nên sự hoà quyện lửa - nước (âm dương) và trời - đất - người (tam tài) mang triết lý sâu sắc. Đối với người Việt Nam, dù nghèo khó đến mấy trong nhà vẫn phải có đồ thờ, hương án, bát hương, đài rượu, chân đèn. Đó là những vật gia bảo thiêng liêng.

Ngoài ra còn phải kể đến các bài văn khấn trong nghi lễ thờ cúng tổ tiên, bao giờ sắp lễ xong, người chủ trong gia đình cũng phải làm nghi thức khấn vái để mời tổ tiên về thụ lộc.

Các đồ thờ cúng gia tiên

- Bài vị: Bài vị hay Thần chủ được làm bằng gỗ tấp (cây tấp sống lâu được ngàn tuổi) có dán miếng giấy ghi tên húy (tên khi sống kiêng không được gọi), tên thụy (tên vua ban cho những người có chức tước sau khi chết), tên hàm hay hèm (tên người nhà đặt cho người chết để dùng khi cúng giỗ), bằng cấp, phẩm tước, tuổi, ngày sinh và ngày mất.

Bài vị hay Thần chủ được đặt trong lòng cái khám có cánh cửa, khi nào cúng tế mới mở ra. Khám được làm bằng gỗ quý, hình khôi chữ nhật, có cánh cửa, chạm trổ

rồng châu mặt nguyệt, và sơn son thếp vàng. Cái khám được đặt phía giữa ở trong cùng của bàn thờ.

- Ánh người quá cố: Nếu có ảnh của người quá cố ta nên đóng khung và bày bên cạnh bài vị để con cháu chiêm ngưỡng trong khi cúng.

- Lư hương: Lư hương dùng để đốt trầm (thứ cây gỗ có mùi thơm dùng để làm hương đốt) được đặt ngay trước bài vị. Việc đốt trầm cốt để tạo không khí thơm tho ám cúng và trang nghiêm ở nơi thờ cúng. Vì bát nhang thường thấp và nhỏ trong khi lư hương thường to và cao nên bát nhang thường được đặt ở phía ngoài lư hương để tiện cho việc cắm nhang (hương), nhất là khi có người đến dâng hương. Tuy nhiên, cũng có gia đình bày bát nhang ở ngay trước bài vị và lư hương ở phía ngoài của bát nhang.

- Bát nhang: Bát nhang còn gọi là bát hương được đặt ở chính giữa bàn thờ và trước lư hương. Bát nhang hay bát hương là một cái bát đựng tro hay cát đã được đẽi và rửa sạch để cắm nhang. Nếu không có tro hay cát, người ta lấy gạo để thay thế. Để tăng thêm vẻ trang nghiêm và trịnh trọng, phải có "ống đựng nhang" đặt trên bàn thờ.

- Hai chân đèn cây (nến): Hai chân đèn cây để cắm nến được bày ở hai bên bát nhang.

Bình hoa và mâm ngũ quả (5 thứ trái cây): Bình hoa và mâm ngũ quả được bày ở hai bên bàn thờ theo quy tắc "Đông bình Tây quả", tức là bình hoa bày ở hướng Đông và mâm ngũ quả bày ở phía Tây của bàn thờ. Hướng của bàn thờ luôn luôn được coi là hướng

Nam và hướng của người đứng lẽ luôn luôn được coi là hướng Bắc. Việc bày bình hoa và mâm ngũ quả này rất phù hợp với khoa học vì hướng mặt trời mọc, hướng Đông, có ảnh hưởng làm cho hoa nở.

- Ba ly đựng rượu: Ba ly đựng rượu hay ba ly đựng nước trong tinh khiết được đặt ở giữa bình hoa và mâm ngũ quả.

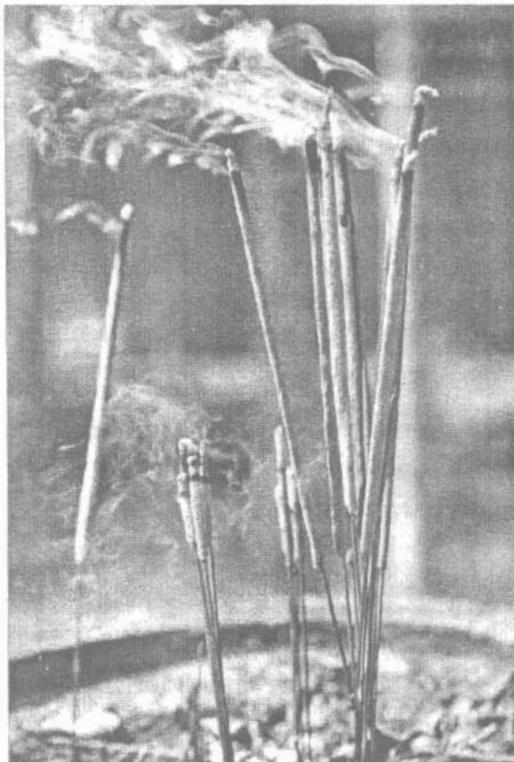
- Cỗ bàn: Cỗ bàn được bày trên một mâm riêng hoặc có thể đặt ngay trên bàn thờ.

- Ba bát (chén) cơm: Ba bát cơm chỉ được xối (đơm) tới lưng bát. Ba bát cơm này được bày ở phía ngoài cùng của bàn thờ.

- Ba đôi đũa son hay đũa ngà: Khi bày 3 bát cơm ta cũng phải bày 3 đôi đũa, thường là đũa son hay đũa ngà. Theo phong tục, ta phải có một "ống đựng đũa" để cùng với một lư hương, hai chân đèn, và một ống đựng nhang hợp thành bộ "Ngũ Sư".

Quy tắc bài trí bàn thờ

- *Quy tắc Âm Dương và Vô Cực:* Theo phong tục Việt Nam. Người ta trang hoàng bàn thờ bằng hai màu chính là vàng và đỏ. Căn cứ trong cách giải thích vũ trụ quan của Lão giáo, thì màu vàng và màu đỏ biểu tượng cho khí âm dương tiên thiên. Vào thời nguyên thủy, hai màu vàng, đỏ trộn lẫn với nhau trong Thái cực, (mà Thái Cực sinh ra âm dương, âm dương sinh ra Ngũ Hành để tạo ra trời đất).



Bát nhang tượng trưng cho "Vô Cực", tức là tính không cùng cực trong nghĩa lý vô cực của trời đất.

Lư hương tượng trưng cho âm dương. Lư hương và hai chân đèn gọi là bộ "Tam Sư". Nếu có thêm "ống đựng hương" và "ống đựng đũa" thì lư hương, hai chân đèn, ống đựng hương, và ống đựng đũa được gọi là bộ "Ngũ Sư".

- *Quy tắc Ngũ Hành:* Việc bày bàn thờ còn phải theo tiêu chuẩn của Ngũ Hành: Kim (lư hương, chân đèn), Mộc (chân nhang, đũa, bài vị), Thủy (nước và

rượu), Hỏa (đèn, nến), và Thổ (cát trong bát nhang, hay các đồ bằng sứ).

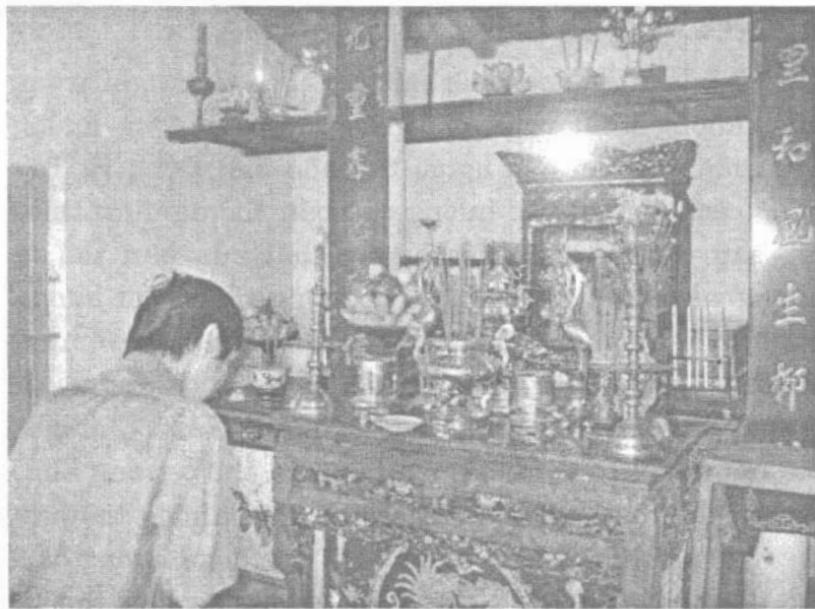
Ngày nay người ta bày 5 thứ trái cây ở địa phương hợp với ước muốn của dân chúng như: măng cầu, xoài, đu đủ, thơm (dứa), và mận,..

- *Đông bình Tây quả*: Bình hoa (hoa) và mâm ngũ quả (trái cây) được bày theo quy tắc "Đông bình Tây quả", tức là bình hoa đặt ở phía Đông và mâm ngũ quả đặt ở phía Tây vì có hoa rồi mới có quả. Nhờ ánh sáng mặt trời từ phương Đông nên hoa mới kết thành quả. Hoa quả mang ý nghĩa dưỡng dục sinh thành của tổ tiên, ông bà, và cha mẹ.

Vì bàn thờ được thiết lập tùy theo tiện nghi trong nhà, không nhất thiết phải theo đúng phương hướng thực của đất trời nên người ta phân biệt Đông và Tây bằng cách căn cứ vào hướng của bàn thờ đã được thiết lập sẵn. Không cần biết hướng thật của bàn thờ là hướng nào nhưng người ta cứ đương nhiên coi hướng bàn thờ là hướng Nam. Lý do là theo phong tục về nghi lễ, khi xây từ đường, miếu, chùa, hay đền thờ, người ta thường xây mặt tiền quay mặt về hướng Nam. Chính vì thế mà người ta có thói quen bày bàn thờ ở trong nhà, nếu có thể được, theo hướng Nam. Nếu không thể bày theo hướng chính Nam, người ta cũng cứ coi hướng bàn thờ đã bày là hướng Nam. Nếu coi hướng bàn thờ là hướng Nam thì bình hoa phải được để ở bên trái (phía Đông) và mâm ngũ quả được bày ở bên phải (phía Tây) của bàn thờ tính theo hướng của bàn thờ.

Quy tắc Tam Tài (Thiên Địa Nhân): Lý do phải bày ba bát cơm, ba đôi đũa, ba chén rượu hay nước trên bàn thờ là tượng trưng cho Tam Tài là Thiên, Địa, và Nhân, tức là Trời, Đất, và Người. Điều này có liên quan đến lề biến dịch của vũ trụ. Người được coi là nơi qui tụ đức của trời và đất. Khi cúng, mỗi người thường thắp 3 nén nhang cũng nằm trong ý nghĩa này.

Tuy nhiên, ngày nay việc bày bàn thờ còn tùy theo mỗi nơi và mỗi gia đình, tùy theo phương tiện, giàu nghèo, bày thế nào cũng được, miễn sao thể hiện được sự trang nghiêm, thành kính, và đẹp mắt.



Việc cúng tổ tiên còn thể hiện trong câu "sống sao thác vây". Câu này có ngụ ý là, tuy người thân đã mất nhưng lòng kính mến của người trong gia đình đối với người quá cố vẫn giống như lúc họ còn sinh tiền. Khi

sống người quá cố thích thứ gì thì khi chết sẽ được con cháu cúng thứ đó.

Chú ý khi cúng giỗ Tổ tiên:

Trong phong tục thờ cúng Tổ Tiên thì lễ cúng vong linh người đã khuất vào các kỳ giỗ: ông, bà, bố, mẹ, chồng (vợ) là quan trọng nhất

Cúng giỗ gia tiên thể hiện đạo hiếu, thể hiện tấm lòng thủy chung thương tiếc của người đang sống với người đã khuất. Nên vào ngày giỗ của tổ tiên, nhà giàu thì có tổ chức cúng lễ linh đình mời họ mạc gần xa, anh em bằng hữu về dự, còn nhà nghèo túng thì bát cơm, quả trứng, đĩa muối, lưng canh với ba nén nhang, cây đèn dầu cúng người đã khuất.

Theo tục xưa:

Nếu bố đã chết thì phải khấn là: Hiển khảo

Nếu mẹ đã chết thì phải khấn là: Hiển tỳ

Nếu ông đã chết thì phải khấn là: Tổ khảo

Nếu bà đã chết thì phải khấn là: Tổ tỳ

Nếu cụ ông đã chết thì phải khấn là: Tàng Tổ Khảo

Nếu cụ bà đã chết thì phải khấn là: Tàng Tổ Tỷ

Nếu anh em đã chết thì phải khấn là: Thệ huynh, Thệ đệ

Nếu chị em đã chết thì phải khấn là: Thệ ty, Thệ muội

Nếu cô dì chú bác đã chết thì phải khấn là: Bá thúc
Cô Di, Tỷ Muội

Hoặc khấn chung là Cao Tầng Tổ Khảo, Cao tầng
tổ tỷ nội ngoại gia tiên.

Bàn thờ vọng

Bàn thờ vọng áp dụng cho con cháu sống xa quê,
hướng vọng về quê, thờ cha mẹ ông bà tổ tiên, hương
khói trong những ngày giỗ, Tết.

Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự
cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đât tổ,
chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán,
ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt
và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến.

"Vọng bái", nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi
triều đình có những diển lê lớn, các quan trong triều
tập trung trước sân rồng làm lê, các quan ở các tỉnh
hoặc nơi biên ải, thiết lập hương án trước sân công
đường, thấp hương, nến, hương về kinh đô quỳ lạy
Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con
cháu chưa kịp về quê chịu tang, cũng thiết lập hương
án ngoài sân, hương về quê làm lễ tương tự. Các thiện
nam tín nữ hàng năm đi trẩy hội đền thờ Đức Thánh
Trần ở Vạn Kiếp, đức Thánh Mẫu ở Đền Sòng v.v... dần
dần về sau, đường sá xa xôi, cách trở, đi lại khó khăn,
cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập
trung, dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín
nữ quyên góp nhau cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ

khác, rồi cử người đến bàn thờ chính xin bát hương về thờ. Những đền thờ đó gọi là vọng từ.

Bàn thờ vọng ông bà cha mẹ chỉ được lập trong trường hợp con sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trưởng trên đất tổ phụ lưu lại, thì đến ngày giỗ, ngày tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trưởng chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trưởng. Do đó không có lệ lập bàn thờ vọng đối cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trưởng khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ 2 thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả ở xa quê lại là bàn thờ vọng.

Đó là phong tục rất hay và rất có ý nghĩa. Bởi lẽ chữ Hiếu đi đôi với chữ Đệ. Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm. Thỉnh vong hồn về cầu cúng lễ bái, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi, thì đó là mầm mống của sự bất hoà, vong hồn làm sao mà thanh thản được.

Cách lập bàn thờ vọng:

Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc mấy nén hương đang cháy giờ mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp. Nếu có nhà riêng, tương đối rộng rãi khang trang, thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc

kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Đặt hướng nào? - Hướng về quê chính, để khi người gia trưởng thấp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Thí dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía Nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên. Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ uế tạp, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể nhà tầng, nếu câu nệ quá thì không còn chỗ nào đặt được bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, chẳng cần phải câu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

Bàn thờ bà cô ông mānh

Bà cô ông mānh là từ mà dân gian dùng cho những người chết trẻ, chưa lập gia đình. Người ta cho rằng vì chết trẻ nên bà cô ông mānh rất linh thiêng. Nếu cảm thấy "hợp" người thân nào thì sẽ phù hộ độ trì rất nhiều. Nếu thờ cùng bà cô ông mānh không đến nơi đến chốn sẽ bị quả phạt. Bà cô ông mānh lē ra cũng nên thờ cùng với tổ tiên, nhưng dân gian quan niệm rằng bà cô ông mānh tuổi thấp nên chưa thể hưởng hương hoa cùng các cụ đời trước được. Giống như trên cõi dương gian, trẻ con chỉ ngồi riêng một mâm khi ăn giỗ nên bà cô ông mānh cũng được thờ riêng 1 bàn thờ.

Bàn thờ bà cô ông mãnh được đặt dưới gầm hương án bàn thờ tổ tiên. Cũng có thể đặt cùng trên bàn thờ tổ tiên nhưng bát nhang phải thấp hơn thờ gia tiên 1 bậc. Cũng có thể lập riêng bàn thờ nhưng phải thấp hơn bàn thờ tổ tiên. Bài trí bàn thờ bà cô ông mãnh rất đơn giản, sơ sài. Chỉ đặt bài vị (hoặc ảnh), bát nhang, chén nước, bình hoa, đôi đèn... Người ta cúng vào ngày sóc vọng, ngày kỵ, giỗ Tết giống thờ tổ tiên.

Nếu người cúng ngang hàng với bà cô ông mãnh thì chỉ lâm râm khấn mà không cần lễ. Nếu thuộc hàng dưới thì phải khấn và lễ. Khi gia đình gặp chuyện về sức khỏe, vật chất... người ta cúng bà cô ông mãnh để được phù hộ độ trì cho mọi sự được hanh thông và tốt hơn.

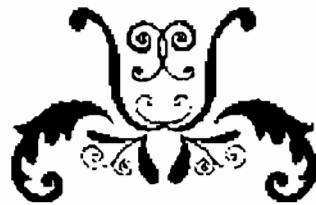
Bàn thờ người mới chết

Những người mới mất chưa được thờ chung với tổ tiên mà được lập một bàn thờ riêng tại gian thờ hoặc gian nhà ngang. Được bài trí tương đối sơ sài: một bát nhang, bài vị (hoặc ảnh), lọ hoa, chén nước, ngọn đèn... Trong vòng 100 ngày (tính từ ngày an táng xong), người ta đều thấp hương cõm canh trước khi gia đình ăn cơm, mời người mới mất thụ hưởng. Lúc này, linh hồn người chết còn quyền luyến người thân, "hồn vía còn nặng" chưa thể siêu thoát được, vẫn còn luẩn quẩn xung quanh nhà. Những người sống không muốn tin vào sự thật là họ vừa mới mất đi một người thân, làm vậy để dịu nỗi buồn. Nhưng có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức lễ chung thất).



Sau 49 ngày, bát nhang người mới mất sẽ được rước lên bàn thờ tổ tiên. Sau lễ trừ phục (còn gọi là đàm tế) bàn thờ người mới mất sẽ được loại bỏ cùng những đồ thờ riêng, đưa ảnh chân dung và bát nhang lên bàn thờ tổ tiên, đặt hàng dưới. Trường hợp không có bàn thờ tổ tiên thì sẽ vẫn giữ lại như cũ, chỉ cần yết cáo tổ tiên lên bàn thờ tổ.

NGHI THÚC THỜ CÚNG
GIA TIÊN



1. THỜ CÚNG GIA TIÊN VÀO NGÀY HIẾU HỶ, KỶ NHẬT, SÓC VỌNG

1.1. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày hiếu

Dân tộc ta, nhân dân ta coi "đạo hiếu" là tiêu chuẩn hàng đầu thể hiện trong đạo làm người. Văn học cổ kim ca tụng người con có hiếu và lên án những kẻ bất hiếu.

*"Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con".*

Câu ca dao trên đã khẳng định "đạo hiếu" của con người. Thờ cha kính mẹ phải bằng hành động báo ơn sinh thành, phụng dưỡng khi tuổi già, khi qua đời thì mồ mả yên đẹp, sau khi qua đời thì phụng thờ chu đáo.

Ai cũng biết, cái chết là điều không thể tránh khỏi. Con người sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già lão rồi qua đời là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi.

Trong đời sống tâm linh của người Việt quan niệm về cái chết rất thiêng liêng. Chính vì vậy, ông cha ta đã dùng nhiều từ văn hoa để chỉ cái chết: hai năm mươi, về chầu tổ, mãn phần, từ trần, đi xa...

Từ xưa, ai cũng quan niệm việc tang là việc hiếu. Cái chết của con người tạo ra sự đoạn tuyệt với các mối quan hệ trong xã hội, gây ra nỗi đau buồn thương tiếc của những người đang sống, đôi với thân thích ruột rà,

đối với bà con bè bạn... Chính vì vậy, việc tang được đặt trong lĩnh vực tư tưởng và tình cảm, nhằm thoả mãn nhu cầu của người sống đối với người chết trong giờ phút vĩnh biệt.



Từ lâu đời, dư luận xã hội đã đưa việc tang vào quy phạm đạo đức, xây dựng thành nghi thức và trở thành phong tục tập quán của dân tộc.

Dâng hương và các kỳ giỗ

Trong tục thờ cúng Tổ tiên thì tục dâng hương vong linh người đã khuất vào các kỳ giỗ là quan trọng nhất. Người ta có thể có những lý do nào đó để bỏ lễ dâng hương vào một số kỳ lê, tiết trong năm nhưng không một người Việt Nam có hiếu nào với Tổ tiên mà lại bỏ

qua tục cúng dâng hương người đã khuất vào dịp giỗ ông, bà, bố mẹ, vợ, chồng...

Một trong những mối lo lớn của người Việt Nam ngày xưa là sợ khi chết đi, đến ngày cúng giỗ không có ai hương khói. Bởi vậy, cúng giỗ là thể hiện đạo hiếu, thể hiện tấm lòng thuỷ chung thương tiếc của người đang sống với người đã khuất.

Thế cho nên, vào ngày giỗ của tiên tổ, nhà giàu thì có thể tổ chức cúng giỗ linh đình, mời họ mạc xa gần, anh em băng hữu về dự, còn nhà nghèo túng thì cúng bát cơm, quả trứng, đĩa muối, lưng canh với ba nén hương, cây đèn dầu, nến, thờ cúng người đã khuất.

Mấy nguyên tắc chung của cúng giỗ

* Thứ nhất: Đối với ngày giỗ của ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng (còn gọi là giỗ trọng) thì ngày hôm trước ngày giỗ cần phải có cúng cáo giỗ. Ngày hôm cúng cáo giỗ còn gọi là ngày tiên thường.

Cúng cáo giỗ là để báo cho người đã khuất biết ngày hôm sau về hướng giỗ, đồng thời là để báo với Thần Linh Thổ Địa nơi để mộ người đã khuất, cũng như Công thần Thổ Địa tại gia cho phép hương hồn người đã khuất được về hướng giỗ. Cúng cáo giỗ bao gồm cúng tại gia và cúng ngoài mộ. Trong cúng cáo giỗ phải cúng Công thần Thổ Địa trước, cúng Gia Tiên sau. Ngoài việc khấn mời vong linh người được giỗ còn phải khấn mời vong linh hương hồn Gia Tiên nội, ngoại cùng về dự giỗ. Nhân dịp cúng cáo giỗ, ngoài mộ cần đắp điểm sửa sang lại mộ phần.

* Thứ hai: Làm giỗ và cúng giỗ đúng ngày mất của người được giỗ thường là vào buổi chiều. (Nhiều nơi cho rằng phải làm giỗ trước ngày mất một ngày thì linh hồn người mất mới hưởng được lễ). Có lẽ nói thế vì suy luận phải cúng người mất vào hôm còn sống thì người đó mới có thể "ăn" được, chứ cúng đúng ngày hôm mất thì "ăn" làm sao?

Trong cúng giỗ đúng vào ngày mất của người được hưởng giỗ cần phải cúng mời người được hưởng giỗ trước, sau đó mới đến vong linh hai họ nội, ngoại từ bậc cao nhất trở xuống và cuối cùng là cáo thỉnh Gia Thần cùng dự tiệc giỗ.

1. Ngày giỗ đầu

Ngày giỗ đầu, hay còn được gọi là "tiểu tang" là ngày giỗ (ky giỗ) đầu tiên sau đúng một năm ngày mất của ai đó. Đây là một trong hai giỗ thuộc kỳ tang. Bởi vậy, vào ngày giỗ đầu, người ta thường tổ chức trang nghiêm, bi ai, sầu thảm, chẳng khác là mấy so với ngày đẻ tang năm trước. Nghĩa là con cháu đều vận tang phục, khi tế lễ đều khóc như ngày đưa đám, một số nhà có điều kiện còn thuê cả đội kèn trống nữa.

Vào ngày giỗ đầu, người ta còn thường mua sắm rất nhiều đồ hàng mā, không chỉ là tiền vàng mā mà còn cả những vật dụng như áo quần, nhà cửa, xe cộ và thậm chí còn mua sắm cả hình nhân bằng giấy. "Hình nhân" ở đây không phải để thế mạng cho ai mà là tục tín ngưỡng, tin rằng với phép thuật của thầy phù thuỷ thì hình nhân bằng giấy khi đốt đi sẽ hoá thành người hầu hạ vong linh nơi âm giới. Trong thế giới văn minh ngày

nay, không phải ai cũng tin tưởng như thế. Mặc dù không tin nhưng có người cũng vẫn làm với ý nghĩa làm với đi nỗi xót xa nơi trần thế và để báo ân với vong linh người đã khuất.

Những đồ hàng mā đó, sau buổi giỗ, được đem ra tận ngoài mộ để hoá (đốt). Những đồ hàng mā đốt trong ngày giỗ tiễn tường còn được gọi là "mā biếu". Gọi là "mā biếu" vì người ta nghĩ rằng những đồ mā này cung cho vong linh người mất nhưng người đó không được dùng mà phải mang biếu các ác thần để tránh sự quấy nhiễu.

2. Ngày giỗ hết

Ngày giỗ hết hay còn gọi là "đại tường", tức là ngày giỗ vào đúng ngày tròn 24 tháng của người quá cố.

Về cơ bản, giỗ hết không khác giỗ đâu là mấy về các thủ tục. Nó vẫn là giỗ trong vòng tang. Chỉ có khác là ngày giỗ hết thường làm linh đình hơn, và sau giỗ này người nhà bỏ tang phục, hay còn gọi là hết tang. Sau ngày giỗ này, người ta sẽ chọn ngày tháng tốt để làm lễ cải táng, sang mộ cho người quá cố. Và từ năm thứ ba trở đi thì giỗ của người quá cố trở thành giỗ thường hay "cát kỵ".

Bởi thế, nhiều địa phương "ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời". Quan trọng nhất vì nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của người còn sống cũng như đối với vong linh người đã khuất. Với người đang sống, người ta trở lại đời sống thường nhật, có thể tham gia

các tổ chức hội hè, đình đám và theo quan niệm xưa thì chỉ sau giỗ hết, người vợ có chồng qua đời mới có thể đi bước nữa.

3. Ngày giỗ thường

Ngày giỗ thường hay còn được gọi là "cát kỵ", đó là ngày giỗ của người quá cố kể từ năm thứ ba trở đi. Ngày giỗ này, người ta tin vong linh người quá cố đã siêu thoát hay đầu thai trở lại nên không cần thiết phải cúng giỗ nữa.

Nếu như giỗ tiểu tường và giỗ đại tường là lễ giỗ trong vòng tang, còn mang nặng những xót xa, tủi hận, bi ai thì ngày giỗ thường lại là ngày vui của con cháu nội, ngoại: "Trâu bò được ngày phá đỗ, con cháu được ngày giỗ ông" là vậy. Đây là dịp để cháu con hai họ nội, ngoại tề tụ, họp mặt đông đủ. Những dịp như thế cũng là dịp để mọi người trong gia đình, dòng họ gặp nhau thăm viếng sức khoẻ và cố kết cộng đồng gia đình, dòng họ.

Trong các giỗ thường, chỉ có giỗ trọng như ngày giỗ của ông, bà, bố, mẹ, vợ, chồng mới có ngày tiên thường. Còn lại thì không cần thiết phải có ngày tiên thường.

Tuỳ theo phong tục của từng địa phương, từng vùng và từng gia cảnh mà việc tổ chức ngày giỗ có khác nhau nhiều ít. Điều quan trọng nhất là nhân ngày cát kỵ, cháu con tưởng nhớ đến người đã khuất, thể hiện lòng thành với vong linh Tiên tổ. Chén nước, nén hương, bát cơm, quả trứng, đĩa muối, lưng canh mà tâm thành thì cũng giữ được đạo hiếu chứ chẳng cứ mâm cao cỗ đầy mới ra người biết ơn Tiên tổ. Văn lễ cũng

vậy, cũng chẳng nên quá cầu kỳ, câu nệ. Miệng khán nôm na mà tâm tưởng nhớ đến vong linh người đã khuất thì át là "linh"; còn như miệng đọc văn hoa chữ nghĩa nhưng tâm không thành kính thì Tiên tổ có linh cũng chẳng chứng cho.

Cúng giỗ người đã khuất cốt thể hiện lòng nhân, đạo hiếu, tắc dạ thuỷ chung... của những người đang sống. Đó cũng là nét đạo lý làm người trong truyền thống văn hoá Việt Nam.

* Cúng gia tiên ngày giỗ tiễn tang

Ý nghĩa: Ngày giỗ đầu hay còn được gọi là "Tiễn Tường" là ngày giỗ (ky giỗ) đầu tiên sau đúng một năm ngày mất của ai đó. Đây là một trong hai giỗ thuộc kỳ tang.

Bởi vậy, vào ngày Giỗ Đầu người ta thường tổ chức trang nghiêm, bi ai, sâu thẳm chẳng khà gì mấy so với ngày đẻ tang năm trước. Nghĩa là con cháu đều có vận tang phục, khi tế lễ đều có khóc như đưa đám, một số nhà có điều kiện còn thuê cả đội kèn chồng nữa.

Sắm lễ: Vào ngày Giỗ Đầu, ngoài mâm lễ mặn, hoa, quả, hương, phẩm oản, người ta thường mua sắm rất nhiều đồ hàng mặn không chỉ là tiền, vàng, mặn, giấy mà còn cả các vật dụng như quần, áo, nhà cửa, xe cộ mà thậm chí còn mua sắm cả hình nhân bằng giấy nữa.

"Hình nhân" ở đây không phải để thế mạng cho ai mà là tục tín ngưỡng tin rằng, với phép thuật của thuật

của thầy phù thủy thì hình nhân bằng giấy khi đốt đi sẽ hóa thành người hâu hạ vong linh nơi Âm giới.

Sau buổi lễ những đồ vàng mã sẽ được mang ra tận ngoài mộ để hóa (đốt). Nhưng đồ vàng mã đốt trong ngày Tiếu Tường còn được gọi là “mã biếu”. Gọi là mã biếu vì người ta nghĩ rằng những đồ mã này chỉ cúng cho vong linh người mất, nhưng người đó không được dùng mà phải mang biếu các ác thần để tránh sự quấy nhiễu.

VĂN KHÁN NGÀY GIỖ ĐẦU

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Đức Đương cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương.*

- *Con kính lạy ngài Đông Trù Tư mệnh Tảo phủ Thần Quân.*

- *Con kính lạy các ngài Thần linh, Thổ địa cai quản trong xứ này.*

- *Con kính lạy chư gia tiên Cao Tầng Tổ tiên nội ngoại họ.....*

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tai:.....

Hôm nay là ngày tháng năm

Chính ngày Giỗ Đầu của.....

Năm qua tháng lại, vừa ngày húy lâm. Ôn vong cực xem bàng trời biển, nghĩa sinh thành không lúc nào quên. Càng nhớ công ơn gây cơ tạo nghiệp bao nhiêu, càng cảm thâm tình, không bờ dài tả. Nhân ngày chính giỗ, chúng con và toàn gia con cháu, nhất tâm sám sửa lỗi vật kính dâng, đốt nén tâm hương dài tả thành.

Thành khẩn kính mời.....

Mất ngày..... Tháng.....năm.....

Mộ phần táng tại:.....

Cúi xin linh thiêng giáng về linh sàng, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho con cháu bình an, gia cảnh hưng long thịnh vượng.

Tín chủ con lại xin kính mời các cụ Tổ Tiên, nội ngoại, Tổ Khảo, Tổ Tỷ, Bá thúc, Cô Di và toàn thể các Hương linh gia tiên đồng lai hâm hưởng.

Tín chủ lại mời vong linh các vị Tiền chủ, Hậu chủ trong đất này cùng tới hâm hưởng.

Chúng con lễ bạc tâm thành, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*** Cúng gia tiên ngày giỗ đại tướng**

Ý nghĩa: Ngày giỗ Hết hay còn gọi là ngày “Đại Tường”, tức là ngày Giỗ vào 2 năm 3 tháng sau ngày mất.

Giỗ Hết vẫn là Giỗ trong vòng tang. Ngày Giỗ Hết thương làm linh đình hơn, và sau Giỗ này, người nhà bỏ tang phục, hay còn gọi là hết tang. Sau ngày giỗ Hết, người ta sẽ chọn ngày tháng tốt để làm lễ Cải cát, sang mộ cho người quá cố. Và từ năm thứ ba trở đi thì giỗ của người qua cố trở thành giỗ Thường hay “Cát Kỵ”

Bởi vậy, có người bảo “ngày giỗ hết là ngày giỗ quan trọng nhất trong tất cả những ngày giỗ đối với người qua đời”. Quan trọng nhất vì nó đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của người còn sống cũng như đối với vong linh của người đã khuất. Với người đang sống, người ta trở lại đời sống thường nhật, có thể tham gia các tổ chức hội hè, đình đám. Theo quan niệm xưa thì chỉ sau Giỗ Hết của chồng, người vợ mới có thể đi bước nữa.

Sám lễ:

Giỗ Hết thường được tổ chức long trọng với: vàng mã, hương, hoa, phẩm oản, trái cây theo mùa, cùng mâm lễ mặn với đầy đủ các món ăn từ thịt lợn, tôm, cua, xôi, gà, ...

VĂN KHẤN NGÀY ĐẠI TƯỜNG (GIỖ HẾT)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Đức Đương cảnh Thành hoàng chư
vị Đại Vương.

- Con kính lạy ngài Đông Trù Tư mệnh Táo phủ
Thần Quân.

- Con kính lạy các ngài Thần linh, Thổ địa cai
quản trong xứ này.

- Con kính lạy chư gia tiên Cao Tầng Tổ Khảo, Cao
Tầng Tổ Tỷ, Tổ Tiên nội ngoại họ

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tai:.....

*Hôm nay là ngày tháng
năm*

Chính ngày Giỗ Hết của

*Thiết nghĩ vắng xa trần thế, không
thấy âm dung. Năm qua tháng lại vừa ngày Giỗ Hết.
Ơn võng cực xem bằng trời biển, nghĩa sinh thành
không lúc nào quên. Càng nhớ công ơn gây cơ tạo
nghiệp bao nhiêu, càng cảm thâm tình, không bê dãi tỏ.*

*Nhân ngày chính giỗ, chúng con và toàn gia con cháu,
nhất tâm sắm sửa lễ vật kính dâng, đốt nén tâm hương
dâi tốn tác thành.*

Thành khẩn kính mời.....

Mất ngày..... Tháng..... năm.....

Mộ phần táng tại:.....

*Cúi xin linh thiêng giáng về linh sàng, chứng giám
lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho con cháu bình an,
gia cảnh hưng long thịnh vượng.*

*Tín chủ lại mời vong lonh các vị Tiên chủ, Hậu chủ
trong đất này cùng tới hâm hưởng.*

*Tín chủ con lại xin kính mời các cụ Tổ Tiên nội
ngoại, Tổ Khảo, Tổ Tỷ, Bá thúc, Huynh đệ, Cô Di, Tỷ
Muội và toàn thể các Hương linh gia tiên đồng lai hâm
hưởng.*

*Chúng con lê bạc tâm thành, cúi xin được phù hộ
độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*** Cúng gia tiên ngày Giỗ thường**

Ý nghĩa: Ngày Giỗ thường hay còn được gọi là “Cát Kỵ”, đó là ngày Giỗ của người quá cố kể từ năm thứ ba trở đi.

Ngày giỗ này của người quá cố sẽ được duy trì đến hết năm đời. Ngoài năm đời, người ta tin rằng vong linh người quá cố đã siêu thoát hay đầu thai trở lại nên không cần thiết phải cúng giỗ nữa.

Nếu như giỗ Tiểu Tường và giỗ Đại Tường là lễ giỗ trong vòng tang, còn mang nặng những xót xa, tủi hận, bi ai thì ngày giỗ Thường lại là ngày của con cháu nội ngoại xum họp tưởng nhớ người đã khuất.

Đây là dịp để con cháu hai họ nội, ngoại tề tụ họp mặt đông đủ. Những dịp như thế cũng là dịp để mọi người trong gia đình, dòng họ gặp nhau thêm phần thăm viếng sức khỏe cộng đồng gia đình, dòng họ.

Sám lễ: Vào ngày Cát Kỵ lễ cúng cũng như mọi giỗ khác với đầy đủ: Hương, hoa, quả, phẩm oán, vàng mã và mâm lễ mặn gồm có xôi, gà, các món cơm canh...

Thường thì trong ngày Cát Kỵ, người ta chỉ mời những người trong gia đình họ tộc đến dự (diện mời không rộng như hai giỗ trước).

Theo tục xưa, trước ngày trọng giỗ như: giỗ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng còn có lễ Tiên Thường. Tiên Thường là ngày giỗ trước. Trong ngày Tiên Thường người đứng giỗ phải làm lễ báo với Thổ Thần để xin phép cho hương hồn người được cúng giỗ về phổi hưởng và cho phép vong hồn nội ngoại gia tiên nhà mình về cùng dự giỗ. Sau đó, gia chủ ra mệ người được hưởng giỗ để làm lễ mời Tiên linh về dự giỗ, đồng thời các con cháu sửa sang đắp lại mệ phần. Từ sáng ngày Tiên Thường, gia chủ đã phải lau chùi bàn thờ, bày biện lễ vật của gia chủ và người gửi giỗ.

Trong ngày Tiên Thường, gia chủ phải làm hai lễ: lễ cúng yết cáo Thổ Thần và lễ cáo Gia tiên với: hương, hoa, quả, phẩm oán, tiền vàng, trầu, rượu, lễ nặm cúng dâng và khấn theo văn khấn:

VĂN KHẤN GIA TIÊN NGÀY GIỖ THƯỜNG

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Đức Hoàng Thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy ngài Đông Trù Tư mệnh Táo phủ Thần Quân.*

- *Con kính lạy các ngài Thần linh, Thổ địa cai quản trong xứ này.*

- *Con kính lạy Tổ Tiên nội ngoại họ.....*

Tín chủ con là.....

Ngụ tai.....

Hôm nay là ngày tháng

Năm.....

Chính ngày giỗ của.....

*Thiết nghĩ..... Vắng xa tràn thế, không
thấy âm dung.*

*Năm qua tháng lại ngày húy lâm. Ôn vong cực xem
bằng trời biển, nghĩa sinh thành không lúc nào quên.
Càng nhớ công ơn gây cơ tạo nghiệp bao nhiêu, càng
cảm thâm tình, không bê dãi tòi. Ngày mai Cát Ky, hôm
nay chúng con và toàn gia con cháu, nhất tâm sám sửa
lẽ vật kính dâng, đốt nén tâm hương dãi tòi tắc thành.*

Tâm thành kính mời.....

Mất ngày tháng..... năm.....

Mộ phần táng tại.....

*Cúi xin linh thiêng giáng về linh sàng, chứng giám
lòng thành, thụ hương lẽ vật, độ cho con cháu an ninh
khang thái, vạn sự tốt lành, gia canht hương long thịnh
vượng.*

*Con lại xin kính mời các vị Tổ Tiên nội ngoại, Tổ
Khảo, Tổ Tỷ, Bá Thúc, Huynh Đệ, Cô Di, Tỷ Muội và
tòan thể các Hương linh gia tiên đồng lai hâm hương.*

*Tín chủ con lại xin kính mời ngài Thần Linh, Thủ
địa, Thủ Công, Táo Quân và chư vị Linh thần đồng lai
giám cách thương hương.*

*Tín chủ lại mời vong linh các vị Tiên chủ, Hậu chủ
nhà này, đất này cùng tới hâm hương.*

*Chúng con lễ bạc tâm thành, cúi xin được phù hộ
độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Chú ý:

Theo phong tục cổ truyền của người Việt Nam luôn coi trọng ngày cúng giỗ Tổ Tiên. Ngày giỗ Thường – Cát Ky là ngày kỷ niệm người chết qua đời. Đây là điều quan trọng nhất trong phụng sự Tổ Tiên. Con cháu phải nhớ ngày này để lòn tròn bốn phận với người mất.

Suốt từ lúc cáo giỗ ngày Tiên Thường cho đến hết ngày hôm sau, bàn thờ lúc nào cũng có thắp hương.

Dùng thủ lợn hoặc thủ bò để thờ Thổ Công trong ngày giỗ.

Khách tới ăn giỗ có thể mang đồ lễ là vàng hương, tràu rượu, trà nến, hoa quả. Khi khách tới, con cháu phải đón đồ lễ đặt lên bàn thờ trước khi khách lễ.

Khách lễ trước bàn thờ: 4 lạy 3 vái. Gia chủ đứng đáp lễ. Lễ bàn thờ xong, khách quay vái người đáp lễ.

Sau khi bày cỗ bàn, thắp hương, gia chủ khăn áo chỉnh tề bước vào chiếu trải trước bàn thờ, chuẩn bị lễ.

Gia chủ đứng thẳng, chắp hai tay giơ cao lên ngang trán, cong mình cúi xuống, đặt hai tay vẫn chắp xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống hai tay đang chắp (thể thủ phục), cất đầu và mình thẳng lên, đồng thời co chân

phải lên chiếu để sửa soạn đứng dậy, hai bàn tay vẫn chấp xuống tì vào đầu gối bên phải mà đứng lên.

Sau khi gia chủ, con cháu, bạn bè thân hữu, khách khứa khấn lê xong. Đợi hết ba tuần hương thì gia chủ lê tạ, hóa văn khấn, hóa vàng, rồi xin lộc hạ lê.

Cuối cùng gia chủ bày bàn, bày mâm cỗ mời họ tộc, khách khứa ăn giỗ, cùng ôn lại những kỷ niệm về người đã khuất và thăm hỏi lẫn nhau.

Tại sao có lê cúng cơm trong 100 ngày?

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm là giờ phút đầm ấm nhất. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mời dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đũa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xơi cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, huống chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cũng thứ đầy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Tháp hương xong, dựng đài đũa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thoả nguyện tâm linh, "Lấy câu vận mệnh khuây dàn nhớ thương".

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

- Cũng tuỳ địa phương, có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức là lễ chung thất). Theo thuyết của Phật giáo: qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty(tức 1 tuần, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức lễ tốt khóc nghĩa là thôi khóc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa thì thời gian này âm hồn vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Chúng tôi cho rằng, phong tục này có căn cứ khoa học: Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát triển đó để giải thích về diêm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết. Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm chí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, vỏ não chưa bị huỷ, xung quanh hiện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá

thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

VĂN KHẤN LỄ CÚNG CƠM

Kính lạy:

- *Đức Đường niên bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương!*

- *Đông trù Tư mệnh Táo phủ thần quân!*

- *Chư vị gia tiên cao tăng tổ tỷ!*

Hôm nay là ngày... tháng... năm..... (âm lịch)

*Con trai trưởng là..... vâng
theo lệnh của mẫu (hoặc phụ) thân và các chú, cùng các
anh chị em dâu, rể, con cháu nội - ngoại kính lạy.*

Nay nhân ngày lễ cúng cơm cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của.....

Xin kính cẩn thưa rằng:

Nhân sinh tại thế,

Hoạ mấy người sống chín, mười mươi,

Đôi ba mươi năm cũng kể một đời,

Song, vận số biết làm sao được.

*Ơn mẹ cha đao cả sinh thành, đêm ngày dạy dỗ:
Đường ăn, nếp ở, việc của việc nhà.
Cho trọn vẹn đường đi trăm môi.
Bông đau gió cả, phút bể cành mai,
Hoa lìa cây, rụng cánh tơi bời,
Yến lìa tổ, kêu xuân vò vĩnh.
Từ nay: trăng lặn sao dời, hôn đã biến về nơi Trúc.*

*Từ nay lấy ai chăm sóc cháu con,
Ngày chầy sáu khắc, đêm vắng năm canh,
Tưởng thấp thoáng bóng hình trên khói.
Hết đợi thôi chờ, nắng hồng giá lạnh...
Nhớ nơi ăn, chốn ở, buồng nằm
Như cắt ruột, xé lòng con trên trần thế.
Mấy dòng kẻ lề.
Chiêu hôn về than thở nguồn cơn.
Cầu anh linh phù hộ cháu, con.
Cầu Thần Phật độ trì, cho vong hôn siêu thoát...
Than ôi! Thương hưởng!*

BÀI KHẤN LỄ TẾ THÀNH PHẦN

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Hôm nay là ngày.....tháng.....năm.....(âm lịch)

Nhân ngày lê thành phần, theo nghi lê cổ truyền,

Kính dâng lê mọn, biểu lộ lòng thành.

Chúng con trước mộ mà than rắng:

Xót xa thay con tạo đà đoan

Bé thảm thành côn, ngao ngán nhẽ hóa cơ thay đổi.

Than ôi!

Kém một ngày không đi, muôn năm giấc mộng,

Để âm dương chia rẽ đôi đường.

Thêm một ngày không ở, ba thước đào sâu,

Biết bao giờ con lại gặp cha (hay mẹ).

Người thế ấy, mà sao phận thế ấy,

Bỗng đau, số trời xui khiến

Cõi âm dương đôi ngả xa vời.

Mắt trông thấy đào sâu lấp kín,

Tùi nội lòng chín khúc ngôn ngang.

Nhưng cũng: mừng thay sống trọn, thác toàn

Nay đã mô yên mà đẹp

*Tuy còn chôn đất đỏ, cỏ vàng
Cũng bởi trời cho trọn hiếu,
Gọi là nén hương, đài rượu
Trước mồ xin hãy thấu tình.
Kính trần bái tạ.
Hỡi ơi! Xin hương!*



BÀI KHẮN LỄ PHẢN KHÓC

Than ôi!

Thân phụ (hay mẫu) đi đâu, bỏ nơi trần thế

Mồ yên mả đẹp, di hài đã tìm được chôn đất lành.

Sống khôn, chết thiêng

Bài vị xin rước về nơi linh toạ.

*Hôm mai thăm viếng, chôn từ đường đâu dám trễ
lòng*

Công đức cao dày; trên linh toạ chúng cho lễ bạc.

BÀI KHẮN LỄ TẾ NGU

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy:

Đức Đương cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương

Đức Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần quân

Đức Gia tiên và các hương linh nội, ngoại

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... (âm lịch)

Con trai trưởng là:..... cùng toàn gia quyến.

*Nhân ngày Tế ngu (cúng 3 ngày) theo nghi lễ cổ
truyền. Chúng con kính sửa trâu rutherford, cụ soạn, dâng
lên trước linh toạ khóc mà than rằng:*

Than ôi!

Vật đổi sao dời, mây bay, trăng khuyết

Khá trách thay tạo hoá đa đoan.

Chi đến nỗi đàn con đau đớn.

*Nhớ cha (hay mẹ) xưa tính nết thảo hiền, dưới
nhường trên kính,*

Ngoài làng trong họ, kẻ mến người yêu

Tưởng cảnh đoàn viên

Trời cho sống tròn tám chín mười mươi tuổi;

Để đèn công ơn ba năm bú móm,

Sé ngọt chia bùi một nhà sum họp

Trời cho sống đủ ba vạn sáu ngàn ngày

*Để đèn ơn chín tháng cứu mang, để đau mang
nặng.*

Thương ôi!

Tóc tơ chưa báo, công đức chưa đèn.

Bóng đâu một phút hơi tàn,

*Âm cung hạ cánh muôn năm giặc mộng, chia rẽ
Bắc Nam*

*Đành rằng phách lạc bơ vơ, tang hiểm đã yên một
giấc*

Hồn bay phảng phất, biết đâu định sở mà về.

Dẫu khóc vẫn than dài, tìm đâu cho thấy;

Dẫu tôi kêu sớm gọi, khôn nỗi dò la.

Thôi thì thôi!

Hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi;

Không còn sớm tối trông nom, khuyên răn con cháu.

Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một chứng;

Không còn người ngày đêm dạy bảo, săn sóc đàn con.

Nay Sơ Ngu tết (Tam Ngu tết) dâng chút lòng thành

Đĩa muối, lưng cơm, chén canh, đài rượu.

Công đức cao dày, trên linh toạ chứng tình chay nhạt;

Khóc than kể lể, hoạ may chín suối anh linh, được về.

Ôi! Thương ôi! Thương hưởng!



BÀI KHẤN 49 NGÀY

Hôm nay là ngày....tháng....năm..... (âm lịch)

Nhân tuần chung thất (hoặc bách nhật)

*Chúng con cùng toàn gia quyến kính sửa: trầu
ruou, cỗ bàn dâng lên cha (mẹ), chứng giám cho lòng
thành.*

Than ôi!

Thân phụ (mẫu) đì đâu, vội vàng chi mấy;

*Trời cao có thấu, thảm thiết muôn phần thương
thay!*

Đời người giắc mộng, hình ảnh phù vân;

*Ngày xưa chim bay, tiết vừa bốn chín (hoặc trăm
ngày);*

*Thoị đưa thám thoát nay đã bảy tuần (hoặc trăm
ngày).*

Cây lảng gió lay, khóc làm sao được;

Lưng cơm đĩa muối, gọi chút đèn ân.

Xin cha (mẹ) về thương hưởng.

Cẩn cáo!

* Trường hợp cháu đích tôn cúng ông, bà thì có thể
dùng bài sau:

... Than ôi!

*Mây bạc xa ngǎn cuộc thê, nāo nùng thảm cảnh,
một niềm lo;*

*Trời xanh nỡ đẻ mối sầu, ngơ ngẩn buồn tình, trăm
việc rối.*

Ngậm ngùi trong dạ, luống băn khoăn;

Sụt sùi bên lòng, thêm nhức nhối.

Tưởng thừa hoan, cảnh muôn còn lâu

Song trần mộng, người đà lánh khỏi

Than ôi! Âm dương cách biệt, sống gửi thác vè;

Mưa gió thảm sầu, sao dời vật đổi.

*Ngày qua tháng lại, năm tuần (hoặc 100 ngày) đọc
văn tế tư thân;*

*Thở lặn ác tà, chung thất (hoặc tốt khóc), bày lê
nghi theo thói.*

*Thảm thiết nhē! Đi thương về nhớ, bóng tiên linh,
đoái thấy những mơ màng;*

*Đau đớn thay! Than vắn thở dài, lòng hậu tự, biết
bao chừng cảm đội.*

Ngán thay! Cây muôn lăng, gió chẳng dừng,

Nén nỗi! Ngày thêm buồn, đêm lại tủi.

Thôi! Thời thôi!

Người về quê tổ, biết lấy chi báo đức, đèn ơn,

*Con (cháu) ở cõi trần, nguyện cầu được lượng tình,
xá tội.*

*Biết tìm đâu, gót tiêu dao hạc nội mây ngàn;
Xin thấu rõ, cảnh bần bạc, lưng cõm đĩa muối.
Hỡi ơi! Xin hưởng!*

VĂN KHẤN LỄ ĐÀM TẾ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con lạy Đức Đương cảnh Thành hoàng chư vị Đại
vương

- Con kính lạy ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ
Thần quân

- Con kính lạy chư gia tiên Cao tầng tổ khảo, Cao
tầng tổ ty

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm..... (âm lịch)

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là.....vâng
theo lệnh của mẫu thân (nếu là mẹ hoặc phụ thân nếu
là cha), các chú bác, cùng anh rể, chị gái, các em trai
gái dâu rể, con cháu nội ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày Lễ Đàm Tế theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lê mọn biếu lộ lòng thành.

Trước linh vị của: Hiển.....chân linh

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than ôi! Nhớ bóng phụ thân (hoặc mẫu thân);

Cách miền trần thế

*Tủi mắt nhà Thung (nếu là cha, hoặc nhà Huyên
nếu là mẹ) mây khóc, thăm thẳm sầu phiền.*

Đau lòng núi Hồ (nếu là cha hoặc núi Dĩ nếu là mẹ)

sao mờ, đầm đìa ai lè

Kể năm đã quá Đại Tường;

Tính tháng nay làm Đàm Té.

Tuy lê hung biến cát; tang phục kết trừ;

Song nhân tử sự thân, hiếu tâm lưu đỉ.

*Lẽ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội
nước nguồn,*

*Suối vàng, như có thấu chặng, họa may tỏ, trời kinh
đất nghĩa.*

Xin kính mời: Hiển.....

Hiển.....

Hiển.....

*Cùng các vị Tiên linh Tổ bá, Tổ Thúc, Tổ Cô và các
vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ về hâm hưởng.*

*Kính cáo: Liệt vị Tôn thần, Táo quân, Thổ Công,
Thánh Sư, Tiên Sư, Ngũ tư Gia thần cùng chứng giám
và phù hộ cho toàn gia sự tốt lành.*

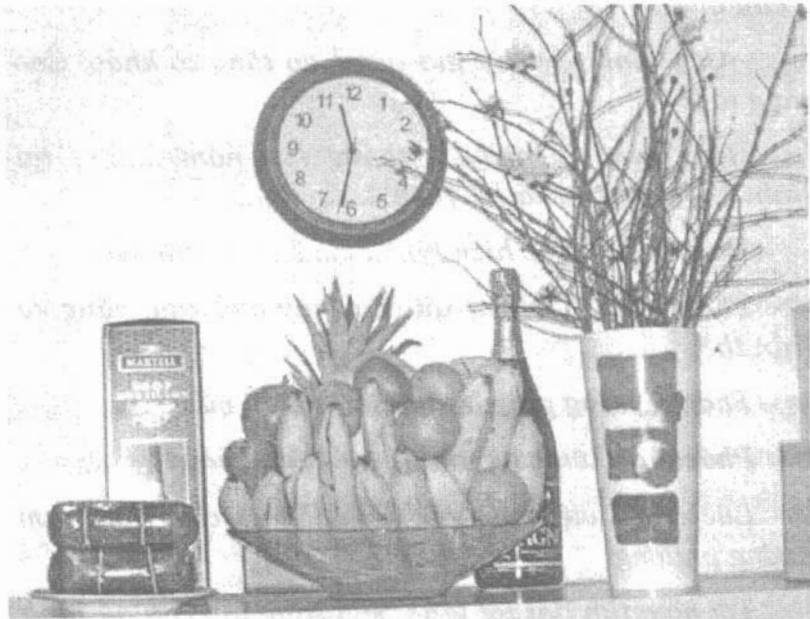
Chúng con lê bạc tâm thành cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Sau 2 năm và 3 tháng dư ai, chọn một ngày tốt làm lễ: Đắp sửa mộ dài thành mộ tròn, cất khăn tang, huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính, bỏ bàn thờ tang.



VĂN KHẤN LỄ CÀI TÁNG

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con lạy Đức Dương cảnh Thành hoàng chư vị Đại
vương

- Con kính lạy ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ
Thần quân

- Con kính lạy chư gia tiên Cao tăng tổ khảo, Cao
tăng tổ tỷ

Hôm nay là ngày... tháng..... năm....., tại
tỉnh..... huyện..... xã..... thôn.....

Hiển khảo (hoặc hiển tỷ)..... mỗ tiền

*Than rẳng: Thương xót cha (hay mẹ) xưa, vắng xa
trần thế.*

Thác vê, sống gửi, đát ba thước phải vùi chôn.

Phách lạc hồn bay, hình trãm năm khó gìn giữ;

*Lúc trước việc nhà bôi rối, đặt để còn chưa hợp
hướng phương.*

*Tới nay, tìm đất tốt lành, sửa sang lại, cầu an hình
thể.*

Rày thân: Phản mõ dời xong, lê Ngu kính tế.

Hồn thiêng xin hưởng, nguyện cầu vĩnh viễn âm phẫn.

Phúc đẻ di lưu, phù hộ vững bền miêu duệ.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Ghi chú: Lễ cải táng là lê sang mộ, dời mộ.

Xin lưu ý: Theo phong tục trước và sau khi dời mộ phải khấn trình với Long mạch, Sơn thần và Thổ thần nơi cũ và nơi mới. Sau đây là văn khấn Long Mạch, Sơn thần và Thổ thần.

2.2. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày hỷ (cúng mụ, hôn lê, động thổ, tân gia, khai trương cửa hàng)

* Cúng gia tiên khi cúng mụ cho trẻ

Ý nghĩa:

Ông bà ta xưa quan niệm rằng: Đứa trẻ được sinh ra là do các vị Đại Tiên (Bà chúa Đầu thai), Tiên Mụ mà trực tiếp là 12 bộ Tiên Nương (12 bà Mụ) nặn ra ban cho. Vì vậy, khi đứa trẻ đầy cữ (đứa trẻ chào đời được 3 ngày), đầy tháng (đứa trẻ chào đời được một tháng), đầy năm; bố mẹ, ông bà đứa trẻ phải bày tiệc cúng Mụ để tạ ơn các bà Mụ và cầu xin các Mụ ban cho đứa trẻ mọi điều may mắn tốt lành.

Sắm lê:

Lễ cúng Mụ phải được làm cẩn thận chu đáo, với các lễ vật bao gồm:

- 1) 12 đôi hài xanh giống hệt nhau và một đôi hài cũng màu xanh nhưng to hơn
- 2) 12 nén vàng xanh giống nhau và một nén vàng xanh to hơn.
- 3) 12 bộ váy áo đẹp màu xanh giống hệt nhau và một bộ váy áo xanh cắt giống 12 bộ kia nhưng to hơn.
- 4) 12 miếng trầu cánh phượng giống hệt nhau và một miếng trầu têm cánh phượng to hơn.
- 5) 12 bộ đồ chơi: Bát, đũa, thìa, chén cốc, con giống, xe cộ, nón, mũ... giống hệt nhau và một bộ giống như vậy nhưng to hơn (những đồ lễ này có thể bằng nhựa, bằng sành sứ).
- 6) 12 con cua, 12 con ốc, 12 con tôm to nhỏ bằng nhau để sống (có thể đồ chín) là lễ vật dâng cúng 12 bà Mụ. Và mỗi loại một con to hơn hoặc nhiều con (ít nhất ba con) cũng để sống là lễ vật dâng cúng bà Mụ Chúa. (Các con này để vào bát to bày cúng, sau khi cúng xong thì đem cua, ốc thả ra ao, hồ; tôm có thể thụ lộc).
- 7) Phẩm oán, bánh kẹo, hoa quả chia đều thành 12 phần giống nhau và một phần có đủ phẩm oán, bánh kẹo, hoa quả nhưng lớn hơn (hoặc nhiều hơn).
- 8) Lễ mặn: Xôi, gà, cơm, canh, các món lễ mặn, rượu...
- 9) Bát hương, lọ hoa tươi nhiều màu, tiền vàng, cốc nước thanh tịnh (bày ở mâm trên cùng lễ mặn).



Bày lễ:

Bày lễ cúng Mụ mang tính chất thành kính, văn hoá và nghệ thuật, thường bàn lě cúng Mụ được bày (trình bày) một cách hài hoà, cân đối.

- + Tất cả lě vật dâng bà Mụ chúa để ở chính giữa phía trên của hương án

- + Lě vật dâng 12 bà Mụ chia thành 12 phần giống nhau

- + Mâm lě mặn cùng hương, hoa nước để trên cùng

- + Mâm tôm, cua, ốc để phía dưới

Sau khi bày lě xong, bố hoặc mẹ cháu bé thắp 3 nén hương, rồi bế cháu bé ra trước án khấn:

VĂN KHẤN LỄ CÚNG MỤ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con kính lạy Đệ nhất Thiên tử đại tiên chúa.

- Con kính lạy Đệ nhì Thiên đế đại tiên chúa.

- Con kính lạy Đệ tam Tiên Mụ đại tiên chúa.

- Con kính lạy Thập nhì bộ Tiên Nương

- Con kính lạy Tam thập lục cung chư vị Tiên Nương

Hôm nay là ngày.... Tháng.... năm....

Vợ chồng con là sinh được con (trai, gái) đặt tên là

Chúng con ngũ tai:.....

Nay nhân ngày đầy tháng (đầy cũ, đầy năm) chúng con thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án, trước bàn tọa chư vị Tôn thân kính cẩn tâu trình:

Nhờ ơn thập phương chư Phật, chư vị Thánh hiền, chư vị Tiên Bà, các đán g thần linh, Thủ công địa mạch, Thủ địa chính thần, Tiên tổ nội ngoại, cho con sinh ra cháu tên là..... sinh ngày..... được mẹ tròn con vuông.

Cúi xin chư vị tiên Bà, chư vị Tôn thần giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, phù

hộ độ trì, vuốt ve che chở cho cháu được ăn ngoan, ngủ yên, hay ăn chóng lớn, vô bệnh vô tật, vô tai, vô ương vô hận, vô ách, phù hộ cho cháu bé được tươi đẹp, thông minh, sáng láng, thân mệnh bình yên, cường tráng, kiếp kiếp được hưởng vinh hoa phú quý. Gia đình con được phúc tho an khang, nhân lành nảy nở, nghiệp dữ tiêu tan, bốn mùa không hạn ách nghẽn lo.

Xin thành tâm đinh lê, cúi xin được chứng giám lòng thành.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Khi đã khán xong thì bố hoặc mẹ chắp tay bé lại vái trước án 3 vái sau 3 tuần hương thì lễ tạ. Sau đó gia đình mang vàng mã, váy áo đi hoá, vẩy rượu lúc đang hoá; đem tôm, cua, ốc đi phóng sinh tại các ao, hồ, sông để cầu phúc; các đồ chơi bằng nhựa, sành sứ thì giữ lại cho cháu bé để lấy phước.

Cuối cùng cả gia đình và bạn bè cùng thụ lộc chúc cho bé mọi điều tốt lành.

** Cúng gia tiên khi cưới gả*

Ý nghĩa: Các cụ ta xưa có câu "Trai khôn dựng vợ, Gái khôn gả chồng", từ cổ chí kim HÔN - NHÂN bao giờ cũng được xem là việc quan trọng của cả một đời người. Khi hai gia đình nhà trai, nhà gái quyết định tác hợp

cho hai trẻ nên vợ nên chồng và tiến hành các thủ tục: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới vào các ngày tiến hành các lễ trên thì gia đình bên nhà trai và nhà gái đều phải làm lễ yết cáo Gia Thần, Gia Tiên.

Sắm lễ:

- Ngày lễ Chạm Ngõ, gia đình nhà trai làm mâm lễ mặn xôi, gà cúng Gia Thần, Gia Tiên để trình báo việc hệ trọng của chàng trai. Lễ Chạm Ngõ nhà trai mang sang nhà gái gồm: Một cơi trầu (12 mó trầu), cau bồ tư hoặc để cả buồng, mứt sen, trà, rượu, thuốc lá, một thiếp vàng. Cha cô dâu tương lai mang lễ này đặt lên bàn thờ Gia Thần Gia Tiên để cúng trình báo về việc hệ trọng của con gái.

- Lễ ăn hỏi: Nhà gái nhận lễ ăn hỏi của nhà trai gồm: Trầu, cau, trà, rượu, thuốc lá, bánh cốm, bánh phu thê (su xê) theo yêu cầu của mình rồi đặt lên bàn thờ cúng Gia Thần, Gia Tiên. Sau lễ ăn hỏi nhà gái đem chia lễ ăn hỏi cho họ hàng, bạn bè, người thân, cơ quan... Khi chia lễ ăn hỏi người chia lễ đưa thiệp mời dự đám cưới có ngày giờ đã chọn.

- Lễ cưới được tổ chức vào ngày lành tháng tốt do hai bên gia đình chọn.

Trước khi sang nhà gái đón dâu, chú rể phải làm lễ ở bàn thờ nhà mình. Đến khi sang nhà gái đón dâu, cả cô dâu và chú rể xin phép hai họ cho cúng lễ tổ tiên nhà vợ ở tại chính nhà bố mẹ vợ và nếu có thể được vào yết cáo tại nhà thờ họ bên nhà vợ.

Đối với cô dâu cũng vậy, ngày vu quy, khi về nhà chồng, việc đầu tiên là phải lễ trước bàn thờ tổ tiên nhà chồng. Sau đó họ nhà chồng đưa cô dâu đi lễ nhà thờ trong hai họ nội ngoại nhà chồng.

VĂN KHÁN YẾT CÁO GIA THẦN, GIA TIỀN

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư phật mười phương.*

- *Con kính lạy Hoàng thiêng Hậu Thổ chư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy tiên họ..... chư vị Hương linh.*

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tại:.....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con có con trai (con gái) kết duyên cùng.....

Con của ông bà.....

Ngu tại:.....

*Nay thủ tục hôn lễ đã thành. Xin kính dâng lễ vật,
gọi là theo phong tục nghi lễ thành hôn và hợp cẩn,
trước linh toạ Ngũ tự Gia thần chư vị Tôn linh, trước
linh bài liệt vị gia tiên chư chân linh xin kính cẩn khấn
cầu:*

Phúc tổ đi lai,

Sinh trai có vợ (nếu là nhà trai),

Sinh gái có chồng (nếu là nhà gái)

Lễ mọn kính dâng,

Duyên lành gấp gáp,

Giai lão trăm năm,

Vững bền hai họ,

Nghi thắt nghi gia,

Có con có cửa.

Cầm sắt giao hoà,

Trông nhở phúc Tổ.

*Chúng con lễ bạc tâm thành, xin được phù hộ độ
tri.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

* Cúng gia tiên khi động thổ

Ý nghĩa:

Theo ông bà ta xưa làm nhà là một trong những việc quan trọng nhất của một đời người. Để những người sống trong ngôi nhà mới xây cất được khỏe mạnh, gặp mọi sự may mắn tốt lành thì khi tiến hành làm nhà nhất thiết phải tuân thủ một số nghi thức quy định về mặt phong thuỷ, chọn ngày tốt (Hoàng đạo, Sinh khí, Lộc mã, Giải thần....) tránh ngày xấu (ngày Hắc đạo, Sát chủ, Thổ cẩm, Trùng tang, Hùng phục.....) và phải chọn giờ Hoàng Đạo để làm lễ động thổ (lễ cúng Thần Đất) để xin được làm nhà trên mảnh đất đó.

Sắm lễ:

Trong lễ động thổ ngày xưa phải cúng tam sinh, ngày nay đơn giản hơn, nhưng phải là con gà, đĩa xôi, hương, hoa quả, vàng mã... Sau khi làm lễ gia chủ là người cầm cuốc bỗn những nhát đầu tiên, trình với Thổ thần xin được động thổ, tiếp sau đó, mới cho thợ đào. Trước khi khấn phải thắp nén nhang vái bốn phương, tám hướng rồi quay mặt vào mâm lễ mà khấn.



VĂN KHẨN LỄ ĐỘNG THỔ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Con kính lạy Quan Đường niên.

- Con kính lạy các Tôn phẫn bản xứ.

Tín chủ (chúng) con /à:.....

Ngu tại:.....

Hôm nay là ngày... tháng....năm..... tín chủ con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương, dâng lên trước án, có lời thưa rằng: Hôm nay tín chủ con khởi tạo.... (nếu cất nóc thì đọc là cất nóc, nếu xây cổng thì đọc là xây cổng, nếu chuyển nhà thì đọc là chuyển nhà) ngôi đường cơ trụ trạch để làm nơi cư ngụ cho gia đình con cháu. Nay chọn được ngày lành tháng tốt, kính cáo chư vị linh thần, cúi mong soi xét và cho phép được động thổ (hoặc cất nóc). Tín chủ con lòng thành lạy vật dâng lên trước án thành tâm kính mời: ngài Kim Niên Đường Thái tuế chí đức Tôn thần, ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài định phúc Táo quân, các ngài Địa chúa Long Mạch Tôn thần và tất cả các vị Thần linh cai quản trong khu vực này.

Cúi xin các Ngài giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con được vạn sự tốt lành, công việc hanh thông, Chủ thợ được bình an, ngày tháng hưởng phần lợi lạc, âm phù dương trợ, sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm. Tín chủ lại xin phô cáo với các vị Tiên chủ, Hậu chủ và các vị Hương linh, cô hồn y thảo phụ mộc, phảng phát quanh khu vực này, xin mời các vị tới đây thụ hưởng vật, phù trì tín chủ, cũng như chủ thợ đôi bên khiến cho an lạc, công việc chóng thành, muôn sự như ý.

Chúng con lê bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*** CÙNG GIA TIÊN NGÀY TÂN GIÀ**

Ý nghĩa:

Lễ Nhập Trạch (lễ dọn vào nhà mới, có thể là nhà tự xây cất hoặc ngôi nhà mới mua) là một nghi lễ quan trọng trong nghi lễ cổ truyền của người Việt. Bởi vậy khi dọn về nhà mới gia chủ phải tuân thủ các qui định cổ truyền là:

- Chọn ngày giờ tốt để dọn đến nhà mới.
- Đồ đạc phải do người trong gia đình tự tay dọn chuyển mang đến nhà mới.

- Bài vị cúng Gia Thần, Tổ Tiên phải do gia chủ tự tay cầm đến nhà mới. Còn những người khác trong gia đình thì đi theo sau, tay cầm tiền của mang đến nhà mới. Thời gian chuyển nhà tốt nhất là vào buổi sáng, giữa trưa hoặc lúc mặt trời mới bắt đầu lặn, tránh chuyển nhà vào buổi tối.

Sắm lễ:

Mâm lễ dâng Thần linh, Gia Tiên ngày nhập trạch được bày biện trang trọng gồm: Trầu cau, hương, hoa, vàng mã, mùa nào quả ấy, bánh kẹo và mâm lễ mặn: rượu, thịt, xôi, gà...

Khi vào nhà mới, vật đầu tiên mang vào nhà là cái chiếu hoặc đệm đang sử dụng, sau đó là bếp lửa (bếp ga, bếp dầu), không nên mang bếp điện vì bếp điện có tinh và không có tướng (tức chỉ có nhiệt mà không có ngọn lửa), chổi quét nhà, gạo, nước..... lẽ vật để cúng Thần linh trước để xin nhập trạch và xin phép Thần linh rước vong linh Gia tiên về nơi ở mới để thờ phụng.

Lẽ vật được để lên bàn, mâm, kê theo hướng đẹp với gia chủ. Tự tay gia chủ thắp nhang vào một bát nhang làm tạm thời. Thắp nhang và khấn lễ Thần linh xin nhập vào nhà mới, tiếp ngay sau đó gia chủ châm bếp và đun nước.

Đun nước mục đích là để khai bếp, pha trà dâng Thần linh và Gia tiên. Nếu có khách, có thể lấy nước đó mời khách.

Nếu chỉ nhập trạch lấy ngày tốt chưa có nhu cầu ở ngay thì gia chủ phải ngủ một đêm ở nhà mới.

Sau khi khấn Thần linh xong, gia chủ làm lễ cáo yết Gia tiên rồi nới dọn dẹp đồ đạc.

Sau khi dọn xong, để cầu bình yên, toàn gia phải tổ chức lễ bái tạ Thần Phật, các vị Thánh thần và Tổ tiên...

Người có chùa thì tốt nhất không nên dọn nhà. Trong trường hợp cấp bách không thể không dời nhà, nên mua một cái chồi mới tinh, để đích thân người chùa quét qua các đồ đạc một lượt rồi mới chuyển. Như vậy mới không phạm tội "Thần thai"

Những người giúp dọn nhà không được là người cầm tinh con Hổ.

Theo ông bà ta xưa, đây là một số phép tắc giữ gìn sự hanh thông, bình an cho mọi nhà, bách bệnh không phát sinh, tài vận tiến đến, cả nhà vui vẻ.

Văn khấn:

Văn khấn lễ nhập trạch gồm hai phần:

- Văn khấn Thần linh.
- Văn khấn cáo yết gia tiên



VĂN KHẤN THẦN LINH

Nam mô a di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật

- Con lạy chín phương Trời, mười Phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy Các ngài Thần linh bản xứ cai quản
trong khu vực này.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Hôm nay là ngày.... tháng.... năm.... tín chủ con
thành tâm sấm lẽ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả,
thắp nén tâm hương dâng lên trước án. Trước bǎn toạ
chư vị Tôn thần tín chủ con kính cẩn tâu trình:

Các vị Thần linh,

Thông minh chính trực,

Giữ ngôi tam thai

Năm quyền tạo hoá

Thể đức hiếu sinh

Phù hộ dân lành

Bảo vệ sinh linh.

Nêu cao chính đạo.

Nay gia đình chúng con hoàn tất tân gia, chọn được ngày lành dọn đến cư ngụ, phần sài nhóm nhóm lửa, kính lê khánh hạ. Cầu xin chư vị minh Thần cho chúng con được nhập vào nhà mới tại:..... và lập bát nhang thờ chư vị Tôn thần. Chúng con xin phép chư vị Tôn thần cho rước vong linh Gia tiên chúng con về ở nơi này để thờ phụng. Chúng con cầu xin chư vị minh Thần gia ân tác phúc, độ cho gia quyến chúng con an ninh, khang thái, làm ăn tiến tới, tài lộc dồi dào vạn sự như ý, vạn điều tốt lành.

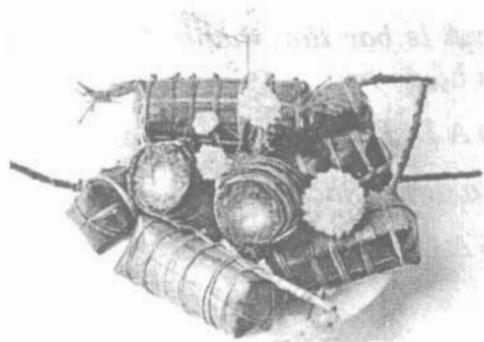
Tín chủ lại mời các vong linh Tiên chủ, Hậu chủ ở trong nhà này, đất này xin cùng về đây chiêm ngưỡng Tôn thần, thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho tín chủ con sức khoẻ dồi dào, an khang, thịnh vượng.

Chúng con lê bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!



VĂN KHẨN GIA TIỀN

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật !

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Tiên nội ngoại họ.....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Gia đình chúng con mới đơn đến đây là: (địa chỉ):.....

Chúng con thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương dâng lên trước ban thờ Cụ nội ngoại gia tiên. Nhờ hồng phúc tổ tiên, ông bà cha mẹ, chúng con đã tạo lập được ngôi nhà mới. Nhân chọn được ngày lành tháng tốt, thiết lập án thờ, kê giường nhom lúa, kính lê khánh hạ.

Cúi xin các cụ, ông bà cùng chư vị Hương linh nội ngoại họ..... thương xót con cháu, chứng giám lòng thành, giáng phó linh sàng thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì cho chúng con, lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long, cháu con được bình an mạnh khoẻ.

Chúng con lẽ bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*** Cúng gia tiên ngày khai trương cửa hàng**

Ý nghĩa:

Theo quan niệm xưa, ông bà ta cho rằng: Cửa hàng, nhà xưởng..... đều nằm trên đất do vị Thổ Thần nơi đó cai quản, nên khi khai trương cửa hàng, công xưởng..... phải làm lễ xin phép Thổ Thần để được Thần linh phù hộ cho việc làm ăn được thuận buồm xuôi gió, phát đạt, thịnh vượng.

Sắm lễ:

Lễ vật trong lễ khai trương cửa hàng gồm: Hương, hoa quả phẩm oản, vàng mã, trầu cau, bánh kẹo... và mâm lễ mặn: xôi, gà, cơm, canh...

Mâm lễ được bày biện đẹp, đầy đặn trên bàn, sau khi dâng chén nước thắp nén hương, chủ cửa hàng thành tâm cầu khấn.

VĂN KHẤN LỄ KHAI TRƯƠNG CỬA HÀNG

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư phật mười phương.*

- *Con kính lạy Quan Âm Bồ Tát, Ksitigarbha, Ksitigarbha, Ksitigarbha.*

- *Con kính lạy các ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương.*

- Con kính lạy các Ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch, Tài thần định phúc Táo quân, chư vị Tôn thần.
- Con kính lạy các Thần linh cai quản trong khu vực này.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Hôm nay là ngày.... Tháng...năm..., tín chủ con thành tâm sám sửa lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương dâng lên trước án, lòng thành tâu rằng: tín chủ con xây cất (hoặc thuê được) một ngôi hàng ở tại xứ này (địa chỉ)....(nếu là cơ quan, công xưởng thì khấn là tín chủ con là con là Giám đốc hay Thủ trưởng cùng toàn thể công ty), nay muốn khai trương khởi đầu việc kinh doanh (hoặc sản xuất) phục vụ nhân sinh, phục vụ sinh hoạt. Do đó chúng con chọn được ngày lành tháng tốt sắm sanh lễ vật cáo yết Tôn thần dâng cùng Bách linh..... cúi mong soi xét.

Chúng con xin kính mời quan Đường niên quan Đường cảnh, quan Thần linh Thổ địa, Định phúc Táo quân cùng các ngài Địa chúa Long Mạch cùng tất cả Thần linh cai quản khu vực này linh thiêng giáng hiện trước hương án, thụ hưởng lễ vật, chứng giám lòng thành. Cúi xin các vị phù hộ cho chúng con buôn bán hanh thông, là ăn thuận lợi, lộc tài vượng tiến, cần gì được nấy, nguyện gì cũng thành.

Tín chủ lại mời các vị Tiên chủ, Hậu chủ cùng chư Hương linh y thảo phụ mộc ngũ trong khu vực này, xin hãy tới đây thụ hưởng lễ vật, phù trì cho tín chủ con làm ăn buôn lán gấp nhiều may mắn.

*Chúng con lê bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi
xin được phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

2.3. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày sóc vọng, cầu lộc cầu tài

*Một số nguyên tắc chung của tục dâng hương vào
các dịp tuần, tiết, sóc, vọng*

Mỗi tuần, tiết dâng hương đều có những điểm khác nhau nhất định từ phẩm vật dâng cúng tới một số nghi thức và văn khấn, song giữa các kỳ tuần, tiết ấy vẫn có những nguyên tắc chung:

a. *Vào ngày tuần tiết*: Dâng hương phải khấn Gia Thần (thần ngoại) trước, Gia Tiên sau.

b. *Vào ngày giỗ Gia Tiên*: Phải cáo yết Thần Linh trước, sau mới cúng Gia Tiên.

- Khi cúng giỗ ai thì phải khấn người đó trước rồi tiếp đến Tổ Tiên nội ngoại, tiếp đến Thần Linh chúa đất, sau cùng mới là tiền chủ, hậu chủ.

c. Khi dâng hương lễ Thần ngoại Thổ Công, Táo quân, hay Thần Thánh thì bắt buộc phải nhập quán và xưng quốc hiệu (nêu địa chỉ).

d. *Khi dâng hương lễ thần nội (Tổ Tiên)*: Không được nhập quán và xưng quốc hiệu (nêu địa chỉ).

Nếu: - Bố chết thì phải khấn là Hiên Khảo.

- Mẹ chết thì phải khấn là Hiên Tỷ.
- Ông chết thì phải khấn là Tổ Khảo.
- Bà chết thì phải khấn là Tổ Tỷ.
- Cụ ông chết thì phải khấn là Tầng Tổ Khảo.
- Cụ bà chết thì phải khấn là Tầng Tổ Tỷ.
- Anh em chết thì phải khấn là Thệ Huynh, Thệ Đệ.
- Chị em gái chết thì phải khấn là Thệ tỷ, Thệ muội.
- Cô dì, chú bác chết thì phải khấn là Bá thúc cô di tỷ muội.

Hoặc khấn chung là Cao tầng tổ khảo tỷ nội ngoại Gia Tiên.

e. Các phẩm vật dâng cúng: Có thể làm "lễ chay" và lẽ mặn. Những gia đình có ban thờ Phật thì chỉ dâng "lễ chay", lễ có thể "bạc mọn" hay "sang trọng" nhưng không thể thiếu: hương, đèn (đèn, nến), trà (chè), quả, tửu (rượu), nước thanh thuỷ, trầu cau (thường 1 hoặc 3 quả cau còn cuống với một lá trâu), tiền vàng (kim ngân). Riêng đèn, nến thường là một cặp, đặt hai bên: phải, trái bàn thờ và đặt cao hơn các phẩm vật khác. Đôi đèn, nến này tượng trưng cho hai vầng Nhật Nguyệt (mặt trời, mặt trăng) và được thắp sáng suốt buổi lễ dâng hương.

f. Thắp hương: Dù là kỳ dâng hương nào, lễ vật dâng cúng trên bàn thờ có thể chung nhưng nếu có

nhiều bát hương thì bát hương nào cũng đều phải thấp hương, hương được thấp theo số lẻ: 1, 3, 5, 7... vì số lẻ thuộc dương. Theo luật "cơ ngẫu" của dịch lý thì số lẻ thuộc dương, tượng trưng cho phần vô hình, cho trời, cho sự trong sạch, cho sự mỏ của vạn vật...

Nói là số lẻ nhưng theo lệ thường thì mỗi bát hương ba nén, khi hương bén gần hết một tuần hương thì gia chủ thấp một tuần nữa rồi xin phép Gia Thần, Gia Tiên hoá vàng ngay giữa hai tuần hương. Tiền vàng khi hoá thành tro rồi gia chủ thường vẩy rượu vào.

Tại sao lại thường thấp ba nén?

Tục xưa tin rằng, khi thấp hương lên trời thì Trời - Đất - Người có sự cảm ứng. Cũng theo triết lý của người phương Đông thì cái nguyên lý phổ quát của vũ trụ, vạn vật tương ứng, tương cảm là: Thiên - Địa - Nhân. Vậy nên, có lẽ ba nén là tượng trưng cho ba ngôi Trời - Đất - Người chăng?

Tại sao lại rót rượu vào tro hoá vàng, tiền cúng?

Vì người xưa tin rằng có làm như vậy thì người cõi âm mới nhận được. Chưa rõ sự tích và triết lý của việc ấy ra sao. Ngày nay chỉ thấy ai cẩn thận lấm mới làm điều ấy.

g. *Vái và lê*: Mỗi kỳ dâng hương đều có vái và lê.

Vái thì các ngón tay đan vào nhau.

Lê thì hai bàn tay áp vào nhau, các ngón tay của hai bàn tay phải, trái không so le, không choai các ngón

ra như hình rẽ quạt và đều đặt ở vị trí ngang trước ngực.

Vái và lễ chỉ được thực thi sau khi các phẩm vật cúng lễ đã được đặt trên bàn thờ, đèn, nến đã được thắp sáng; hương (hương) đã châm lửa. Có người cẩn thận không dùng lửa ở hai ngọn đèn (nến) để đốt hương, bảo rằng đó là "lửa thờ". Các nén hương sau khi đã được châm lửa, người làm lễ kính cẩn dùng hai tay dâng các nén hương ở vị trí ngang trán, vái ba vái rồi mới cắm hương vào bát hương rồi mới vái. Vái ba vái xong thì đọc văn khấn. Khấn xong, lễ bốn lề và thêm ba vái.

Vái và lễ là hai biểu tượng nghi lễ có đôi chút khác nhau nhưng có điểm chung: đều là biểu tượng của sự giao hoà, cảm ứng Âm - Dương. Hai bàn tay tượng trưng cho hai nửa Âm Dương của vòng tròn thái cực, tay trái thuộc dương, tay phải thuộc âm, nên khi các ngón tay của hai bàn tay được đan vào nhau hay áp vào nhau là biểu tượng của sự giao tiếp, giao thái, giao hoà Âm Dương, còn các ngón tay thì tượng trưng cho Ngũ Hành.

Ngón cái - Thổ.

Ngón trỏ - Kim.

Ngón giữa - Thuỷ.

Ngón đeo nhẫn - Mộc.

Ngón út - Hoả.

Đó là vòng tương sinh ngũ hành của hai nửa Âm - Dương.

h. Khi lê Phật: Dù có xưng đìa chỉ hay không xưng đìa chỉ, nói tên hay không nói tên đều được, chỉ cốt giải bày lầm lỗi và ăn năn trước Phật đài sau đó cầu nguyện những điều mình mong muốn là được.

*** Cúng gia tiên ngày mồng một (ngày sóc) và ngày rằm (ngày vọng) hàng tháng**

Ý nghĩa:

Theo tục xưa để lại, cứ vào sáng mồng 1 và chiều tối ngày rằm hàng tháng, các gia đình người Việt Nam thường có chút lễ mọn, dâng hương Gia Thần và Tiên tổ.

Không những vậy, mỗi khi gia đình có một việc gì đó, từ những việc được coi là "trọng đại trong gia đình lớn" như có người được thăng quan tiến chức, được lộc lớn... cho tới sự kiện nhỏ như có người đau ốm trong nhà, có cơm gạo mới, có quả đầu mùa,... cũng dâng Gia Thần, Tiên tổ. Trước là trình báо, sau là xin được phù hộ cho mọi sự tốt đẹp trong nhà.

Tại sao dân gian thường thờ Thổ Công, Thổ Địa vào các ngày tuần tiết, sóc vọng và cũng không cứ vào các ngày này, mà trong các dịp tết lễ bất kỳ, đều có kêu khấn đến Thổ Công, Thổ Địa.

Thần Thổ Địa, dân gian quen gọi là Thổ Công, hay Thổ Địa. Tương đương với thần Thổ Địa ông là Thổ Địa bà, hay bà Thổ Địa. Thần Thổ Địa là một trong những

vị thần được cung phụng phổ biến trong dân gian. Miếu thờ Thổ Địa dù to hay nhỏ, ở thành thị hay thôn quê, nơi nới đều có.

Người xưa rất mực coi trọng Thổ Địa, bởi vì có đất đai mới có nông nghiệp, là chỗ dựa cơ bản nhất cho sự tồn tại của con người, bởi vì đất đai giúp con người có cơm áo, có nơi đi lại, cư trú, đất đai là mẹ của cơm áo. Thần Thổ Địa có sớm nhất là "Thần xã", "xã" nghĩa gốc là "Thị Thổ", tức là cúng tế Thổ Địa. Người xưa nói rằng xã là Thần Đất, có thể sinh ra ngũ cốc.

Cùng với sự phát triển của xã hội, thần Thổ Địa được trùu tượng hoá, tôn là "Hậu thổ Hoàng địa chỉ". Hậu thổ tương ứng với Tiên Đế, là vị đại thần cai quản toàn bộ đất đai, là một trong những tôn thần tối cao. "Hậu Thổ Hoàng Địa chỉ" là một vị nữ thần trong coi việc âm, dương, sinh nở, cũng như cái đẹp của muôn loài và của núi sông, đó là hàm ý xa xưa của chữ "Hậu", nó như hình tượng người mẹ sinh con, điều này cũng thống nhất với quan niệm âm dương. Học thuyết âm dương cho rằng Trời là dương, Đất là âm, Nam là dương, Nữ là âm, Trời là cha, Đất là mẹ, âm dương đối lập mà lại thống nhất, là sự bắt đầu phôi thai sinh ra muôn vật. Theo quá trình phát triển của tôn giáo, có thể nói rằng sự sùng bái Thổ Địa sớm nhất là "Đất mẹ" sau đó là "Đất cha". Song đất mẹ, đất cha hợp nhất để cúng tế thì không biết từ khi nào... Về sau sự sùng bái Thần Thổ Địa dần dần được nhân cách hoá, lấy địa vị trung tâm là Ông Thổ Địa và Bà Thổ Địa. Điều đó có thể thấy, đây chính là sản phẩm của xã hội mà trọng tâm là nam giới.

Do khu vực và thời đại khác nhau nên ông Thổ Địa hình dáng có khác nhau, song hình tượng ông Thổ Địa nói chung là ông già tóc bạc, mặc áo dài, đội mũ mỏ quạ, đôi mắt hiền từ, râu bạc như cước, bên cạnh luôn có một bà cụ, khuôn mặt hiền từ, dáng phúc hậu, đó chính là Bà Thổ Địa.

Dân gian thờ cúng Thổ Địa chủ yếu là các vị thần như: Thần xã, Thần tắc, Thần Thổ Công, Thần Thổ Mẫu. Khi hành lễ người làm phép thường niệm "Thổ Địa chủ" nói như sau: "Thổ Địa ở đây, thần tối anh linh, thông hiểu trời đất, xuất nhập diệu huyền, tâu bày giúp con, chớ có do dự, đợi ngày thành công, không quên hậu ta".

Sắm lễ:

Lễ cúng vào ngày mồng một (lễ Sóc) và lễ cúng vào chiều tối ngày rằm (lễ Vọng) thường là lễ chay: Hương, loa, trầu cau, quả, tiền vàng. Ngoài lễ chay cũng có thể cúng thêm lễ nặn vào ngày này gồm: Rượu, thịt gà luộc, các món mặn.

Sắm lễ ngày mồng một và ngày rằm chủ yếu là thành tâm kính lẽ, cầu xin lẽ vật có thể rất giản dị: hương, hoa, lá trầu, quả cau, chén nước.

VĂN KHẤN THẦN THỔ CÔNG VÀ CÁC VỊ THẦN

(Vào ngày mồng Một và ngày Rằm)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười Phương Chu⁷ Ph⁸at, Chư ph⁸at mười phương.
- Con kính lạy Hoàng thiêng, Hậu Thổ chư vi Tôn⁹ thàn.
- Con kính lạy ngài Đông Thân quān
- Con kính lạy ngài Bản gia th¹⁰địa Long Mạch
- Con kính lạy các ngài Ngũ ph¹¹ương, Ngũ th¹²ổ, Phúc¹³ đức Tôn thàn
- Con kính lạy ngài tiên hậu địa chủ tài thàn
- Con kính lạy các Tôn thàn cai quản trong khu vực này.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngũ tai:.....

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm...., tín chủ con thành tâm sửa biện hương hoa lẽ vật, kim ngân trà quả đốt nép hương thơm dâng lên trước án. Chúng con thành tâm kính mời: ngài Kim Niên đương cai Thái Tuế chí đức Tôn thàn, ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần quān, ngài Bản gia Thổ địa, Long Mạch Tôn thàn, các ngài Ngũ Ph¹¹ương, Ngũ th¹²ổ, Phúc¹³ đức chính thàn, các vị Tôn thàn cai quản trong khu vực này. Cúi xin các Ngài nghe thấu lời mời thương xót thương tín chủ giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lẽ vật, phù trì tín chủ chúng con toàn gia an lạc công việc hanh

*thông. Người người được bình an, lộc tài tăng tiến, tâm
đạo mở mang, sở cầu tất ứng, sở nguyện tòng tâm.*

*Chúng con lê bạc tâm thành, trước án kính lê, cùi
xin được phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật!

2. THỜ CÚNG GIA TIỀN VÀO CÁC LỄ TIẾT

2.1. Tết Nguyên đán (cúng 23/12, cúng 30/12, cúng 1/1)

Tết Nguyên đán là lễ lớn nhất trong số các lễ, tết cổ truyền của người Việt Nam. Về mặt triết lý, Tết này là thời điểm giao thái Âm - Dương (hai quẻ Càn - Khôn), là thời điểm giao hoà của Thiên - Địa - Nhân, là bước chuyển vận "Tống cựu Nghinh tân" (cái cũ, vận cũ qua đi, cái mới, vận mới đang tới). Như thế, Tết Nguyên đán là chuyển giao chu kỳ giữa hai năm: cũ - mới.

Tết Nguyên đán là dịp Tết của sự sum họp trong mỗi gia đình Việt Nam: sự sum họp của các thành viên mỗi gia đình; sự gặp gỡ của các Gia Thần: Táo quân, Thổ Công, Tiên sư; sự trở về của các vong linh tổ tiên. Quan niệm văn hoá - tín ngưỡng của người Việt Nam về dịp Tết Nguyên đán là như thế.

* Cúng ngày 23 tháng chạp

Ý nghĩa của dân hương "Ông Táo châu trời" (23 tháng Chạp):

Trong các vị thần, Táo thần (thần bếp) là vị thần theo sát cuộc sống của mọi người với vai trò là tay chân của Ngọc Hoàng đến với muôn nhà, thường ngày ghi lại những công tội, tốt xấu của mọi người để hàng năm vào ngày 23 tháng Chạp lại trở về trời báo cáo với Ngọc Hoàng, làm cơ sở để Ngọc Hoàng thưởng cho cái tốt và phạt cái xấu, cái ác. Trong "Bão phác tử: của Tân Cát Hồng còn nói: cứ vào cuối mỗi tháng, Táo Thần lại về trời để phản ánh hình nhân gian. Nếu ai có lỗi với Táo thần (Việt Nam hay gọi là Táo quân) sẽ bị Táo quân tố cáo với Ngọc Hoàng, tội nghiêm trọng thì bị cắt bớt 300 ngày sống, nếu tội nhẹ thì cũng bị cắt 100 ngày sống. Kiểu phạt bằng cách cướp đi thời gian sống của đời người, thì ai mà không sợ. Vì thế, dân gian hầu như nhà nào cũng hết sức thành tâm thờ cúng Táo quân, không dám đơn sai. Tất nhiên, mọi người thờ cúng Táo quân không chỉ vì sợ mà chủ yếu hơn là mọi người muốn cầu xin Táo quân ban cho mình những điều tốt đẹp. Sách "Hậu Hán thư" có ghi một câu chuyện như sau: Vào năm Hán Tuyên Đế phong tước, có một người tên là Âm Tử Phương nấu cơm vào sáng sớm mồng 8 tháng chạp (8 tháng 12 âm lịch), Táo thần đột ngột xuất hiện. Nhà anh ta lúc này chỉ có một con chó, thế là Âm Tử Phương liền giết con chó để cúng Táo thần (chó được dùng để cúng tế gọi là "Hoàng dương"). Từ đó, Âm Tử Phương luôn gặp vận may, trở thành nhà giàu một cách nhanh chóng. Gia đình anh ta hưng thịnh, làm nhà cao cửa rộng, không chỉ nhà ngói mà còn có ruộng tốt tới

700 khoảnh (đơn vị đo diện tích của Trung Quốc). Ăn thì toàn sơn hào hải vị, mặc thì toàn lụa là gấm vóc. Con là Âm Thức, Âm Hưng đều sáng láng, được làm quan to trong triều. Tin tức truyền đi, mọi người biết được Táo thần còn đem lại của cải giàu có cho mọi người, thế là uy phong của Táo thần càng ngày càng lớn.

Câu chuyện được thêu dệt, nhằm mục đích ổn định trật tự xã hội, buộc dân chúng phải an phận thủ thường. Còn việc dân gian cúng Táo thần là bắt nguồn từ sự sùng bái của loài người đối với "lửa". Từ thuở hoang sơ, con người chiến đấu với thiên nhiên và học được cách dùng lửa. Lửa đem lại ánh sáng, hơi ấm cho con người. Và nhờ có lửa con người đã biết cách làm chín thức ăn, khiến cho thể chất con người khoẻ mạnh cường tráng hơn. Lửa dần dần trở thành "Thần" của con người. Họ cho rằng Táo thần đã ban phúc đức cho loài người. Đống lửa không bao giờ tắt, phải được ủ và đốt trong bếp, vì thế thần lửa và thần bếp (Hoả thần và Táo thần) là một. Dời Hán, đã có cuộc tranh luận về Táo thần là nữ hay nam. Hứa Thuận dẫn kinh điển nói Táo thần là nam; Trịnh Huyền thì xuất phát từ thực tế phụ nữ là người nấu bếp chủ trì việc ăn uống, và cho rằng Táo thần là nữ. Cuộc tranh luận giới tính của Táo thần phản ánh quá trình diễn biến của tục thờ cúng Táo quân từ thời hoang sơ, tiến vào xã hội Mẫu hệ, việc quản lý lửa thiêng và dùng lửa để nướng thức ăn, rồi chia cho từng người trong bộ lạc, đều do một phụ nữ có uy tín tối cao trong bộ lạc đảm nhận, vì thế Táo thần cũng được tạo ra bằng hình tượng nữ tính. Vào thời kỳ

phụ hệ, tất cả mọi quyền lực từ tay phụ nữ chuyển sang cho nam giới - giới tính của Táo thần cũng chuyển từ nữ sang nam. Từ đó, Táo thần là một vị Thần Linh nam tính đã ăn sâu vào trong lòng mọi người, trở thành một hình tượng sâu sắc nhất trong xã hội phong kiến. Vào ngày này, các gia đình Việt Nam thường làm lễ dâng hương tiễn ông Táo.

Theo tục cổ truyền của người Việt thì Táo quân gồm hai ông và một bà, tượng trưng là 3 cỗ, "đầu rau" hay "chiếc kiêng 3 chân" ở nhà bếp. Vào ngày này, Táo quân sẽ lên thiên đình để báo cáo mọi việc lớn nhỏ trong nhà của gia chủ với Thượng Đế (hay Ông Trời). Táo quân cũng còn gọi là Táo công là vị thần bảo vệ nơi gia đình mình cư ngụ và thường được thờ ở nhà bếp, cho nên còn được gọi là Vua Bếp. Vì Táo quân quanh năm chỉ ở trong bếp, biết hết mọi chuyện trong nhà, cho nên để Vua Bếp "phù trợ" cho mình được nhiều điều may mắn trong năm mới, người ta thường làm lễ tiễn đưa ông Táo về chầu Trời rất trọng thể.

Lễ tiễn ông Táo chầu trời thường được tiến hành vào chiều ngày 23 tháng Chạp âm lịch hàng năm.

Sắm lễ:

Không khí Tết nhộn nhịp bắt đầu kể từ ngày "tiễn" Táo quân về chầu trời vào ngày 23 tháng Chạp (tức ngày 23 tháng 12 Âm Lịch)

Lễ vật cúng Táo công gồm có: mũ ông Công ba cỗ hay ba chiếc: hai mũ đàm ông và một mũ đàm bà. Mũ dành cho các ông Táo thì có hai cánh chuồn, mũ Táo bà thì không có cánh chuồn. Những mũ này được trang sức

với các gương nhỏ hình tròn lóng lánh và những giây kim tuyết màu sắc sắc sỡ. Để giản tiện, cũng có khi người ta chỉ cúng tượng trưng một cỗ mū ông Công (có hai cánh chuồn) lại kèm theo một chiếc áo và một đôi hia bằng giấy. Màu sắc của mū, áo hay hia ông Công thay đổi hàng năm theo ngũ hành. Thí dụ:

- + Năm hành kim thì dùng màu vàng
- + Năm hành mộc thì dùng màu trắng
- + Năm hành thủy thì dùng màu xanh
- + Năm hành hỏa thì dùng màu đỏ
- + Năm hành thổ thì dùng màu đen

Những đồ "vàng mā" này (mū, áo, hia, và một số vàng thoi bằng giấy) sẽ được đốt đi sau lễ cúng ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp cùng với bài vị cũ. Sau đó người ta lập bài vị mới cho Táo Công.

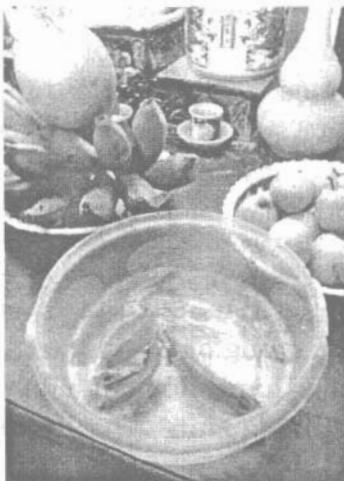
Theo tục xưa, riêng đối với những nhà có trẻ con, người ta còn cúng Táo quân một con gà luộc nữa. Gà luộc này phải thuộc loại gà cồ mới tập gáy (tức gà mới lớn) để ngũ ý nhờ Táo quân xin với Ngọc Hoàng Thượng Đế cho đứa trẻ sau này lớn lên có nhiều nghị lực và sinh khí hiên ngang như con gà cồ vậy!

Ngoài ra, để các ông và các bà Táo có phương tiện về chầu trời, ở miền Bắc người ta còn cúng một con cá chép còn sống thả trong chậu nước, ngũ ý "cá hóa long" nghĩa là cá sẽ biến thành Rồng đưa ông Táo về trời. Con cá chép này sẽ "phóng sinh" (thả ra ao hồ hay ra sông sau khi cúng).

Ở miền Trung, người ta cúng một con ngựa bằng giấy với yên, cương đầy đủ. Còn ở miền Nam thì đơn giản hơn, chỉ cúng mũ, áo và đôi hia bằng giấy là đủ.

Tùy theo từng gia cảnh, ngoài các lễ vật chính kể trên, người ta hoặc làm lễ mặn (với xôi gà, chân giò luộc, các món nấu nấm, măng...v...v) hay lễ chay (với trầu cau, hoa, quả, giấy vàng, giấy bạc..v...v..) để tiễn Táo công.

Sự tích Táo quân bắt nguồn từ Trung Hoa, truyện đã được "Việt Nam hóa" với nhiều tình tiết khác nhau. Tuy nhiên, các câu truyện vẫn nói lên "tình nghĩa yêu thương" giữa một người vợ và hai người chồng cũ và mới. Chính vì những mối ân tình đó mà ba người đều đã quyên sinh vì nhau. Thượng đế thông cảm mối tình sâu nghĩa đậm này đã cho về bếp núc ở gia đình... Bài vị thờ vua Bếp thường được ghi ngắn tắt là "Định Phúc táo Quân" nghĩa là thần định mọi sự hạnh phúc.



VĂN KHẤN ÔNG TÁO LÊN CHÂU TRỜI

(23 tháng Chạp)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật,
Chư hật mười phương*

*Con kính lạy ngài Đông trù Tư mệnh táo phủ thân
quân, tín chủ (chúng) con là:*

Ngu tai:.....

*Hôm nay ngày 23 tháng Chạp tín chủ chúng con
thành tâm sấp sửa hương hoa phẩm luật, xiêm hài áo
mũ, kính dâng tôn thần. Thắp nén tâm hương tín chủ
con thành tâm kính bái. Chúng con kính mời ngài Đông
trù Tư mệnh Táo phủ thân quân hiển linh trước án
hưởng thụ lễ vật.*

*Cúi xin Tôn thần gia ân xá tội cho mọi lỗi lầm
trong năm qua gia chủ chúng con sai phạm. Xin Tôn
thần ban phước lộc, phù hộ toàn gia chúng con, trai già,
già trẻ sức khỏe dồi dào, an khang thịnh vượng, vạn sự
tốt lành.*

*Chúng con lê bẹn tâm thành, kính lê cầu xin, mong
Tôn thần phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Chú ý: Sau khi bày lễ, thắp hương và khấn xong, đợi hương tàn lại thắp thêm một tuân hương nữa lê tạ rồi hóa vàng mã và thả cá chép ra ao, hồ, sông, suối... để cá trở ông Táo lên chầu trời.

* Cúng tất niên 30 tết

Ý nghĩa:

Ngày 30 tết, mọi gia đình thường ra mộ tổ tiên và người thân đã khuất để lễ tạ Thổ thần, đắp thêm đất lên mộ, sửa sang mộ, rước vong linh Gia tiên về đón năm mới. Gia đình khi ra mộ lễ sẽ chuẩn bị lễ để cúng. Lễ này gọi là lễ Chạp. Những gia đình trong năm có người mất thì đến lễ Chạp nên tiến hành cẩn thận hơn những năm khác.

Nếu gia đình không có điều kiện ra mộ, thay có thể rước Gia tiên về đón năm mới theo cách: bày cỗ lên bàn thờ, đèn, hương hoa dâng cúng vào trưa (giờ Ngọ) ngày 30 Tết, rồi khấn Tổ tiên về dự hưởng Tết với gia đình.

Sắm lễ:

Mâm cỗ cúng gia tiên phải được chuẩn bị chu đáo, bao gồm:

- Hương hoa, trầu cau.

- Vàng mã.

- Lễ mặn hoặc lễ ngọt tùy theo gia chủ chuẩn bị. Mâm cúng lễ phải đầy đặn, bày biện cẩn thận mang ra ngoài mộ hoặc bày lên bàn thờ gia tiên.

VĂN KHÁN TẤT NIÊN 30 TẾT

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Hoàng Thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.*

- *Con kính lạy ngài Kim Niên Dương cai Thái tuế
Chí đức Tôn phẫn.*

- *Con kính lạy các ngài Bản cảnh Thành Hoàng
Chư vị Đại Vương*

- *Con kính lạy các ngài Ngũ phương, ngũ thô Long
Mạch, Tài thần, Bản gia Táo quân cùng tất cả các vị
Thần linh cai quản ở trong xứ này.*

- *Con kính lạy Chư gia Cao tầng tổ khảo, Cao tầng
tổ tỷ, Tiên linh nội ngoại họ.....*

Hôm nay là ngày 30 tháng chạp năm.....(âm lịch)

Tín chủ con (chúng con) là:.....(đọc rõ họ tên)

*Trú tại xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (thành
phố).....*

Trước án kính cẩn thưa trình:

Đông tàn sắp hết

Năm kiệt tháng cùng

*Xuân tiết gần kề
Minh niên sắp tới.*

*Hôm nay là ngày 30 Tết chúng con cùng toàn thể
gia quyến sắm sanh phẩm vật hương hoa, cơm canh
thịnh soạn, sửa lễ tất niên, dâng cúng Thiên địa Tôn
thần, phụng hiến tổ tiên, truy niệm chư linh. Theo như
thường lệ tuệ trừ cáo tế cúi xin chư vị tôn thần, liệt vị
gia tiên, bǎn xứ tiền hậu chư vị hương linh giáng lâm
án toạ, phủ thùy chứng giám, thụ hưởng lễ vật phù hộ
cho toàn gia lớn bé trẻ già bình an thịnh vượng luôn
luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, vạn sự tốt lành, gia
đình hoà thuận.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!



*** Cúng Giao thừa**

Ý nghĩa:

Lễ Giao thừa là lễ quan trọng nhất trong dịp Tết Nguyên đán. Đó là lễ dâng hương vào giây phút chuyển vận giữa giờ cuối cùng (giờ Hợi) của ngày cuối cùng thuộc tháng Chạp năm cũ với giờ khởi đầu (giờ Tý) của ngày đầu tiên thuộc tháng Giêng năm mới. ý nghĩa "tống cựu nghinh tân" được thực hiện triệt để vào giây phút này. Đây là giây phút rất thiêng liêng trong dịp Tết Nguyên đán. Người ta tin rằng mọi điều hỷ, dở, xảy ra vào giây phút này có liên quan tới mọi sự hay, dở của mọi người trong gia đình trong cả năm mới. Vào giây phút ấy mọi người đều quên đi tất cả những gì không hay trong năm cũ. Mọi sự kiêng kị được thực hiện triệt để từ giây phút giao thừa tới sáng sớm ngày mồng 1 Tết.

Từ xưa đến nay, thường không gia đình Việt Nam nào bỏ qua lễ dâng hương vào giây phút Giao thừa.

Thời điểm Giao thừa người ta thường cúng lễ ngoài trời và cúng lễ trong nhà

Sắm lễ:

Lễ vật cúng Giao thừa ngoài trời là: những phẩm vật không thể thiếu như: Hương, đăng (nến), trầu, rượu, vàng, tiền (hàng mã)... còn cần có thêm đồ chín như thủ lợn luộc (cả cái), hoặc gà trống luộc (cả con, đủ bộ), xôi nếp, bánh chưng...

Lễ vật được chuẩn bị từ trước thời điểm Giao thừa, đặt trên bàn hay mâm lớn rồi kê trên một cái đôn (không để trên mặt đất).

Tới đúng thời điểm Giao thừa thì thấp đèn, hương. Nếu viết văn khấn ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong sẽ hoá (uốt) ngày cùng với tiền, vàng dâng cúng.

VĂN KHẤN LỄ GIAO THỪA

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy các ngài:

- Đức Dương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật

- Hoàng Thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần.

- Long mạch, Táo quân, chư vị Tôn thần

- Đồng kính lạy các vị Cao tăng tổ khảo, Cao tăng tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di tỷ muội nội, ngoại chư vị tiên linh hồn ...

Nay là phút giao thừa năm

Con (chúng con) là:(đọc rõ họ tên)

Trú tại xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (thành phố).....

Phút thiêng giao thừa vừa tới, nay theo vận luật, tổng cựu nghênh tân, giờ Tý đầu xuân, đón mừng Nguyên đán, tín chủ chúng con thành tâm, sửa biến hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung tràn, dâng lên trước án, cúng dâng Phật Thánh, dâng hiến Tôn thần, đốt nén tâm hương, dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con xin kính mời: Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương, Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, Phúc đức chính thần, các ngài ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch Tài thần, các báu gia Táo quân và chư vị thần linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật. Con lại kính mời các cụ tiên linh Cao tầng tổ khảo, Cao tầng tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di Tỷ muội, nội ngoại tộc chư vị hương linh cúi xin giáng thế về linh sàng thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ lại kính mời các vị vong linh tiền chủ hậu chủ, y thảo phụ mộc ở trong đất này.

Nhân tiết giao thừa, giáng lâm trước án chiêm ngưỡng tân xuân, thụ hưởng lễ vật.

Nguyên cho tín chủ: an ninh khang thái, trú dạ cát tường. Thời thời được chư bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

** Cúng lê tạ*

Ý nghĩa:

Lê tạ, lê hoá vàng hay còn gọi là Tết Khai hạ. Đây chính là ngày làm lễ dâng hương "bế mạc" dịp Tết Nguyên đán để mọi người tiếp tục công việc thường nhật của mình.

Theo tục xưa để lại thì lễ tạ được tiến hành vào ngày mồng 7 tháng giêng âm lịch.

Theo sách "Phương sóc chiêm thú" thì sở dĩ lễ tạ được tiến hành vào ngày mồng 7 tháng giêng là vì ngày thứ bảy đầu năm mới là "ngày của Người" (Nhân nhật); còn các ngày khác từ mồng 1 Tết Nguyên đán đến mồng 8 tháng giêng là các ngày của các giống động vật và thực vật:

Mồng 1 là ngày của giống Gà, mồng 2 của giống Chó, mồng 3 của giống Lợn, mồng 4 của giống Dê, mồng 5 của giống Trâu, mồng 6 của giống Ngựa và mồng 8 của giống Thóc (lúa).

Vào chiều ngày ấy, ngày nào đẹp trời thì giống thú hay thực vật của ngày ấy sẽ khoẻ mạnh, tốt đẹp trong cả năm đó. Hiện nay vẫn có người tin vào những "điềm" báo trước ấy để có những "tiên đoán" cho cả năm.

Ngày nay tuỳ hoàn cảnh cụ thể công việc của mỗi nơi, người ta có thể tiến hành lễ tạ vào các ngày khác như vào mồng 2, mồng 3,... chứ không cứ phải vào mồng 7. Người Việt Nam hiện nay chủ yếu căn cứ vào hoàn cảnh công việc mà làm lễ tạ chứ không cầu nệ theo sách xưa.

Ý nghĩa quan trọng lễ tạ của người Việt Nam là ở chỗ: tạ lễ Trời, Đất, Thần, Phật, Gia Tiên... đã về chứng giám cho lòng thành và sự vui vẻ của những người đang sống nhân dịp Tết đầu năm và cầu xin các đấng cao minh, Tiên tổ gia cát, phù trì cho mọi người trong gia

đình tiếp tục bước vào cuộc sống may mắn, phát đạt mọi bề suốt cả năm mới.

Với ý nghĩa đó, không có gia đình Việt Nam nào, xưa cũng như nay, đã dâng hương cúng lễ Giao thừa vào sáng mồng 1 Tết mà lại bỏ qua làm lễ dâng hương Khai hạ, thậm chí những người có điều kiện còn tổ chức buổi lễ tạ khá lớn, mời họ hàng thân thích, bạn bè cùng đến dự và bàn tính dự kiến công việc đầu năm.

Nét khác biệt trong việc dâng hương vào dịp Tết Nguyên đán so với các dịp lễ, tiết khác trong năm là ở chỗ vào suốt dịp Tết Nguyên đán, kể từ lễ Tất niên vào chiều ngày 30 năm cũ, tháng chạp cho tới hết lễ tạ, trên các ban thờ trong nhà hương, đèn (nến) không bao giờ không thắp, ngày cũng như đêm. Các phẩm vật dâng cúng dịp Tết như tiền, vàng (đồ hàng mã), bánh chưng, mứt kẹo, ngũ quả, trầu cau,... cũng chỉ được phép hạ xuống vào sau buổi lễ dâng hương Khai hạ, trừ các lễ cúng mặn không thể để dài ngày như xôi, thịt... thì có thể hạ lễ ngay sau mỗi tuần hương dâng cúng vào các buổi, các ngày trong dịp Tết Nguyên đán.

Sở dĩ phải như vậy vì tục tín ngưỡng cho rằng trong suốt dịp Tết Nguyên đán trước khi làm lễ Khai hạ thì các bậc Thần minh và Tiên luôn luôn ngự trên ban thờ. Nếu để hương, đèn (nến) tắt, tự tiện hạ các phẩm vật trước khi Lễ tạ là bất kính đối với Thần minh và Tiên tổ.

Với ý nghĩa quan trọng của ngày Lễ tạ nên ngày làm Lễ tạ được quan niệm cũng là một cái "Tết" - Tết Khai hạ. Nó quan trọng chẳng kém lễ Giao thừa. Bởi

thế, trước khi dâng hương Lễ tạ, ngày xưa người ta cũng có đốt pháo mừng. Nhiều gia đình tính cẩn thận còn có cả lễ ngoài trời như lễ lúc Giao thừa nữa.

Trước khi hạ toàn bộ phẩm vật dâng cúng trong dịp hết một tuần hương thì trước tiên phải thực hiện việc hoá vàng tiền. Mỗi lỗ vàng, tiền dâng cúng đều được hoá riêng theo thứ tự: Gia Thần trước, Gia Tiên sau - từ các bậc cao nhất đến dưới. Trước khi hạ mỗi lỗ như vậy đều cần vái ba vái và khấn "Con xin thiêu hoá tiền vàng, quần áo,... thỉnh vong linh nhận chút lỗ bạc. Tâm thành, kính cáo Tôn thần, xin rước vong linh lại về âm giới".

Theo tục xưa, khi hoá mā thường có lỗ cáo thần "Vũ Lâm sứ giả" để ngài chứng tri cho. Văn khán đọc khi bắt đầu hoá mā, tại ban thờ, để xin phép Thần Vũ Lâm sứ giả mục đích tránh quỷ, ma đói khát cướp quần áo, tiền vàng của tín chủ gửi cho vong. Khi gửi đồ mā cho vong nên ghi vào giấy đầy đủ các đồ hiến cúng và gửi cho ai mộ táng tại đâu. Giống như ta gửi ở trần sao thì âm vậy, phải có tên địa chỉ người gửi, người nhận. Khi hoá mā xong, nên đọc câu kính xin tôn thần kính rước vong linh về nơi âm giới.

Ngày nay, nhiều người làm ăn, buôn bán, sau lễ tạ đều có kén chọn giờ tốt, ngày tốt để khai trương cửa hàng, cửa hiệu.

Sắm lễ:

Lễ vật dâng cúng trong lễ tạ năm mới gồm: Hương, hoa, nước, quả (ngũ quả). Trầu cau; Rượu; Đèn, nến; Lẽ ngọt, bánh kẹo;

Mâm cỗ mặn: xôi, gà, bánh chưng, các món Tết đầy đủ, tinh khiết.

VĂN KHẤN LỄ TẠ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con kính lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư phật mười phương*

- *Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy các ngài Dương niên, ngài Bản cảnh Thành hoàng, các ngài Thổ địa, Táo quân, Long Mạch, Tôn thần.*

- *Con kính lạy các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, nội ngoại Tiên linh.*

Tín chủ con (chúng con) là:.....(đọc rõ họ tên)

Trú tại xã (phường).....huyện (quận).....tỉnh (thành phố).....

Hôm nay là ngày lễ hóa vàng (tức ngày mồng 3 tháng giêng) năm(âm lịch)

Tín chủ con thành tâm sấp sửa hương hoa nước quả kim ngân vàng bạc, phẩm vật trà túu dâng lên trước án, kính cẩn thưa trình:

*Tiệc xuân đã mãn, Nguyên đán đã qua, nay xin
thiêu hoá kim ngân, lê tạ Tôn thần, rước tiên Tiên linh
trở về âm giới.*

*Kính xin phù hộ độ trì cho con cháu được chùa bình
an, gia đạo hưng long thịnh vượng*

*Chúng con lê bạc tâm thành, nhất tâm kính lê, cúi
xin phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Ghi chú: Nếu làm lễ hóa vàng vào những ngày khác
thì thay ngày mồng 3 tháng giêng vào ngày đó.

2.2. Tết Nguyên tiêu

Tết rằm tháng giêng hay lễ Thượng nguyên cũng
có khi gọi là tết Nguyên tiêu được người Việt Nam tiến
hành cúng lễ dâng hương vào ngày 15 tháng giêng,
thường là vào buổi tối khi trăng lên.

Với người Phật tử thì lễ dâng hương này mang ý
nghĩa đặc biệt.

"Lễ Phật quanh năm, không bằng ngày rằm tháng
giêng".

Trong dịp tết Nguyên tiêu, dân gian thường cúng
"Thần sao". Tục lệ ấy bắt nguồn bởi lẽ như sau: Thời
Tây Hán Trung Quốc, mọi người có phong tục cúng tế
"Thái ât", cúng tế từ lúc hoàng hôn cho đến khi trời

sáng. Tên Thái ất đã xuất hiện ở thời kỳ Tiên Tân, khi ấy là chỉ nguyên khí hình thành Trời Đất vạn vật. Sau đời Tân Hán "Thái ất" có 3 cách nói, một là biệt danh của thần Bắc Cực, hai là chỉ tên sao nằm ngoài cung Tử vi, ba là chỉ núi Chung Nam (Chung Nam Sơn).

Theo bản đồ sao, phân tích điều ghi chép trên đây, có thể biết: Thái ất mà đời nhà Hán thờ là chỉ sao Bắc Cực, một ngôi sao rất sáng trên bầu trời phương Bắc, một chỉ tiêu mà cổ nhân dựa vào đó để phân biệt phương hướng vào ban đêm. Ở một vị trí khác cách sao Bắc Cực không xa là sao Bắc Đẩu. Sao Bắc Đẩu xuất hiện ở những vị trí khác nhau trên bầu trời ở những thời gian khác nhau của các mùa và các đêm khác nhau. Vì thế, người ta xem sao Bắc Đẩu xoay quanh sao Bắc Cực. Cổ nhân căn cứ vào "chiếc cán" của sao Bắc Đẩu chỉ lúc hoàng hôn để quyết định mùa. Cái cán ấy chỉ về phía Đông thì là mùa xuân, chỉ về phía Nam thì là mùa hạ, chỉ về phía Tây thì là mùa thu, chỉ về phía Bắc thì là mùa đông. Điều này hoàn toàn thống nhất với việc miêu tả sao Thái ất thay đổi theo bốn mùa (biến nhanh vì từ thời) trong sách "Lễ ký" phần "Lễ Vận". Nhận thức này vốn là công hiến của Tổ tiên người Trung Hoa trong lĩnh vực thiên văn học. Nhưng ở vào thời kỳ khó có thể phân biệt được giữa khoa học và mê tín cổ nhân còn chưa thể có được những giải thích khoa học về các hiện tượng thiên nhiên với những cái hoạ, phúc của con người. Như các nhà chiêm tinh cho rằng: một ngôi sao nào đó chi phối thuỷ hạn, một ngôi sao nào đó khác thì chi phối đói kém, từ đó mà tiếp tục thần thánh hoá các

hiện tượng thiên nhiên. Ở Việt Nam xưa kia, sản xuất nông nghiệp, sức sản xuất lạc hậu, cuộc sống dựa vào thiên nhiên, thường sinh ra hoạt động mê tín sùng bái mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú. Đến một lúc nào đó thì họ hết sức thành tâm cầu mong trời phù hộ cho con người thịnh thịnh bình an, mùa màng tươi tốt. Sau này từ ngày 15 tháng giêng trở đi, mọi người cầu cúng thần sao "Thái ất" suốt cả đêm đến sáng. Đây chính là kế thừa phong tục của cổ nhân sùng bái các thiên thể.

Sắm lễ:

Ngày Tết Nguyên Tiêu các gia đình thường sắm hai lễ cúng: lễ cúng Phật và lễ cúng Gia tiên.

Gia chủ có thể lập đàn tràng tại gia để làm lễ giải hạn.

Đàn tràng lập ngoài sân.

Cúng Phật là mâm lễ chay tinh khiết, cùng hương hoa đèn nến.

Cúng gia tiên là mâm lễ mặn với đầy đủ các món ăn ngày Tết đầy đủ, tinh khiết.

Các vật phẩm khác như:

- Hương hoa vàng mã;
- Đèn nến;
- Trầu cau;
- Rượu

VĂN KHẤN TẾT NGUYÊN TIÊU

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành Hoàng, ngài
Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị
Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tầng Tổ Khảo, Cao Tầng Tổ Tỷ,
Thúc Bá Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tai:.....

Hôm nay là ngày Rằm tháng Giêng năm... gấp tiết
Nguyên tiêu, tín chủ con lòng thành, sửa sang hương
đăng, sắm sanh lễ vật, dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngày Bản cảnh THành hoàng
chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài
Bản gia Táo quân, Ngũ phuơng, Long Mạch, Tài Thần.
Cúi xin các ngài linh thiêng nghe thấu lời mời, giáng
lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cự Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư
vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ..... nghe lời

*khẩn cầu, kính mời của con cháu, giáng về chứng giám
tâm thành, thụ hưởng lễ vật.*

*Tín chủ con lại kính mời Ông bà Tiền chủ, Hậu chủ
tại về hưởng lễ vật, chứng giám lòng thành phù hộ độ
tri cho gia chung chúng con được vạn sự tôn lành. Bốn
mùa không hạn ách, tám tiết hưởng an bình.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*Lê dâng sao giải hạn vào ngày tết Nguyên
Tiêu*

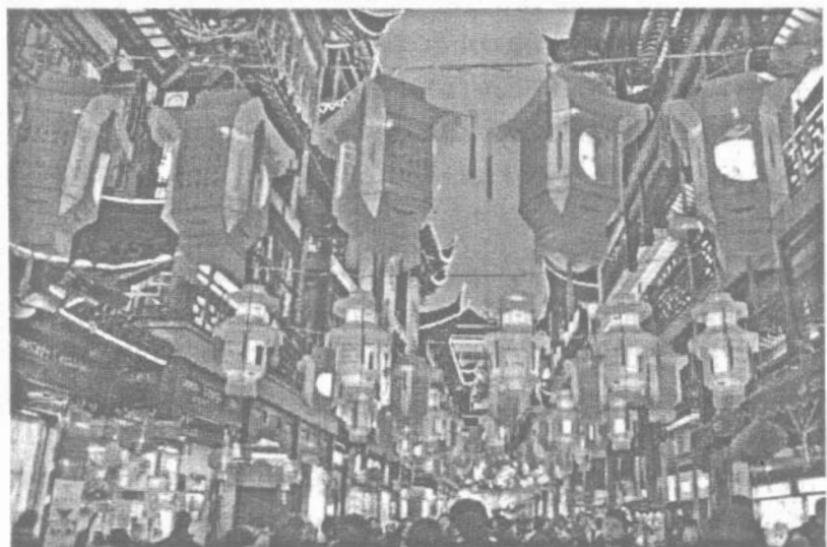
Lý do thờ Nhật thần, Nguyệt thần và Thần sao có thể bắt nguồn từ sự sùng bái tự nhiên của nền văn hoá cổ đại đối với mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần trong tôn thần của Đạo giáo, hàm nghĩa của nó là:

Nhật là thần đại minh: Là biểu tượng của con trai, được trang sức bằng mặt trời màu vàng, đạo giáo gọi là Nhật cung thái dương để quân hiếu đạo tiên vương hoặc là Nhật cung thái đan viêm quang uất minh thái dương để quân.

Nguyệt là thần dạ minh: Là biểu tượng của con gái, được trang sức bằng ánh trăng màu trắng. Đạo giáo gọi là Nguyệt cung thái âm hoàng quân hiếu đạo minh vương hoặc là Nguyệt cung hoàng hoa tố diệu nguyên tinh thánh hậu thái âm nguyên quân.

Ngũ tinh xưa: Là uế tinh (tức mộc tinh), chấn tinh (tức thổ tinh), thái bạch tinh (kim tinh), thuỷ tinh hoặc hoả tinh. Ngũ tinh còn gọi là ngũ diệu, cùng với mặt trời, mặt trăng hợp thành thất diệu. Nếu thêm La hầu (thực tinh) và Kế đô (Báo vī tinh) hợp thành cửu diệu. Nếu không tính Nhật, Nguyệt, mà lại thêm Nguyệt bội và Tử khí thì cũng có thể gọi là cửu diệu. Nếu tính cả thảy thì gọi là thập nhất diệu. Trong kinh điển của Đạo giáo thường gọi là đế quân, nguyên quân, chân quân...



Trong số các vì sao tinh này, có vì sao đã sớm đi vào lòng người trong tín ngưỡng của dân gian là Tây Phương thái bạch tinh (tức kim tinh). Đây vốn là hành tinh trong thiên thể (là một hành tinh gần trái đất nhất), buổi sớm xuất hiện ở phương Đông gọi là "Khải minh", buổi chiều xuất hiện ở phương Tây gọi là "Trường canh", điều này người ta đã biết từ rất sớm.

Cùng với sự xuất hiện của "Tây du ký", Thái bạch kim tinh là một tinh thể tự nhiên được nhân cách hoá. Trong "Tây du ký", Thái bạch kim tinh là một hình tượng thần tiên cao niên lương thiện và nhân từ, trên lưng cõng một góc "sách trời", lão Thái long cung chức vụ là khâm phái "đặc sứ" của Ngọc Hoàng đại đế. Sau khi Tôn Đại Thánh đắc đạo thành tiên, làm náo động long cung đánh xuống địa phủ, làm cho Long vương, Diêm vương phải tâu với thiên đình, Ngọc Hoàng vô cùng hoảng sợ, định phái thiên binh thiên tướng đi chiêu an "yêu hồn" của Tôn Đại Thánh, Ngọc Đế nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn ra lệnh cho Thái bạch kim tinh đi trước để chiêu an. Nhân vật này được mọi người ca tụng.

Về vấn đề tinh sao, trong đạo giáo vẫn tôn sùng ngũ đầu tinh quân là: Bắc đầu, Nam đầu, Đông đầu, Tây đầu, Trung đầu và Tử vi viên chung tinh quân, Thiên thị viên chung tinh quân, Tử vi ngoại toạ chung tinh quân, Bắc cực tứ tướng tinh quân, Nhị thập bát tú tinh quân... Trên thế gian còn có thuyết quần tinh chầu Bắc đầu, Đạo giáo thừa nhận tín ngưỡng này, trong Đạo kinh nói: Bắc đầu rơi xuống là chết, Nam đầu bay lên là sống, Đông đầu là chúa âm phủ, Tây đầu ghi tên. Trung đầu lớn nhất nên giám sát toàn bộ các vì sao. Con người biết tinh sao sẽ được giải thoát tai họa, tăng thêm phúc thọ.

Trong các vì sao, vì sao được tôn sùng nhất là Đầu Mẫu, cũng chính là Trung thiên phật khí đầu Mẫu nguyên quân, Trung thiên Bắc đầu thất nguyên tinh

quân... Trong sách Đạo nói rằng: Ngài là Tử Quang phu nhân, sinh được 9 con, hai con đầu là Thiên hoàng đại đế, Tử vi đại đế. Bảy con sau là: Bắc đầu thất tinh. Các vì sao đã được nhân hoá, lại truyền cho Đầu Mẫu sinh ra ánh sáng của trăng của trời, làm mẹ của chúng tinh Bắc đầu. Đầu làm phần hồn, thuỷ làm phần tinh, ban phát công đức, trị bệnh.

Nghi thức dâng sao giải hạn

Theo các nhà thuật số thì mỗi năm, mỗi người có một ngôi sao chiếu mệnh như: La hầu, Thổ tú, Thuỷ diệu, Thái bạch, Thái dương, Thái âm, Kế đô, Mộc đức, Vân hán. Trong số các sao đó, có sao mang tính cách tốt, lại có sao mang vận hạn xấu. Xấu thì làm lễ để tiễn, còn tốt thì làm lễ để nghinh đón. Lễ nghinh, tiễn này được tiến hành thường kỳ vào các tháng trong năm, vào những ngày nhất định. 9 ngôi sao này theo tương truyền cứ sau 9 năm lại luân phiên trở lại ứng với mỗi một cá nhân. Nhân ngày rằm tháng giêng hoặc trong tháng giêng đầu năm, người ta vẫn tiến hành làm lễ dâng sao giải hạn, có thể ở Chùa (là tốt nhất) hay tại nhà. Cũng theo phong tục thì 9 vì sao này xuất hiện vào ngày, giờ nhất định trong tháng và có hình nhất định, do đó vào ngày nào mà sao nào chiếu thì người ta dâng sao giải hạn sao ấy là tốt nhất, số lượng đèn, nến phải đủ theo tính chất của các sao. Bài vị cũng được thiết lập trên giấy có màu tương ứng với ngũ hành của từng sao như sao Thái Dương: bài vị màu vàng, viết trên giấy dó mực chữ "Nhật cung Thái Dương thiên tử tinh quân" và 12 ngọn đèn (hoặc nến), được bày theo hình của sao.

Sắm lễ:

Hoa quả, trầu cau, xôi, oản, trà, vàng tiền. Cúng lễ dâng sao ngày xưa khá cầu kỳ, phải lập đàn tràng tam cấp, trên cúng Trời, Phật, Tiên, Thánh; giữa cúng các vì sao thủ mạng, bậc dưới thì phẩm vật như cháo khoai... cúng bối thí chúng sinh. Ngày nay, thành tâm là chính "cốt là ở Tâm", người ta có thể làm lễ dâng sao ngoài trời, "tâm động quỷ thần tri".

Lễ nghênh, tiễn được tiến hành thường kỳ vào những ngày nhất định của các tháng trong năm.

Tuy vậy, dù sao nào chiếu mệnh thì vào ngày rằm tháng Giêng, người ta thường làm lễ dâng, sắm đủ phẩm lễ, đủ số lượng các đèn, nến tuỳ theo mỗi sao cần nghênh tiễn.

Bài vị được thiết lập trên giấy, có màu tương ứng với ngũ hành của từng sao.



VĂN KHẤN CỨNG DÂNG SAO GIẢI HẠN

(Nhân ngày Rằm tháng Giêng)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô a di Đà Phật

Hôm nay là ngày Rằm tháng Giêng năm.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tai:.....

Chúng con thành tâm có lời kinh mời:

Nhật cung Thái Dương Thiên Tử tinh quân

Nam Tào Bắc Đẩu tinh quân

Thái Bạch, Thi Tuế tinh quân

Bắc cực Tử vi Đại Đức tinh quân

Văn Xương Văn Khúc tinh quân

Nhi thập Bát Tú, Ngũ Hành tinh quân

La Hầu, Kế Đô tinh quân

Giáng lâm trước án, nghe lời mời cẩn tú:

*Ngày rằm Nguyên Tiêu, theo lệ tràn tục, tín chủ con
thành tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả
thắp nén tâm hương dâng lên trước án, kính mời các vị
lai lâm hâm hưởng, phù hộ cho toàn gia chúng con luôn
luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, vạn sự tôi lành, gia
đình hoà thuận, trên bảo dưới nghe.*

Đèn trời sán lạn.

Chiếu thấp cõi trần.

Xin các tinh quân.

Lưu ân lưu phúc.

Lễ tuy mọn bạc.

Lòng thành có dư.

Mệnh vị an cư.

Thân cung khang thái.

Nam mô A Di Đà Phật!

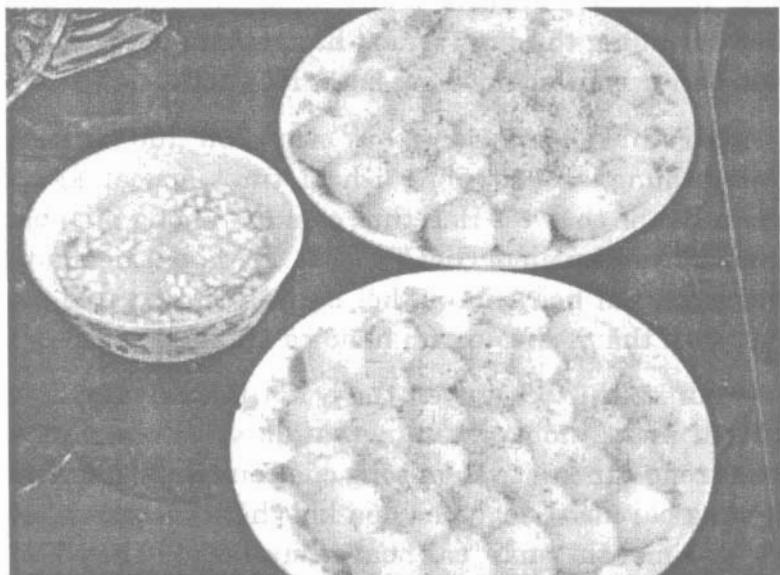
Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!



2.3. Tết Hàn thực

Thời cổ đại, trước ngày Thanh minh một ngày là tết Hàn thực. Vào ngày này, nhà nhà đều cấm lửa, khói. Mọi người chỉ ăn những món ăn nguội đã làm sẵn từ trước.



Tết Hàn thực cấm lửa, dân gian truyền miệng nó bắt nguồn từ việc kỷ niệm Giới Tử Thôi. Thời Xuân Thu, Tấn Văn Công cùng Giới Tử Thôi lưu vong các nước tới 19 năm. Vào lúc khó khăn nhất, Giới Tử Thôi đã từng cắt thịt ở bắp chân mình để cho Tấn Văn Công ăn khỏi chết đói. Về sau, Tấn Văn Công phục quốc, lên làm vua, phong thưởng các quần thần cũ, nhưng lại quên mất Giới Tử Thôi. Sau đó được người nhắc, Văn Công hối hận mãi, vội sai người đi mời Giới Tử Thôi đến nhận phong của vua. Nhưng Giới Tử Thôi không cần

công lộc, cùng mẹ già lên Miên Sơn ở ẩn. Tân Văn Công biết việc này cho người đốt núi, buộc ông phải ra. Nhưng Giới Tử Thôi cuối cùng không ra và chết cháy trên núi Miên Sơn. Sau việc này, Tân Văn Công khóc mãi không thôi, hạ lệnh trước ngày Giới Tử Thôi chết cháy, mọi nhà phải cấm không được đốt lửa, chỉ cho phép ăn những thứ lạnh nguội, hàng năm phải cúng tế. Dân gian truyền nhau và gọi là tết Hàn thực.

Câu chuyện này đến nay vẫn còn lưu truyền. Nhưng chúng ta ngược dòng lịch sử, tìm kiếm cẩn kẽ cội nguồn, có thể thấy tết Hàn thực cấm lửa không phải bắt nguồn từ việc kỷ niệm Giới Tử Thôi, mà là bắt nguồn từ phong tục "cải hoả" của xã hội nguyên thuỷ, từ đó mà phát triển thành chế độ cấm lửa ở xã hội nô lệ.

Thời kỳ thị tộc nguyên thuỷ, lửa là của cải chung của loài người, nó có tác dụng và địa vị vô cùng quan trọng trong sản xuất và đời sống của con người, người ta rất sùng bái lửa. Lúc ấy, hễ đến khi "hết thời gạo cũ, có thóc gạo mới thì phải "cải hoả" (thay lửa)". "Thay lửa" chính là tắt lửa cũ, châm lửa mới. Thời cổ người ta lấy lửa bằng cây gỗ, gỗ dùng để lấy lửa thì bốn mùa đều thay đổi; mùa xuân thì dùng cây Du, Liễu; mùa hạ thì dùng cây Táo, Hạnh. Mùa thu thì dùng cây Lịch, Đậu; mùa đông thì dùng cây Hoè, Thông. Một năm một vòng. Việc thay đổi lửa theo một vòng như thế dần trở thành tục lệ thời Chu. Đến đời Xuân Thu, "thay lửa" là việc làm thường lệ hàng năm. Về sau, mọi người đều nhận thấy, bốn mùa đều thay lửa thì quá phiền, bận rộn, cho nên từ sau đời Tần Hán, liền cố định việc "thay lửa" vào mùa xuân. Trong xã hội có giai cấp, lửa cũng là thứ của

cải giống các loại của cải khác, được giai cấp thống trị coi là tượng trưng của quyền lực. Vì thế bắt đầu từ xã hội nô lệ trở đi, trước lễ "thay lửa", dân gian đều ngừng các ngọn lửa, đó chính là hình thành tục lệ "hoả cấm" (cấm lửa). Như vậy nhà nhà đều cấm lửa, vì thế không thể không ăn các món ăn nguội lạnh.

Sắm lễ:

Mâm lễ cúng ngày Tết Hàn Thực gồm: Hương, hoa, trầu cau và 5 (hoặc 3 bát) bánh trôi, 5 (3 bát) bánh chay dâng lên bàn thờ.

Văn khấn Tết Hàn Thực: Tết Hàn Thực ngày 3 tháng 3 khi cúng Tổ Tiên thì phải khấn thần ngoại trước, thần nội sau.



VĂN KHẤN TẾT HÀN THỰC

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài
Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị
Tôn thần.

- Con kính lạy Cao Tầng Tổ khảo, Cao Tầng Tổ Tỷ,
Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tại:.....

Hôm nay là ngày..... gặp tiết Hàn
Thực, tín chủ chúng con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư
vị Tôn thần, nhớ đức cù lao Tiên tổ, thành tâm sấm lê,
quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, đốt nén tâm hương,
dâng lên trước án. Chúng con kính mời ngài Bản cảnh
Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài bản xứ Thần linh
Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long
Mạch, Tài thần giáng lâm trước án chứng giám lòng
thành thu hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị
Hương linh gia tiên nội ngoại họ..... cúi xin

*thương xót con cháu giáng vê linh chứng giám tâm
thành thụ hưởng lễ vật.*

*Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh các vị
Tiền chủ, Hậu chủ ngự trong nhà này, đất này đồng
lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, phù hộ cho toàn già
chúng con luôn luôn mạnh khoẻ, mọi sự bình an, vạn sự
tốt lành, gia đình hoà thuận, trên bảo dưới nghe.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

2.4. Tết Thanh minh

Theo dân gian, Cao Cúc Khanh, nhà thơ đời Nam Tống Trung Quốc có một bài thơ về: "Thanh Minh" viết rằng: "ở Nam Bắc Sơn có rất nhiều nghĩa trang. Thanh Minh mọi người đến cúng, tảo mộ nườm nượp. Tro tiền giấy bay như bướm trắng, nước mắt, máu nhuộm thành con chim đỗ quyên...".

Bài thơ vẽ lên một bức tranh sinh động về phong tục đương thời - tảo mộ tiết Thanh Minh.

Từ lâu việc bàn dân thiên hạ đi tảo mộ vào dịp Tết Thanh minh hàng năm đã là một phong tục đẹp, và sử sách từ thời cổ đều có ghi chép rõ ràng. Sách "Lễ ký" đã viết: "Bậc vương giả thì tế trời đất, các chư hầu thì tế sông núi, các đại phu thì tế vua, các bậc thứ dân thì tế Tổ tiên".

Thời Xuân Thu, dân gian có tục "ngày lành tháng tốt, cúng tế ngoài đồng". Từ thời Tần Hán (Trung Quốc), quy định cứ phải tế ở "mộ", lễ nghi phức tạp, vừa mệt dân, vừa tốn kém tiền của. Đời Đường, vua Đường Minh Hoàng ban thánh chỉ: "Đem đồ ăn lạnh cúng trên mộ, kinh lễ không cần văn, các thế hệ truyền cho nhau để thành tục lệ mãi mãi trường tồn". Từ đó quy định vào thời gian Tết Hàn thực (3 - 3 âm lịch) nhà nhà đi tảo mộ. "Tảo mộ" bắt đầu gọi là "Mộ tế", triều Hán khá lưu hành, gọi là "Thượng mộ", "Thượng chủng", "Bái mộ". Trong "Tống sử", Đường cách truyện có câu "Mời đến Tiên Đường tảo mộ". Có thể thấy rằng "Tảo mộ" đến triều Tống mới thành tên gọi. Nhà Tống quy định tiết Thanh minh "Thái học" phải được nghỉ ba ngày. "Võ học" được nghỉ một ngày, để ai về nhà nấy tảo mộ. Thời Minh, Thanh theo ghi chép của "Yến kinh tiệc thời ký" thì Thanh minh tảo mộ, trai gái áo xiêm lộng lẫy, dập dùu nhau đồ ra ngoại thành.

Người ta chọn tảo mộ vào tiết Thanh minh, bởi vào dịp này khí hậu chuyển sang ấm dần, mưa nhiều hơn, cây cỏ tốt tươi trùm kín lăng mộ, có thể làm cho mộ sụt lở, cần phải cắt cỏ và đắp thêm đất vào mộ,... Trong "Thanh thông lê" nói: "Tiết Hàn thực và tiết sương giáng, bái tảo nghĩa địa, mặc áo trắng đến mộ, đặt rượu, bánh và đồ cất cỏ".

Hai việc cắt cỏ và đắp đất lên mộ, gọi là "tảo mộ". Hơn thế nữa, đây là lúc đẹp trời, nhân lúc đi làm việc tảo mộ, để nhớ Tổ tiên, có thể đi chơi ở ngoại thành ngắm cảnh, nên còn gọi là Đạp thanh. Trong "Đế kinh

cảnh vật lược", người đời Minh viết có nói: "Ngày Thanh minh tháng 3, nam nữ tảo mộ, đem theo châm cài đầu, cành liễu, đi chơi cầu Cao Lương, gọi là Đạp thanh" nên tiết Thanh minh còn được gọi là "tiết Đạp thanh".

Và theo ghi chép, thời Xuân Thu, Giới tử Thôi nước Tấn bị đốt cháy trước tiết Thanh minh một ngày (tiết Hàn thực ăn lạnh). Để tưởng nhớ vị hiền nhân này dân gian đã quyết định cấm đốt lửa ba ngày, không hút thuốc, không ăn uống, đồng thời cúng tế, tảo mộ. Do tiết Hàn thực cận kề với Thanh minh, hơn nữa Thanh minh lại là tiết "dâng cơm", cho nên tiết Hàn thực và Thanh minh được gọi chung là "tiết Báu tảo".



Còn ở Việt Nam, tiết Thanh minh cũng được tổ chức vào tháng ba, đây cũng là một dịp lễ hội truyền thống của người Việt Nam.

*"Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh".*

(Nguyễn Du)

"Tảo mộ" hay "Thanh tảo", đó là dịp nhân tiết trời tháng ba trong xanh, quang đãng, mát mẻ mọi người ra đồng, ra nghĩa trang thăm mộ phần của gia đình mình, lễ cáo long mạch thổ thần và về cúng Gia Thần, Gia Tiên trong nhà.

Tục ấy từ xa xưa, đã đi vào trong áng văn học bất hủ - "Truyện Kiều" của thi hào dân tộc Nguyễn Du, ngày nay người Việt nam vẫn giữ phong tục ấy. Đó cũng là một nét đẹp văn hoá và đạo lý truyền thống của Việt Nam.

Vào dịp tiết Thanh minh, trước khi đi tảo mộ, người ta thường sắm một lẵng mặn nhỏ gồm: hương, đèn (nến), trầu cau, tiền vàng, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hoặc đơn giản thì một khoanh giò nạc) và hoa, quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có mộ phần của gia đình mình thì chủ đất lê vào am, miếu chung, nếu ở đó không có am, miếu chung thì mang theo một cái đôn (ghế) rồi đặt mâm lễ vật lên trên.

Gia chủ thắp đèn, hương, vái ba vái các vị Linh thần Thổ Địa rồi khấn.

Nếu văn khấn viết ra giấy thì đọc xong, hoá (đốt) ngay cùng tiền, vàng.

Trong khi đợi hết tuần hương dâng Thổ Địa thì mọi người trong gia đình đi viếng thăm các ngôi mộ của gia

đình minh; thấy cỏ rậm, cây mọc che quá nhiều thì phát quang đi, đắp thêm mấy vầng đất tôn cao mộ phần, rồi thắp lên mộ mấy nén hương. Đứng trước ngôi mộ mà vái ba vái, rồi khấn.

Sau khi tảo mộ xong thì quay về làm lễ Gia Thần, Gia Tiên ở nhà.

Sắm lễ:

Lễ trong tiết Thanh Minh gồm có: hương đèn, trầu cau, tiền vàng, rượu thịt (chân giò, gà luộc hoặc một khoanh giò nạc độ vài lạng), hoa quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có đê mộ phần của gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào chỗ thờ chung. Sau đó thắp đèn, nhang, vái ba vái vị Linh thần Thổ địa rồi khấn.

* *Lễ âm phần Long mạch, Sơn thần Thổ phủ*
**VĂN KHẤN LỄ ÂM PHẦN LONG MẠCH,
SƠN THẦN THỔ PHỦ NƠI MỘ**

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ, chư vị Tôn thần:*

- Con kính lạy các ngài Thần linh bản xứ cai quản trong khu vực này.

Hôm nay là ngày:.....

Tín chủ (chúng) con là:.....

Nhân tiết Thanh minh (hoặc là nhân tiết thu, tiết đông, hoặc nhân ngày lành tháng tốt...) tín chủ con thành tâm sám lỗ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương kính dâng trước án, kính mời chư vị Tôn thần lai lâm chiêu giám.

Gia đình chúng con có ngôi mộ của.....

Táng tại xứ này, nay muốn sửa sang xây đắp (hoặc tảo mộ, bốc mộ...) vì vậy chúng con xin kính cáo các đấng Thần linh, Thổ công, Thổ phủ Long Mạch, Tiên Chu Tước, Hậu Huyền Vũ, Tả Thành Long, Hữu Bạch Hổ và Chư vị Tôn thần cai quản trong khu vực này, chúng con kính mời các vị chư Thần về đây chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho vong linh được an nhàn yên ổn, siêu thoát. Cúi xin các vị phù hộ độ trì cho tín chủ chúng con toàn gia mạnh khỏe an bình, bốn mùa không tật ách, tám tiết hưởng thái bình.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật

* Lễ vong linh ngoài mộ

Nếu viết văn khấn ra giấy thì đọc, xong hoá ngay cùng tiền vàng. Trong khi đợi tuần nhang thổi địa thì mọi người trong gia đình đi viếng thăm các ngôi mộ của gia đình mình, thắp lên mộ mấy nén. Đứng trước ngôi mộ và khấn:

VĂN KHẤN LỄ VONG LINH NGOÀI MỘ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương*

- *Con Kính lạy Hương linh.....(Hiển khảo, Hiển tỷ hoặc Tổ Khảo.....*

Hôm nay là ngày..

Nhân tiết:.....

Tín chủ (chúng) con.....

Ngu tại:.....

Chúng con và toàn thể gia đình con cháu, nhờ công ơn vỗng cực, nền đức cao dày, gây dựng cơ nghiệp của..... chẹn lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, tín chủ con thành tâm sám lẽ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, thắp nén tâm hương kính dâng trước mộ, kính mời chân linh.....lai lâm

*hiến hưởng. Chúng con xin phép được sửa sang phần
mô, bồi xa, bồi thổ, cho được dày bền, tu sửa minh
đường hậu quý cho thêm vững chắc. Nhờ ơn Phật
Thánh phù trì, đội đức trời che đất chở, cảm niệm Thần
linh phù độ, khiến cho được chữ bình an, ám siêu dương
thái. Con cháu chúng con xin vì chân linh.....Phát
nguyễn tích đức tu nhân, làm duyên, làm phúc cúng
dâng Tin Bảo, giúp đỡ cô nhi quả phụ, tế bần cứu nạn,
hiếu thuận tông nhân để lấy phúc này hưởng về Tiên
Tổ.*

*Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật,
phù hộ độ trì con cháu, qua lại soi xét cửa nhà. Che tai
cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điều lành mang đến, điều dữ
xua đi. Độ cho gia đạo hưng long, quế hòe tươi tốt, cháu
con vinh hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.*

Chúng con lễ bạc tâm thành, cúi xin chứng giám.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

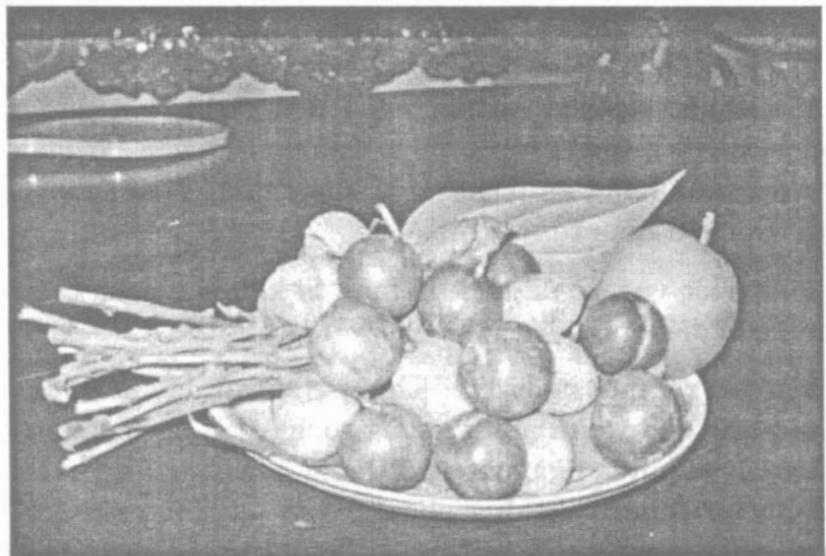
Nam mô A Di Đà Phật!

Sau khi khấn xong, đợi hết 2/3 tuần hương thì đi lễ
tạ các nơi, hóa vàng, xin lộc và mọi người trở về nhà
làm lễ gia thần và gia tiên ở nhà.

2.5. Tết Đoan ngọ

Tết Đoan ngọ hay còn được gọi là tiết Đoan dương
cũng chính là "tết giết sâu bọ" theo cách nói dân gian

Việt Nam, được tiến hành vào ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch hàng năm.



Tết Đoan ngọ là một lễ tết lớn của người Việt Nam, người Trung Hoa... được tiến hành vào giữa trưa (chính giờ Ngọ) ngày mồng 5 tháng 5 (Ngọ) lịch Can chi. Tết này cũng có tên gọi là tết Đoan dương. Đoan ngũ hay Trùng ngũ. Xuất xứ của lễ tục này như sau:

Cách nay hơn 2000 năm, tại nước Sở Trung Hoa cổ đại, có vị quan Tả Phù là Khuất Nguyên (340 - 278 trước công nguyên) can ngăn vua Sở Hoài Vương không được, mà lại bị dèm pha, bị cách chức xuống làm thứ dân. Khuất Nguyên có người chị gái tên là Tu đi lấy chồng xa, nghe tin như vậy bèn trở về thăm em. Thấy Khuất Nguyên tóc thì bỗ xoã, mặt mày nhem nhuốc, hình dung hốc hác, vừa đi vừa ngâm thơ ở bờ sông, bèn bảo rằng:

- Vua Sở dẫu không nghe lời em, mà em như thế là đã hết lòng rồi, còn lo nghĩ làm gì? May mà nhà còn có ruộng, sao chẳng hết sức cày cấy để tự nuôi mình mà hưởng hết tuổi trời?

Khuất Nguyên không muốn trái ý chị, bèn mang cày đi cày. Người trong làng thương Nguyên có lòng trung, đua nhau giúp sức. Hơn một tháng, người chị ra đi. Nguyên than rằng:

- Việc vua Sở đã đến thế này ta không nỡ thấy tôn miếu bị diệt vong!

Thế rồi một ngày kia, Khuất Nguyên dậy sớm, ôm một hòn đá tự đùm mình xuống sông Mịch La mà chết. hôm ấy chính là ngày mồng 5 tháng 5. Người làng nghe Nguyên trầm mình, đua nhau chở thuyền nhỏ ra sông cứu thì không kịp nữa, bèn làm bánh nếp có góc ném xuống dòng sông để tế. Từ đó, có tục đua thuyền rồng ở vùng Ngô Sở.

Mảnh ruộng Khuất Nguyên cày cấy, sau gạo trắng như ngọc, nên gọi là "ruộng gạo ngọc", còn tên làng gọi là "Tỷ quy" (làng chị về).

Ngày mùng 5 là ngày cực dương trong năm, tháng 5 cũng vậy. Do đó có tên gọi là Đoan dương.

Theo lịch cổ thì ngày mồng 5 tháng 5 là ngày mùa xuân đã hết, mùa hạ chuyển sang. Sự chuyển tiết giữa hai mùa xuân - hạ dễ gây ra bệnh thời khí ở con người. Sâu bọ, côn trùng cũng được dịp phát triển, gây bệnh tật cho con người, vật nuôi và cây trồng hữu ích. Bởi vậy, vào tiết này người ta làm lễ dâng hương cúng bái

cầu cho tai qua nạn khói, được mùa; cầu cho sâu bọ có hại bị tuyệt diệt, đem lại điều lành cho mọi người. Thế nên mới có cái tên là "Tết giết sâu bọ".

Với ý nghĩa là "Tết giết sâu bọ", vào dịp tiết Đoan ngọ người ta "lấy lá ngón nhuộm các đầu móng tay, móng chân (trừ ngón trỏ); ăn rượu nếp, trứng luộc, cháo chè kê, bánh đa và các loại hoa quả chua chát. Có nơi người lớn uống rượu xương bồ, trẻ em bôi thuốc hùng hoàng vào thóp đầu, ngực và rốn gọi là "trù trùng". Một số vùng nông thôn còn lấy lá ngải cứu kết hình rồng rắn treo ở cửa, lại uống nước ích mẫu, mâm xôi, cối xay, lá vôi vào giờ Ngọ (giữa trưa). Người mê tín thì kết bùa bằng chỉ màu hình hoa sen, quả khế đeo vào cổ trẻ em. Lại không ít người mang áo vàng đến xin "dầu ấn" của Phật, mong ma quỷ, bệnh ác đừng quấy rầy.

Tiết Đoan ngọ của người Việt Nam, ngoài ý nghĩa là một cái Tết giữa năm, chuyển mùa xuân - hạ, chữa bệnh trừ tà như nói ở trên mà còn là dịp để các gia đình Việt Nam tưởng nhớ Tiên tổ, làm lễ dâng hương trong mỗi gia đình.

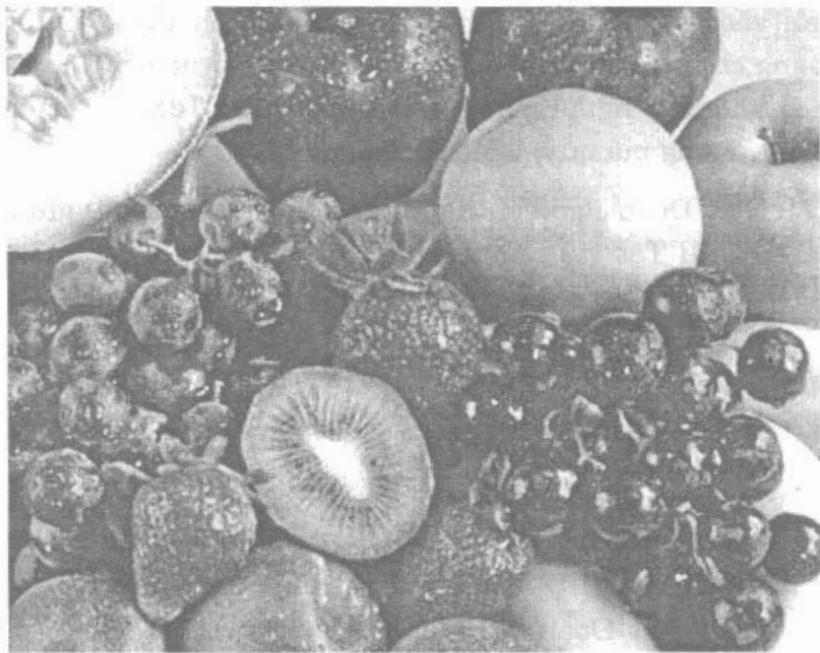
Các phẩm vật trên đây được dâng cúng Gia Thân và Gia Tiên vào buổi sớm lúc mặt trời mới mọc hoặc vào giữa trưa.

Sắm lễ:

Ngày Tết Đoan Ngọ còn gọi là ngày Giết Sâu Bọ. Mâm lễ cúng gia tiên ngày Tết Đoan Ngọ gồm:

- Hương, hoa, vàng mã;

- Nước;
- Rượu nếp;
- Các loại hoa quả:
 - + Mận
 - + Hồng xiêm
 - + Dưa hấu
 - + Vải
 - + Chuối...



VĂN KHẨN NGÀY TẾT ĐOAN NGỌ

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Hoàng thiên Lâu Thổchư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.*

- *Con kính lạy Tổ tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố, mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ Tỷ)*

Tín chủ chúng con là:.....

Ngụ tai:.....

Hôm nay là ngày Đoan Ngọ, chúng con sửa sang hương đăng, sắm sanh lê vật, hoa đăng, trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng, Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thiên linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phuơng, Long Mạch, Tài thần, cúi xin các Ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lê vật.

*Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị
Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin ác
vị thương xót con cháu chúng giám tâm thành thุ
hưởng lễ vật.*

*Tín chủ con lại kính mời các vị Tiên chủ, Hậu chủ
tại nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm
hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản
mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách, tám tiết hưởng
bình an thịnh vượng.*

*Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lễ, cúi
xin được phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

2.6. Tết Trung nguyên

Tết Trung nguyên còn có những tên gọi khác như
tết Vu lan, Vũ lâm hoặc gọi nôm na như dân ta thường
nói là "ngày xá tội vong nhân", được tiến hành vào ngày
15 tháng 7 âm lịch hàng năm.

Tết Trung nguyên của Việt Nam vừa có những yếu
tố thuộc nguồn gốc văn hóa Ấn Độ (qua Phật giáo) vừa
có những yếu tố thuộc nền văn hóa, tín ngưỡng Trung
Hoa.

Dù xuất xứ từ đâu, với người Việt Nam, tiết Trung
nguyên là tiết của dịp "xá tội vong nhân" nơi địa phủ.
Người dân thường có niềm tin rằng vào dịp mùng 10

tháng 7 hàng năm thì mọi tội nhân, trong đó có những vong linh của gia đình, tộc họ mình, đang bị giam cầm nơi địa ngục được dịp ra khỏi âm phủ lên dương gian.

Nhân dịp này các gia đình làm lễ dâng hương, cúng các đồ hàng mã cho người thân của gia đình mình như: quần áo, mũ, giày, tiền hàng...

Ngày nay nhiều người còn cúng cả xe máy, nhà ở, ô tô... (bằng hàng mã) cho các vong linh!

Nhân dịp này tại các chùa cũng thường có tổ chức dâng hương lớn.

Dù là cúng dâng hương tại gia hay tại các Chùa người ta cũng đều không quên cúng các vong linh không nơi nương tựa hay còn gọi là cúng các cô hồn. Vật phẩm là những thứ rẻ tiền, những đồ ăn của người nghèo như: cháo hoa múc ra các lá đà hoặc để cả nồi, khoai lang luộc, ngô rang, bánh đà, đĩa muối, đĩa gạo, tiền vàng,...

Cúng các cô hồn không nơi nương tựa cũng được gọi là "cúng chúng sinh", được tiến hành ngoài trời, ngoài cửa chứ không cúng trong nhà.

Cúng chúng sinh là thể hiện đạo đức từ bi của con người nhân dịp "xá tội vong nhân".

Khác với cúng dâng hương lúc giao thừa là cúng từ ngoài trời trở vào cúng trong nhà, cúng dâng hương nhân dịp rằm tháng bảy lại cúng từ trong nhà ra ngoài trời: cúng Gia Thần, cúng Gia Tiên và cuối cùng mới cúng chúng sinh.

Những điều cần chú ý khi thực thi lễ:

1) Nếu viết văn khấn ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong liền hoá (đốt) văn khấn.

2) Cuối tuần hương, thắp thêm mấy nén nữa rồi hoá các đồ hàng mã dâng cúng.

3) Các đồ hàng mã này cần được chia ra làm nhiều lế cho mỗi vong linh của gia đình, hoặc nếu để chung thì phải ghi rõ họ tên của mỗi vong linh vào đồ lế. Khi hoá, phải hoá riêng các lế và khấn mỗi lần hoá lế như sau:

"Con xin thiêu hoá vàng, tiền, quần áo...

Thỉnh vong linh... nhận chút lế bạc

*Tâm thành, kính cáo tôn thần, xin rước vong linh
lại về âm giới".*

Dâng hương lế cô hồn chúng sinh: Văn khấn cô hồn thường rất dài, có khi tới 184 câu như trong "văn tế cô hồn thập loại chúng sinh" của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Hoàn cảnh tạo ra các cô hồn rất khác nhau, nhiều khi rất trái ngang, văn lế và văn tế các cô hồn, các chúng sinh đã mô tả các hoàn cảnh ấy. Khi đọc lên gây xúc động lòng người, mang ý nghĩa giáo dục tình thương đồng loại rất sâu sắc.

Nhiều bài văn khấn mang tính dân dã, dễ hiểu, ít từ ngữ và điển tích cổ. Còn trong các bài văn tế do các bậc túc nho, trí giả soạn ra thường mang tính "bác học", có nhiều từ ngữ và điển tích cổ. Loại này dù áng văn rất

đẹp, trau chuốt nhưng rất khó phổ biến trong quần chúng.

Sắm lễ:

Ngày Rằm tháng Bảy theo tục xưa, mọi gia đình đều sắm hai lỗ để cúng

+ Lễ cúng gia tiên gồm: Hương, hoa, rượu, xôi và mâm cỗ mặn với nhiều món ăn được chế biến cẩn thận, trình bày đẹp, vàng mã, quần áo, hài giấy...

+ Lễ cúng chúng sinh gồm các lễ vật: Bánh đa, bông, ngô, khoai lang luộc, trứng luộc, kẹo bánh, xôi chè và cháo hoa. Vàng mã, tiền giấy, quần áo chúng sinh...

VĂN KHẤN LỄ TỐ TIỀN

(Ngày rằm tháng Bảy tại nhà)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư vị Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Tổ tiên nội ngoại và chư vị Hương linh*

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngu tai:.....

*Hôm nay là ngày Rằm tháng Bảy năm.....nhân
gặp tiết Vu Lan vào dịp Trung Nguyên, chúng con nhớ*

*đến Tổ tiên ông bà cha mẹ đã sinh thành ra chúng con
gây dựng cơ nghiệp, xây đắp nền nhân, khiến nay chúng
con được hưởng âm đức. Chúng con cảm nghĩ ơn đức cù
lao khôn báo, cảm công trời biển khó đền nên tín chủ
con sửa sang lễ vật, hương hoa, trà quả, kim ngân, vàng
bạc, thấp nén tâm hương, thành tâm kính lên các cụ Cao
Tầng Tổ Khảo, Cao Tầng Tổ Tỷ, Bá Thúc, Đệ Huynh,
Cô Di, Tỷ Muội và tất cả hương hồn trong nội tộc, ngoại
tộc của họ....., cúi xin các vị thương xót cháu con,
linh thiêng hiên về, chứng giám lòng thành, thụ hưởng
lễ vật, phù hộ cho con cháu mạnh khoẻ bình an, lộc tài
vượng tiến, vạn sự tốt lành, gia đạo hưng long, hưởng về
chính giáo.*

*Chúng con lễ bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi
xin được phù hộ độ trì.*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

2.7. Tết Trung thu

Dân gian lưu truyền một câu chuyện như sau: Năm Khai Nguyên triều đại nhà Đường (Trung Quốc), Đường Minh Hoàng và Pháp sư Lã Công Viễn cùng thưởng nguyệt (ngắm trăng) trong cung Trường An. Hôm ấy trời cao, trăng sáng, bầu trời như tấm gương trong. Đường Minh Hoàng hứng thú nồng hậu bỗng nảy ra ý muốn du chơi cung trăng trong cung. La Công Viễn cầm

chiếc gậy đang chống ném vào không trung, bỗng chốc biến thành cầu lớn màu bạc, ông ta cùng Đường Minh Hoàng thuận đường bước lên cây cầu ấy đi vào cung trăng, vừa ngẩng đầu lên nhìn, thấy trên cửa cung viết rằng: "Quảng Hàn thanh hự phủ" (Phủ thanh hự Quảng Hàn), lại thấy trong cung Quảng Hàn, bậc thềm làm bằng thuỷ tinh, sáng như gương, tiên sơn quỳnh các đẹp lẹng lẫy. Hằng Nga thấy người trần gian đến, hết sức vui mừng, mời hai người vào cung, sai cung nữ bê bánh tiên xốp ngọt mời họ ăn, các cung nữ thì múa hát cho họ xem. Về sau Đường Minh Hoàng về đến trần gian sai người làm theo bánh tiên. Bởi vì loại bánh này vốn là bánh của trăng nên có hình tròn như mặt trăng cho nên gọi là "bánh trăng" (tiếng Trung Quốc gọi là "Nguyệt bính"). Từ đó về sau, hàng năm vào tối trung thu có tục lệ ăn bánh trung thu và ngắm trăng.



Câu chuyện trên chứa đầy màu sắc ly kỳ, hoang đường, phản ánh con người đi tìm cuộc sống tốt đẹp, và sự tìm tòi trong vũ trụ. Sự thực, phong tục ăn bánh trung thu bắt nguồn từ sự sùng bái mặt trăng của người xưa. Thời đó, sức sản xuất vô cùng thấp kém, loài người không thể lý giải một cách khoa học đỗi với những hiện tượng ly kỳ trong tự nhiên. Khi mỗi hiện tượng tự nhiên là sức mạnh để con người dựa vào đó để sinh tồn mà không thể kháng cự được, con người liền nảy sinh quan niệm kính sợ và sùng bái đối với chúng. Con người tưởng tượng ra bao nhiêu chuyện thần thoại xung quanh mặt trăng như: Hằng Nga hướng về mặt trăng; Ngô cương phạt quế, Ngọc Thổ già thuốc... coi mặt trăng là thần vật và sùng bái mặt trăng. Các đế vương cổ đại của Trung Quốc đã có lệ cúng trăng mùa thu, dân gian cũng có tục lệ cúng trăng mùa thu, cúng mặt trăng chủ yếu là bánh có hình tròn như mặt trăng. Món bánh này sau khi cúng tế xong, được chia cho cả nhà ăn. Trong "Yến kinh tuế thời ký", chương bánh trung thu có chép: "Bánh trung thu để cúng trăng, đâu đâu cũng có, trên vẽ hình mặt trăng, tế xong thì ăn". Sư sùng bái đối với mặt trăng này về sau được con người liên hệ với cuộc sống hiện thực, nảy sinh ước muốn tốt đẹp ăn bánh trung thu là dịp đoàn tụ gia đình. Theo các tư liệu lịch sử còn ghi chép được: Bánh trung thu là một loại thực phẩm có tên, xuất hiện sớm nhất trong sách "Vũ lâm cựu sự" do người Nam Tống viết. Mọi người đều biết thời lưỡng Tống, Nam Bắc đối địch, chiến tranh liên miên, xã hội hỗn loạn. Vì thế mà lúc này xuất hiện và hình thành phong tục ăn bánh trung thu, chính là dân chúng lao khổ cầu mong thái bình yên ổn,

cũng là nguyện vọng tốt đẹp đoàn tụ gia đình của họ. Từ cổ đến kim, mọi người coi tết đầu năm, tết Nguyên tiêu, và tết Trung thu là ba cái tết "đoàn viên". Tết Trung thu, tiết trời mát mẻ, trong sáng, trăng tròn nhất, cả nhà đoàn tụ, ăn bánh trung thu, ngắm trăng, đây chính là sự kết hợp giữa nguyện vọng đoàn tụ gia đình với việc sùng bái mặt trăng thời cổ đại, vì thế mà hình thành nên phong tục ăn bánh trung thu, ngắm trăng rằm.

Sắm lễ:

Mâm lễ cúng gia tiên ngày Tết Trung Thu ngoài những món truyền thống thì bao giờ cũng phải có: bánh nướng, bánh dẻo, cốm, chuối, na, hồng, bưởi... và tất nhiên phải có hương, hoa, đèn, nến. Nhân dịp Tết Trung Thu mọi người đều gửi biếu ông, bà, cha, mẹ, người thân, người mà mình mang ơn bánh Trung Thu, cốm, chuối, hồng... để tỏ lòng biết ơn quý trọng.

VĂN CÚNG TỔ TIÊN

(Ngày Tết Trung thu)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- *Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư Phật, Chư Phật mười phương.*

- *Con kính lạy Hoàng thiên hậu Thổ chư vị Tôn thần.*

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

- Con kính tay Cao Tằng Tổ khảo, Cao Tằng Tổ Tỷ, Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tại:.....

Hôm nay là ngày Rằm tháng Tám gặp tiết Trung Thu tín chủ chúng con thành tâm sắm lễ, hương hoa trà quả, thấp nén tâm hương dâng lên trước án.

Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phuong, Long Mạch, Tài Thần. Cúi xin các ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ Khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin thương xót con cháu linh thiêng hiện về, chứng giám tâm thành, thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị Tiên chủ, Hậu chủ ngụ tại nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng. Xin các ngài độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Chúng con lê bạc tâm thành, trước án kính lê, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

2.8. Tết Hạ Nguyên (Tết Cơm mới)

Ý nghĩa:

Theo phong tục dân gian Tết Hạ Nguyên được tiến hành vào ngày mồng Một hoặc mồng Mười, cũng có thể là ngày Rằm tháng 10 Âm lịch hàng năm. Theo quan niệm của ông bà ta ngày xưa, những ngày này Thiên Đinh cử thần Tam Thanh xuống trần gian để xem xét việc tốt xấu về tâu với Ngọc Hoàng. Do vậy, mọi nhà phải tiến hành làm lễ để thần Tam Thanh ban phúc lành, tránh tai họa và cũng là dịp "tiến tân" cơm gạo mới cúng tổ tiên.

Nhân Tết Hạ Nguyên mọi người đều mua quà và gạo nếp ối cùng những đặc sản lúc giao mùa Thu Đông biếu ông, bà, cha mẹ và những bậc được tôn kính để tỏ lòng hiếu thuận, biết ơn bể trên.

Sắm lě:

Theo phong tục từ cổ xưa, ngày tết Cơm Mới (tết Hạ Nguyên) nhà nhà đều nấu xôi gạo mới, sắm sửa hương hoa, đèn nến cùng mâm lě mặn thơm ngon tinh khiết để cúng tổ tiên.

VĂN KHẤN TỔ TIẾN

(Ngày Tết Cơm mới)

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

- Con lạy chín phương Trời, mười phương Chư
Phật, Chư Phật mười phương.

- Con kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài
Bản xứ thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn
thần.

- Con kính lạy Cao Tầng Tổ khảo, Cao Tầng Tổ Tỷ,
Thúc Bá, Đệ Huynh, Cô Di, Tỷ Muội họ nội họ ngoại.

Tín chủ (chúng) con là:.....

Ngụ tai:.....

Hôm nay là ngày mồng Một (mồng Mười Răm)
tháng Mười là ngày Tết Cơm Mới, tín chủ con thành
tâm sắm lễ, quả cau lá trầu, hương hoa trà quả, nấu
cơm gạo mới, thắp nén tâm hương dâng lên trước án.

Trông nghĩ rằng:

Cây cao bóng mát

Quả tốt hương bay

Công tài bồi xưa những ai gây

*Của quí hoá nay con cháu hưởng
Ơn Trời Đất Phật Tiên, Chư vị Tôn thần
Sau nhờ ơn Tổ tiên gây dựng, kể công tân khô biết
là bao*

*Đến nay con cháu dõi dào, hưởng miếng trân cam
Nay nhân mùa gặt hái
Gánh nếp tẻ đầu mùa
Nghỉ đến ơn xưa
Cày bừa vun xới,
Sửa nồi cơm mới
Kính cẩn dâng lên
Thường tiên ném trước
Mong nhờ Tổ phước
Hoà cốc phong đăng
Thóc lúa thêm tăng
Hoa màu tươi mới
Làm ăn tiến tới
Con cháu được nhờ
Lê tuy đơn sơ
Tỏ lòng thành kính
Chúng con kính mời ngài Bản cảnh Thành hoàng
Chư vị Đại Vương, ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, ngài
Bản gia Táo quân, Ngũ phuông, Long Mạch, Tài thần.*

Cúi xin các Ngài giáng lâm trước án chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ Tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại họ....., cúi xin thương xót con cháu linh thiêng hiện về chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Chúng con lễ bacc tâm thành, trước án kính lê, cúi xin được phù hộ độ trì.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Mục lục

NGHỊ THỨC THỜ CÚNG GIA TIỀN

1. Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên	7
2. Bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên	12
3. Giá trị đạo đức trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên	13
4. Cách thức thờ cúng gia tiên	19

NGHỊ THỨC THỜ CÚNG GIA TIỀN

1. Thờ cúng gia tiên vào ngày hiếu hỷ, kỵ nhật, sóc vọng	46
1.1. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày hiếu	46
1.2. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày hỷ (cúng mùng, hôn lễ, động thổ, tân gia, khai trương cửa hàng)	77
1.3. Ý nghĩa của việc cúng gia tiên vào ngày sóc vọng, cầu lộc cầu tài	95
2. Thờ cúng gia tiên vào các lễ tiết	103
2.1. Tết Nguyên đán (cúng 23/12, cúng 30/12, cúng 1/1)	103
2.2. Tết Nguyên tiêu	120

2.3. Tết Hàn thực	131
2.4. Tết Thanh minh	135
2.5. Tết Đoan ngọ	142
2.6. Tết Trung nguyên	148
2.7. Tết Trung thu	152
2.8. Tết Hạ Nguyên (Tết Cơm mới)	157

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15 - Lô 2 - Mỹ Đình I - Hà Nội
ĐT: (04)62872633

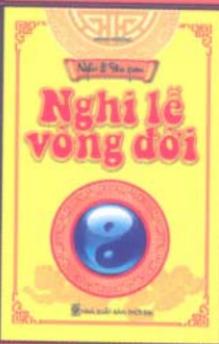
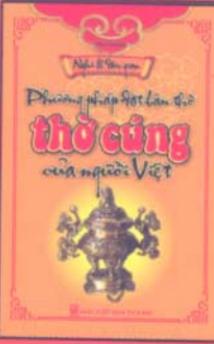
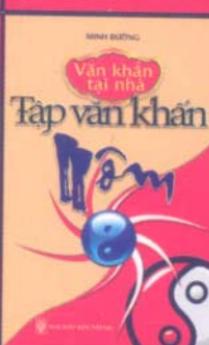
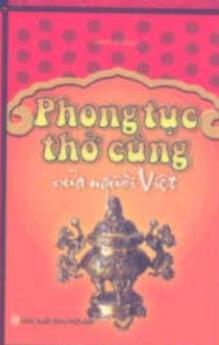
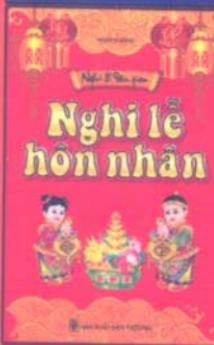
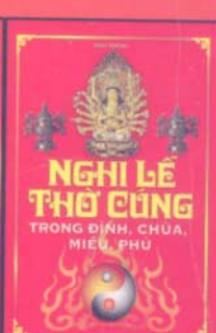
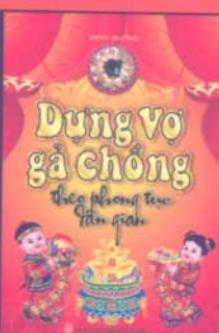
NGHI LỄ DÂN GIAN
NGHI LỄ CÚNG GIA TIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản: BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: NGUYỄN THẾ VINH

Bìa: NSMINHLAM

Là 1.500 cuốn khổ 13.5x20.5cm tại DNTN In Hà Phát
Số đăng ký KHXB: 490-2009/CXB/35/10-16/TĐ
In xong nộp lưu chiểu quý III/2010



 PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM
52A Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 043. 9 427 393. ĐT/Fax: 043. 9 427 407- 043.9 387 391
Website: nsminhlam.com.vn Email: nsminhlam@gmail.com

NGHI LỄ CÚNG GIA TIỀN


8935088517206
GIÁ: 24.000đ